

LỜI NÓI ĐẦU

Xã Nam Chính là điểm hội tụ của cư dân ở nhiều miền quê, những người nông dân cần cù lao động. Trải qua bao biến cố thăng trầm, địa giới hành chính thay đổi nhiều lần, Đảng bộ và nhân dân Nam Chính phát huy truyền thống tốt đẹp trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm và lao động sản xuất, đã viết nên những trang sử vàng chói lọi. Bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, Đảng bộ và nhân dân Nam Chính tiếp tục phát huy và nâng truyền thống vẻ vang của mình lên một tầm cao mới.

Nhằm phát huy sức mạnh truyền thống, đồng thời giáo dục và động viên các thế hệ hiện tại và tương lai, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nam Chính chỉ đạo nghiên cứu, sưu tầm tư liệu, biên soạn “**Lịch sử truyền thống của Đảng bộ và Nhân dân xã Nam Chính (1960 - 2015)**”. Tập lịch sử ghi lại những sự kiện, những chặng đường lịch sử đấu tranh cách mạng đầy gian khổ, hy sinh nhưng vẻ vang trong chiến đấu cũng như trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, tái hiện lại truyền thống cách mạng vẻ vang của nhiều thế hệ cán bộ, đảng viên và nhân dân Nam Chính. Tập lịch sử hoàn thành, mang một ý nghĩa thiết thực, thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn, là tài liệu giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân

trong xã, đặc biệt là thế hệ trẻ niềm tự hào về truyền thống vẻ vang của quê hương, biết trân trọng giữ gìn và phát huy những giá trị tốt đẹp, tiếp tục đóng góp trí tuệ, tài năng xây dựng quê hương đất nước.

Trong quá trình thực hiện bản thảo, Tổ biên soạn đã được sự quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn của Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy; sự giúp đỡ của Ủy ban nhân dân huyện, các cơ quan, ban ngành của huyện; sự góp sức của các đồng chí trong đảng bộ, các đồng chí lão thành cách mạng và những nhân chứng lịch sử. Sau nhiều lần hội thảo, góp ý, thẩm định, tập “**Lịch sử truyền thống của Đảng bộ và Nhân dân xã Nam Chính (1960 - 2015)**” đã hoàn thành và chính thức ra mắt bạn đọc. Mặc dù đã cẩn trọng trong quá trình thực hiện, song chắc chắn tập lịch sử sẽ còn thiếu sót. Vì vậy, Ban Chỉ đạo, Tổ Biên soạn rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc, nhất là những người con của quê hương Nam Chính để được hoàn thiện hơn trong lần tái bản.

Xin trân trọng giới thiệu “**Lịch sử truyền thống của Đảng bộ và Nhân dân xã Nam Chính (1960 - 2015)**” đến bạn đọc.

T/M BCH ĐẢNG BỘ XÃ NAM CHÍNH (KHÓA XI)
BÍ THƯ
PHẠM HỒNG ẢNH

BẢN ĐỒ XÃ NAM CHÍNH

TỈNH ĐỒNG NAI

XÃ ĐA KAI

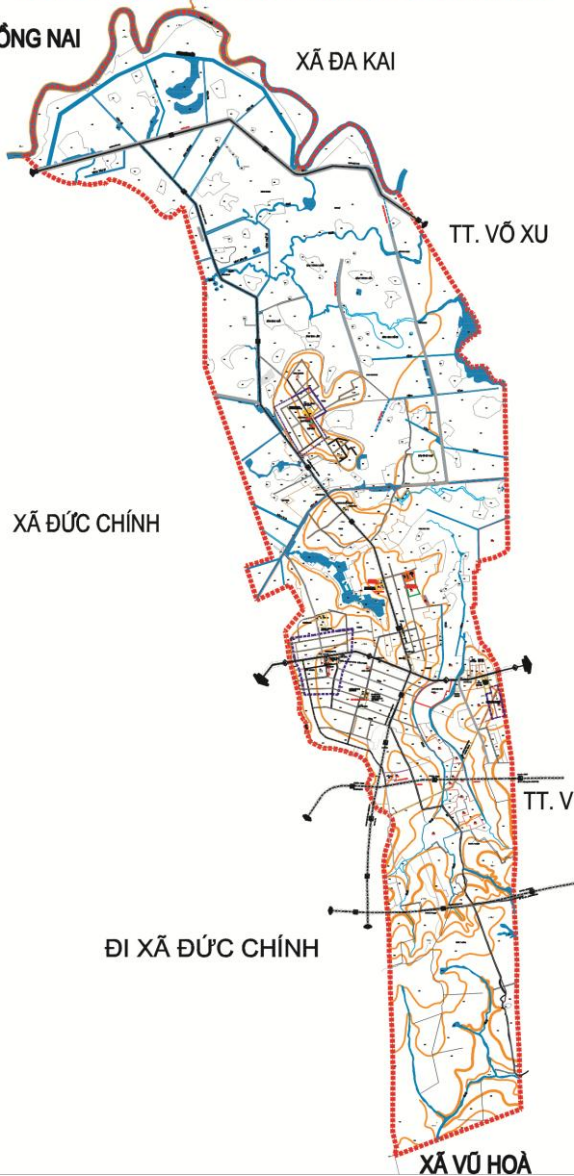
TT. VÕ XU

XÃ ĐỨC CHÍNH

TT. VÕ XU

ĐỊ XÃ ĐỨC CHÍNH

XÃ VŨ HOÀ



Chương I

MẢNH ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ NHỮNG TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP

I- SƠ NÉT VỀ VÙNG ĐẤT NAM CHÍNH

Nam Chính là một xã nằm sát trung tâm huyện lỵ Đức Linh, phía Đông giáp thị trấn Võ Xu; Tây giáp xã Đức Chính; Nam giáp Núi Dinh, Biển Lạc và Bắc giáp Sông La Ngà. Xã Nam Chính có tích tự nhiên 2.832 hecta.

Là một xã có bề dày lịch sử cùng với huyện Đức Linh, một huyện có truyền thống cách mạng, được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, nơi đã từng vang tiếng trong kháng chiến với tên gọi Hoài Đức. mảnh đất, con người Nam Chính hiền hòa, mang theo mình truyền thống quý báu của nhiều miền quê trong cả nước, nơi hội tụ nhiều nét đẹp văn hóa đặc sắc, những con người cần cù, chịu thương chịu khó, thủy chung son sắt với Đảng.

Thiên nhiên hào phóng ban tặng cho nơi đây nhiều vẻ đẹp. Đất đai phì nhiêu, phù hợp với các loại cây công nghiệp như cao su, hồ tiêu, điều... Một vùng có khí hậu rất thuận lợi, không bão, không rét, ít hạn hán lũ lụt; có dòng sông La Ngà

hiền hòa chở nặng phù sa tưới mát những cánh đồng màu mỡ thẳng cánh cò bay, tuy không phải như những vựa lúa ở miền Tây nhưng cũng là vùng trọng điểm trồng lúa của Bình Thuận. Ngọn núi Dinh sừng sững oai hùng, như một biểu tượng của Đức Linh⁽¹⁾, đã từng chứng kiến bao trận đánh Mỹ ác liệt, những trận giằng co quyết liệt giữa ta và địch; chứng kiến sự chiến thắng lẫy lừng của quân và dân ta trong đó có những người con của quê hương Chính Đức - Nam Chính hôm nay.

Nam Chính nằm trong vùng ảnh hưởng chủ yếu của khí hậu Đông Nam Bộ và Nam Tây Nguyên, có hai mùa tương đối rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 4 - tháng 9, mùa khô từ tháng 10 - tháng 3 năm sau. Nhiệt độ bình quân cả năm là 25,40° C. Lượng mưa bình quân dao động từ 2.000 đến 2.200 mm, tập trung chủ yếu từ tháng 5 đến tháng 9 chiếm tới 90% lượng mưa trong năm. Những tháng còn lại mưa rất ít (từ tháng 11 năm trước đến tháng 2 năm sau hầu như không có mưa).

Đất đai khá phì nhiêu, địa hình bằng phẳng, lại là vùng trũng, thuận lợi cho việc trồng lúa nước, Nam Chính nổi lên là một trong những vùng trọng điểm chuyên canh cây lúa của huyện Đức Linh. Những năm gần đây, bình quân mỗi năm

¹⁾ Hiện nay thuộc xã Đức Chính, nhưng trước năm 1983 nằm trên địa bàn xã Nam Chính.

Nam Chính sản xuất được trên dưới 18 ngàn tấn lúa. Ngoài cây lúa là cây trồng chủ đạo, nông dân Nam Chính còn có các loại cây như: điều, hồ tiêu...

Về dân cư, từ xa xưa, người dân bản địa là người dân tộc Cơ Ho. Họ sống ven bầu sinh và theo tập quán du canh du cư. Đến năm 1966, người Cơ Ho di cư lên vùng chân Đồi Bảo Đại (Võ Đất), nay thuộc địa giới hành chính xã Đức Tín.

Tháng 2/1961, khoảng 2000 đồng bào Quảng Ngãi bị chính quyền Việt Nam Cộng hòa đưa vào đây theo chính sách dồn dân, lập ấp, xây dựng dinh điền, sinh sống chủ yếu trên trục lộ ĐT766. Theo thống kê đến năm 2015, Nam Chính có trên 10.000 người/ 2.373 hộ.

Người dân Nam Chính có nguồn gốc từ nhiều tỉnh thành trong cả nước, nhưng phần lớn là tỉnh Quảng Ngãi - mảnh đất miền Trung có bề dày lịch sử về văn hóa Sa Huỳnh và Champa, đặc biệt là hệ thống thành lũy Chăm. Xứ sở không chỉ nổi bật truyền thống yêu nước cách mạng, mà còn có truyền thống lao động sáng tạo, truyền thống văn hóa và tinh thần hiếu học. Qua thử thách trong môi trường tự nhiên và xã hội khắc nghiệt, một vùng quê nhiều giông bão, lũ lụt, hạn hán, quen với sự thiếu thốn, sự cùng cực và đó chính là động lực giúp những người con Quảng Ngãi khi đến vùng đất Cực

Nam Trung bộ này, đã thích ứng được và vươn lên cải biến cả vùng đất này thành nơi địa lợi nhân hòa.

Quá trình hình thành Nam Chính cũng là quá trình tụ hội dân cư. Sau giải phóng, nhân dân từ Sài Gòn, Phan Thiết, Hàm Tân, Bình Trị Thiên, Thái Bình và một số tỉnh khác về đây lập nghiệp. Năm 1979, Nam Chính tiếp nhận hơn 500 người từ quê lúa Thái Bình vào đây lập nghiệp, xây dựng kinh tế mới. Những người con quê lúa Thái Bình đã mang theo truyền thống tốt đẹp của quê hương để góp phần xây dựng Nam Chính quê hương thứ hai của mình.

Quá trình hội tụ cư dân cũng là quá trình hội tụ văn hóa. Những nét đặc sắc của văn hóa nhiều miền đã hòa trộn, đan xen với nhau. Nam Chính là nơi hội tụ người dân ở hầu hết các tỉnh thành trong cả nước nên phong tục, tập quán cũng rất đa dạng phong phú bổ sung cho nhau. Nơi đây còn lưu giữ loại hình sinh hoạt văn hóa dân gian “hát dân ca bài chòi”, một sản phẩm đặc sắc của Quảng Ngãi; hoặc những làn điệu chèo mang theo từ Thái Bình- nơi được coi là cái nôi của hát Chèo Việt Nam.

Văn hóa ẩm thực của người dân Nam Chính (dù nhiều món ăn chỉ còn trong tâm thức) khá phong phú vì đa phần là người dân Quảng Ngãi chịu ảnh hưởng văn hóa ẩm thực của quê hương xứ sở. Tuy bây giờ không còn nhiều người tự tay

làm những món ăn đặc sản của quê hương, nhưng những món ăn dân dã của quê nhà vẫn đau đầu, luyện nhớ trong lòng họ bởi hương vị mộc mạc rất riêng của xứ sở. Về thăm quê, khi ra đi, những người con Quảng Ngãi mang theo hũ cá bống, lon mạch nha, gói kẹo gương làm quà. Dịp tết Nguyên Đán, về thôn 5 xã Nam Chính, nơi tập trung bà con Thái Bình vẫn thấy cái hương vị Tết của miền Bắc như thịt đông, dưa hành, bánh chưng xanh.

II- TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG

Trong kháng chiến chống Mỹ, Chính Đức (tên gọi của Nam Chính trước năm 1975) là tuyến thông thương giữa Chi khu Hoài Đức với địa bàn trọng yếu Võ Xu, vì vậy nơi đây diễn ra nhiều trận đánh Mỹ rất ác liệt đã đi vào lịch sử hào hùng của huyện Hoài Đức. Tiêu biểu là trận đánh được xem là trận đánh thắng Mỹ đầu tiên trên chiến trường Bình Thuận năm 1965; hay trận Xóm Mít năm 1969. Nhân dân Nam Chính trong kháng chiến đã đóng góp nhiều sức người, sức của cho cách mạng; luôn bám đất, bám làng, vượt qua mọi gian nan, tích cực tăng gia sản xuất bảo đảm đời sống và cung cấp lương thực, thực phẩm cho chiến trường. Hàng trăm thanh niên tham gia lực lượng vũ trang cầm súng chiến đấu; nhiều người đã hy sinh cho độc lập của quê hương, nhiều người trưởng thành qua chiến tranh, trở thành cán bộ chủ chốt của huyện.

Đi qua chiến tranh, xã Nam Chính có 84 liệt sỹ, 45 thương, bệnh binh, 57 người có công với cách mạng, 9 Mẹ Việt Nam anh hùng và 307 người được tặng huân, huy chương các loại.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Nam Chính tập trung công việc khắc phục hậu quả chiến tranh, cùng với cả nước bắt tay vào xây dựng Chủ nghĩa xã hội. Tập trung vào thực hiện hợp tác hoá, thành lập hợp tác xã nông nghiệp, mua bán, tín dụng. Những cánh đồng được đưa vào hợp tác xã, chủ yếu trồng lúa và hoa màu. Kinh tế - xã hội của xã Nam Chính được củng cố, xây dựng và dần nâng cao, đời sống nhân dân được cải thiện rõ nét. Các phong trào của địa phương được phát triển. Cơ sở hạ tầng, vật chất, kỹ thuật của các hợp tác xã, của xã, công trình trường học, nhà trẻ được xây dựng. Tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể hoạt động tích cực.

Người dân Nam Chính mang theo từ quê hương Quảng Ngãi, Thái Bình truyền thống cần cù lao động, tinh thần chống thiên tai và giàu kinh nghiệm trồng lúa nước, trồng màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Nông dân Nam Chính đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, góp phần phát triển kinh tế gia đình, xây dựng xã nhà ngày một giàu đẹp. Vì vậy, Nam Chính là một trong những xã luôn

đi đầu trong thâm canh tăng vụ của huyện Đức Linh. Người dân Nam Chính năng động, nhanh nhạy trong quá trình tiếp thu cái mới, nhất là trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Khi đất nước bước vào công cuộc đổi mới, người dân nơi đây đã chuyển một bộ phận lao động nông nghiệp sang tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ; xác định hướng đi của nông nghiệp, tạo thành vùng chuyên canh những cây có lợi thế so sánh.

Sau khi được chia tách năm 1983, mặc dù là một xã khó khăn, nhưng được sự quan tâm đúng mức của Đảng, Nhà nước, cùng với ý chí tự lực tự cường, phát huy truyền thống đoàn kết, lao động sáng tạo, vượt lên mọi khó khăn gian khổ; dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ xã, hôm nay bộ mặt Nam Chính đã thay da đổi thịt. Nhìn lại chặng đường lịch sử đầy gian nan mà anh dũng đã qua, người dân Nam Chính không thể không tự hào với chính mình.

Chương II

NHÂN DÂN CHÍNH ĐỨC TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1960-1975)

I- XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN PHONG TRÀO CÁCH MẠNG, VƯƠN LÊN GIÀNH THẮNG LỢI BƯỚC ĐẦU (1960 - 1965)

Năm 1954, sau chiến thắng Điện Biên Phủ, hiệp định Giơnevơ được ký kết, miền Bắc được giải phóng và tiến hành công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa, tập trung sức người, sức của cho miền Nam. Miền Nam tiếp tục thực hiện cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Mỹ âm mưu phá hoại Hiệp định Giơnevơ, gây sức ép với Pháp đưa Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền ở miền Nam nhằm chia cắt đất nước ta. Cách mạng miền Nam đứng trước một tình hình hết sức khó khăn. Cuối năm 1955 chính quyền Ngô Đình Diệm được củng cố, một mặt đẩy mạnh đánh phá cách mạng, mặt khác dồn dân lập các khu tập trung, dinh điền.

Năm 1957, địch thành lập tỉnh Bình Tuy, gồm ba quận Bình Lâm (tên gọi ban đầu của quận Hoài Đức)⁽¹⁾, Hàm Tân,

¹⁾ Nghị định số 218-BNV/HC/NĐ ngày 29/6/1957 của Bộ Nội vụ Việt Nam Cộng hòa. Theo đó, tỉnh Bình Tuy gồm 03 quận Hàm Tân, Tánh

Tánh Linh. Quân đội chính quyền Việt Nam Cộng hòa được điều động lên đóng ở Hoài Đức nhằm ngăn chặn và bảo vệ vòng ngoài Sài Gòn.

Đầu năm 1960 dịch đưa hàng chục ngàn người, chủ yếu là nhân dân Quảng Nam đến ở Bắc sông, còn Nam sông là nhân dân Quảng Ngãi. Đến cuối năm 1960, dịch cơ bản thành lập xong các xã, khu tập trung. Các xã Trà Tân, Võ Đất, Võ Xu, Chính Đức, Gia An, Hiếu Tín, Lạc Tánh, Đồng Kho, Đồng Me thời gian này thuộc quận Tánh Linh.

Ở khu vực Võ Xu, Chính Đức, Võ Đất, dịch ủi cây rừng hai bên lộ để trồng cây công nghiệp, khai thác kinh tế, giao chỉ tiêu cho các gia đình trồng cây cao su. Mỗi dinh điền có một địa điểm trường, mỗi thôn (ấp) có ấp trường, ấp phó an ninh. Hệ thống mật báo, tề điệp ngầm là công cụ nguy hiểm và đặc lực của chính quyền Sài Gòn dùng để trấn áp, kiểm soát dân và bắt dân giám sát lẫn nhau. Chúng còn tổ chức các đoàn dân vệ, mỗi xã xây dựng từ 30 đến 40 tên⁽¹⁾. Trước sự

Linh và Bình Lâm được tách ra từ tỉnh Bình Thuận, Đồng Nai Thượng và Biên Hòa lúc bấy giờ. Đến ngày 09/5/1959, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa ra Sắc lệnh số 102-NV thành lập quận Hoài Đức, tỉnh Bình Tuy, quận lỵ đặt tại Kiêm Đức, bao gồm các xã, ấp thuộc quận Bình Lâm trước đây.

¹⁾ Còn gọi là lực lượng thanh niên “40”.

kìm kẹp của địch, nhiều người dân vẫn hướng về cách mạng, chờ đợi thời cơ vùng lên đấu tranh.

Về phía ta, đầu năm 1955, Huyện ủy Tánh Linh trong kháng chiến được thành lập, do đồng chí Lê Văn Triều – Tỉnh ủy viên làm Bí thư. Huyện ủy có nhiệm vụ xây dựng và chỉ đạo phong trào kháng chiến chung của cả huyện. Huyện ủy thành lập các Ban cán sự để thực hiện các nhiệm vụ đề ra.

Năm 1957, Ban cán sự Miền Tây được thành lập, trong đó huyện Tánh Linh do đồng chí Nguyễn Thiết Hoàng (Bái) phụ trách để xây dựng vùng này thành căn cứ kháng chiến. Sau khi Nghị quyết 15 Trung ương Đảng mở ra “*con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là dùng vũ trang hỗ trợ cho đấu tranh chính trị*”, phong trào “Đồng khởi” đã nhanh chóng lan ra các tỉnh Nam Trung bộ, tác động mạnh mẽ đến phong trào cách mạng. Từ khi cơ sở Đảng được thành lập, ta đã tăng cường móc nối xây dựng cơ sở tại chỗ và trong lòng địch. Lực lượng vũ trang trước đây có một tiểu đội gồm 10 đồng chí là người dân tộc thiểu số, đến tháng 10/1961, tỉnh điều 10 đồng chí người Kinh thành lập đơn vị vũ trang đầu tiên lấy phiên hiệu là 420.

Tháng 6/1962, chính quyền cách mạng chia Tánh Linh thành hai huyện: Tánh Linh và Hoài Đức (theo đơn vị hành chính của chính quyền Việt Nam Cộng hòa để dễ dàng chỉ

đạo phong trào). Huyện Hoài Đức do đồng chí Nguyễn Thiết Hoàng làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Hồ Kim Việt phụ trách quân sự. Đại đội 421 bộ đội địa phương huyện Hoài Đức do đồng chí Từ Ngọc Thừa làm Đại đội trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Minh làm chính trị viên.

Thời gian này, một số cơ sở cách mạng ở các tỉnh miền Trung bị địch khủng bố tìm đến huyện Hoài Đức sinh sống. Ông Nguyễn Đăng Đăng (Thơ), ông Lê Quang Kết là cơ sở cách mạng ở Quảng Nam, Quảng Ngãi vào xã Chính Đức xây chùa, nhằm tập hợp lực lượng. Ông Lê Quang Kết còn bị địch bắt ép làm liên gia, nhưng ông cùng với ông Nguyễn Thơ tổ chức nắm tình hình địch phục vụ cho đội công tác. Cũng từ đây, cơ sở cách mạng đã dần hình thành tại xã Chính Đức, tạo bước đột phá trong phong trào đấu tranh của quân và dân xã Chính Đức.

Đến năm 1964, cách mạng miền Nam đã đứng trước thời cơ lớn. Để giành quyền chủ động chiến lược toàn miền, ta quyết định mở chiến dịch Đông Xuân 1964 – 1965, mục tiêu là tập trung chủ lực đánh tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng của địch; đẩy mạnh phong trào phá thế kìm kẹp; mở rộng vùng giải phóng, củng cố vùng căn cứ và rút kinh nghiệm để chỉ đạo việc xây dựng lực lượng vũ trang tập trung.

Thực hiện nhiệm vụ trên, Huyện ủy Hoài Đức đề ra chủ trương:

- Vận động đồng bào dân tộc thiểu số ở khu căn cứ tích cực sản xuất cung cấp lương thực, thực phẩm. Mỗi người đảm bảo năm thùng giống lúa, trồng 1000 gốc mì; mặt khác đem gỗ, dầu rái, ngà voi đổi mua lương thực, thuốc men dự trữ.

- Phát động quần chúng ở vùng địch tạm chiếm diệt ác, phá kềm, giành quyền làm chủ.

- Huy động nhân dân đi dân công tiếp tế, phục vụ chiến đấu.

Đầu năm 1965, nhân dân xã Chính Đức vùng lên đấu tranh chống sự kìm kẹp của bọn cha đạo phản động lợi dụng tôn giáo. Địch phải điều cảnh sát quận Hoài Đức xuống can thiệp. Trước tình hình đó, ông Nguyễn Đăng Đăng (Thơ) hô hào quần chúng nhân dân xông vào đánh nhau với cảnh sát ngay tại ngã tư xã. Cuộc đấu tranh này tuy mang tính bộc phát nhưng cho thấy chính quyền địch ở cơ sở không còn duy trì trật tự được như trước.

Đầu năm 1965, trước nguy cơ phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh và đồng minh cùng vũ khí, phương tiện chiến tranh vào miền Nam nhằm đẩy mạnh chiến tranh xâm lược, chuyển sang chiến lược

“Chiến tranh cục bộ”; đồng thời, mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” được tiến hành bằng lực lượng quân viễn chinh Mỹ, quân đồng minh và quân đội Việt Nam Cộng hòa; trong đó, Mỹ giữ vai trò quan trọng và không ngừng tăng lên về quân số, vũ khí, trang bị, nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta. Từ tháng 2/1965, bên cạnh việc thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ” từ vĩ tuyến 17 trở vào, Mỹ sử dụng không quân và hải quân tăng cường đánh phá ác liệt miền Bắc, nhằm ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam.

Tháng 2/1965, huyện Hoài Đức cơ bản được giải phóng. Địch chỉ còn kiểm soát được xã Võ Đắc (nay là thị trấn Đức Tài) nhưng cũng bị ta bao vây, uy hiếp. Do có vị trí quan trọng nối liền Nam Tây Nguyên và miền Đông Nam bộ nên địch quyết định dành lại, ta cũng quyết giữ.

Cuối tháng 2/1965, xã Chính Đức được giải phóng, chính quyền Quân quản được thành lập, do đồng chí Lê Tiên làm Chủ tịch. Nhân dân rất phấn khởi, hăng hái đóng góp sức người sức của cho cách mạng. Xã xây dựng được 2 tiểu đội du kích, chưa được huấn luyện nhiều, còn thiếu kinh nghiệm trong chiến đấu, trang bị thiếu thốn. Tuy nhiên, cán bộ chiến sỹ hầu hết là người địa phương, quen thuộc địa hình, luôn nung nấu tinh thần xả thân vì quê hương. Chính Đức giáp Võ

Đắc về phía Tây chỉ cách một cánh đồng nhỏ, nằm trong tầm bắn của các loại hỏa lực bộ binh địch từ chi khu Hoài Đức, nhưng thuận lợi trong việc tổ chức tiến công và phòng ngự.

Sau khi mất chi khu Hoài Đức, địch sử dụng thám báo, gián điệp trà trộn vào vùng giải phóng Chính Đức và các xã khác trong huyện để nắm tình hình các mặt, chuẩn bị cho việc hành quân càn quét tái chiếm. Chúng dùng máy bay rải truyền đơn kêu gọi, mua chuộc, hù dọa, gây chiến tranh tâm lý trong nhân dân. Có lúc chúng cho bộ binh đột nhập thăm dò nhưng đều bị bộ đội, du kích ta phát hiện chặn đánh. Cuối tháng 4 đầu tháng 5/1965, địch đưa chiến đoàn 47 (Sư đoàn 10) tổ chức càn quét, lấn chiếm vùng giải phóng. Lực lượng du kích xã Chính Đức tổ chức quấy rối, đánh tiêu hao lực lượng địch và được Tỉnh đánh giá là một trong những nơi có phong trào du kích khá nhất⁽¹⁾.

Trước sự càn quét của địch, nhiệm vụ cấp thiết là phải nhanh chóng củng cố vùng giải phóng. Ngày 21/6/1965, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng quyết định phát động quần chúng xây dựng Hoài Đức – vùng đông dân, nhiều của làm hậu cứ cho phong trào cách mạng trong tỉnh. Hội nghị cũng đánh giá tình hình mấy tháng sau giải phóng, nhất là qua những trận càn

⁽¹⁾ *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Linh (1945 – 1975)*... , sđd, tr59.

của địch ta đã bộc lộ nhược điểm, hạn chế trong việc tổ chức chính quyền, phát động quần chúng đấu tranh. Ở Đức Chính, Làng Mới đa số dân bị địch cưỡng ép từ Mê pu, Sùng Nhơn qua và một số di cư từ nơi khác đến, do đó tín ngưỡng tôn giáo và thành phần cũng khác nhau dễ bị địch tuyên truyền xuyên tạc, gây nghi ngờ, chia rẽ để khống chế, mua chuộc làm cho một bộ phận nhân dân có tư tưởng sợ địch, chưa mạnh dạn vùng lên làm chủ. Sau thắng lợi bước đầu có tư tưởng chủ quan nên một số phần tử phản động lợi dụng chui vào các tổ chức chính quyền, đoàn thể gây cho ta một số khó khăn, ảnh hưởng đến phong trào cách mạng. Do vậy, đến cuối tháng 6/1965, công tác bố phòng chưa làm được bao nhiêu, kể cả công tác phát triển Đảng, Đoàn, động viên thanh niên vào bộ đội.

Trước tình hình phức tạp, thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên, quân dân Chính Đức phối hợp với các tổ chức, ngành của huyện phát động quần chúng với tinh thần làm có trọng tâm, rút kinh nghiệm; khơi dậy khí thế làm chủ của quần chúng; quét sạch gián điệp, chỉnh đốn lại tổ chức. Đợt này có hàng chục tên tề ngụy ở Chính Đức - Làng Mới bị ta bắt ra vùng căn cứ học tập chính sách cách mạng trong 8 ngày, sau đó mỗi tên tự kiểm điểm liên hệ với những sai trái, tội ác do chúng gây ra cho nhân dân và cam đoan sau khi về không làm việc cho địch. Đồng thời, ta mở tòa án công khai xét xử

những tên phản động, có nợ máu. Quân chúng nhân dân mạnh dạn tố cáo bọn ác ôn giấu mặt. Cũng trong thời gian này, các ban chỉ đạo, ban vận động được thành lập và hoạt động rất tích cực.

Ngày 21/11/1965, Mỹ ngay mở trận càn “dân sinh”, đánh vào vùng giải phóng huyện Hoài Đức. Địch sử dụng lực lượng khoảng 8.000 tên, gồm Lữ đoàn 173 Mỹ, Trung đoàn 43 và 48 (Sư đoàn 10), 3 chi đoàn tăng, bọc thép trên 100 chiếc, có nhiều phi cơ, pháo 105, 155 ly yểm trợ, tổ chức đánh vào xã Chính Đức, mở đường đánh sang Võ Xu và các xã Bắc sông La Ngà nhằm mục đích tái chiếm các vùng giải phóng và dồn dân về Nam sông xây dựng ấp chiến lược mới.

Về phía ta theo kế hoạch, Đại đội 421, 422 bộ đội địa phương huyện và lực lượng du kích của các địa phương phối hợp với Sư đoàn 5 của Miền sẽ ra đóng quân xây dựng và bảo vệ vùng giải phóng. Nhưng do Sư đoàn 5 chưa kịp triển khai hành quân, nên Huyện ủy tổ chức cho lực lượng vũ trang chặn đánh địch, bố trí mỗi xã 1 đội võ trang công tác nhằm tiêu hao sinh lực địch, đồng thời làm công tác tư tưởng cho dân, rút người, sơ tán phương tiện, hậu cần vào rừng chuẩn bị chiến đấu lâu dài. Thử thách lớn nhất của quân dân Chính Đức nói riêng và quân dân Hoài Đức là lần đầu tiên trực tiếp

chiến đấu với quân đội viễn chinh Mỹ được đào tạo, trang bị hơn về mọi mặt.

Sau khi nghiên cứu xây dựng các tuyến phòng ngự, Ban chỉ huy đại đội 421 và Ban chỉ huy xã đội Chính Đức quyết tâm dựa vào hệ thống công sự chiến đấu phòng ngự và tuyển bổ phòng đánh địch. Nếu lực lượng địch từ một đại đội trở xuống thì đánh truy kích, tập kích diệt gọn, thu vũ khí; nếu từ tiểu đoàn trở lên thì đánh trận đầu phục kích để tiêu hao sinh lực địch, rồi chuyển sang đánh du kích liên tục, nhiều ngày để tiêu hao và hạn chế không để chúng gom dân cướp của.

Nắm được tình hình địch tập trung quân lớn, có xe, pháo ở Võ Đắc để đánh vào vùng giải phóng, Ban Chỉ huy quân sự huyện Hoài Đức đã tăng cường cho Đại đội 421 một trung đội thuộc Đại đội 422, gồm 32 cán bộ, chiến sĩ do đồng chí Hoàng Tấn Việt làm trung đội trưởng. Hàng ngày, Đại đội 421 cử một tiểu đội phối hợp với du kích xã Chính Đức làm nhiệm vụ tuần tra, phát hiện và ngăn chặn địch. Phần lớn, ta triển khai phòng ngự ở ngã tư tiếp giáp giữa thôn 1 và thôn 2; hướng thôn 1, từ đông đường 344 đến tây áp do Đại đội 421 đảm nhiệm; hướng thôn 5 và thôn 3, do du kích xã Chính Đức

và trung đội của Đại đội 422 đảm nhiệm⁽¹⁾. Chỉ huy trận đánh là đồng chí Từ Ngọc Thừa – Đại đội trưởng Đại đội 421.

Ngày 23/11/1965 địch cho máy bay L.19 và trực thăng HU1A quần thảo, quan sát, phóng róc kết dọc theo bờ rừng suốt ngày. 5 giờ sáng ngày 24/11, pháo 105 ở Võ Đắc bắn dọc theo bờ áp từ hướng Đông Nam sang Tây Bắc và hai bên đường. 8 giờ cùng ngày địch tổ chức hai cánh quân đánh vào Chính Đức. Cánh thứ nhất do Trung đoàn 43 và 48 (Sư đoàn 10), có xe tăng, bọc thép và phi pháo yểm trợ bắn mở đường, theo trục lộ 334 đánh vào cổng chào từ hướng Võ Đắc xuống. Theo hợp đồng tác chiến, quân ta nổ súng chặn đánh từ bên ngoài cổng áp, địch tản ra hai bên đường vương chông và một số trái nổ bộ phòng bị thương vong một số. Cánh thứ hai do Lữ đoàn 173 Mỹ dùng trực thăng đổ quân xuống rẫy Năm Đung, phía đông nam của xã 500m, tổ chức đánh vào trong áp, gặp bộ phận chốt của đại đội 421 chặn đánh quyết liệt. Dựa vào quân số đông, binh khí nhiều, phi pháo yểm trợ mạnh, địch tấn công dữ dội. Nhờ có công sự và vũ khí thô sơ bố trí trước, ta đã trụ đánh hơn 1 giờ, chặn được bước tiến của lính Mỹ, sau đó rút về phòng ngự ở trận địa cao điểm ngã tư xã Chính Đức.

⁽¹⁾ *Đức Linh những trận đánh tiêu biểu (1954 – 1975)*, Ban Chỉ quân sự huyện Đức Linh, xb 1992, tr.52.

9 giờ 30 phút, lính Mỹ men theo đường ngang trong ấp lên ngã tư, chạm phải trận địa phòng ngự của ta, địch phải dùng phi pháo yểm trợ. Lúc này, cả pháo 105 và cối 81 từ Võ Đắc bắn liên tục vào trận địa của ta và nhà dân xung quanh khu vực tác chiến. Sau một đợt pháo, bộ binh Mỹ tràn lên nhưng lại bị Đại đội 421 đánh bật ra. Đến lần thứ 3, chúng sử dụng cả xe tăng và bọc thép đánh mạnh vào đội hình phòng ngự.

Đến 12 giờ, các mũi tấn công của địch đều vào hết trong xã, một cánh quân khác đụng phải Đại đội 422 và du kích xã Chính Đức. Trận đánh diễn ra rất ác liệt, nhưng do không tương quan về lực lượng và vũ khí nên ta rút lui về Võ Xu củng cố.

Như vậy, trong ngày 24/11/1965, Đại đội 421, trung đội thuộc Đại đội 422 và du kích xã Chính Đức đã đánh 4 trận lớn, nhỏ, tiêu diệt và làm bị thương 58 tên có 40 lính Mỹ, chưa kể số địch bị thương vong vì chông và trái nỏ, bắn rơi 1 máy bay trực thăng, bắn hỏng 2 xe tăng, ta hy sinh 1 đồng chí. Đây là trận đánh có ý nghĩa lớn của huyện Hoài Đức, lần đầu tiên bộ đội địa phương huyện và du kích xã, hầu hết là tân binh, vũ khí thô sơ lại chống trả được với một lực lượng lớn mạnh, được trang bị vũ khí hiện đại giành thắng lợi quan trọng, tạo được niềm tin đánh thắng được Mỹ đối với nhân dân. Với chiến thắng trong trận chống càn ngày 24/11/1965

đã thể hiện tinh thần quyết chiến, quyết thắng và cách đánh sáng tạo. Quân dân Chính Đức đã phối hợp với các lực lượng vũ trang của huyện đánh một trận xuất sắc trước kẻ thù với vũ khí hiện đại, được máy bay, xe tăng yểm trợ. Buộc Mỹ phải co cụm tại Chính Đức, Võ Xu không dám tấn công ào ạt như trước. Đây là trận đánh Mỹ đầu tiên trên chiến trường Bình Thuận và của Khu VI.

Phát huy khí thế chiến thắng của trận chống càn, từ ngày 24/11 - 04/12/1965, 2 đơn vị và du kích xã Chính Đức tổ chức các trận đánh du kích, phục kích địch, gây cho chúng nhiều tổn thất. Ta đã diệt và làm bị thương 222 tên có 150 tên Mỹ, thu 32 súng các loại, bắn rơi 5 máy bay.

Cuối tháng 12/1965, sau trận càn của Lữ đoàn 173 Mỹ và sư đoàn quân chủ lực Việt Nam Cộng hòa vào vùng giải phóng, địch tổ chức gom dân 3 xã Bắc sông La Ngà đưa về Nam sông lập thành các ấp chiến lược với tên gọi là Làng Mới⁽¹⁾. Chúng bắt dân vào rừng chặt cây, tre về rào, đào hào xung quanh, tổ chức canh gác, bắt mỗi gia đình phải có đèn mỡ và kiểm tra, tuần tra ngày đêm. Đồn bót xây dựng thành hệ thống dày đặc; đồng thời lập trận địa pháo ở Chính Đức và đồi Bảo Đại.

¹⁾ Thực tế nơi đây trước đó chưa có tên, sau dôn thành xã Sùng Nhơn, hiện nay là xã Đức Chính.

II- THÀNH LẬP ĐỘI CÔNG TÁC K12, K3 DIỆT ÁC, PHÁ KÈM GIÀNH QUYỀN LÀM CHỦ (1966 – 1968)

Trước tình hình địch dồn dân, lập ấp chiến lược, Huyện ủy Hoài Đức đề ra chủ trương tập hợp những thanh niên cốt cán, cảm tình cách mạng chạy càn từ vùng tạm bị chiếm sang Bắc sông học tập và huấn luyện; thành lập các đội công tác phụ trách các xã trong vùng địch kiểm soát. Huyện ủy đề ra chủ trương móc nối gây dựng cơ sở liên lạc với số đảng viên, cán bộ bị địch dồn về ấp chiến lược; chú trọng đưa đồng bào dân tộc thiểu số về lại xây dựng vùng căn cứ, vận động rút người thoát ly xây dựng lực lượng vũ trang. Thực hiện chủ trương trên, các đội công tác được thành lập trên địa bàn huyện Hoài Đức.

Đầu năm 1966, Đội công tác K12 và K13⁽¹⁾ được thành lập, hoạt động trên địa bàn xã Chính Đức. Các đồng chí trong

¹⁾ Đội công tác là tổ chức có vũ trang từ 05 đến 10 đội viên có nhiệm vụ tuyên truyền, giác ngộ, tập hợp, tổ chức lực lượng quần chúng đấu tranh giải phóng quê hương. Đội K12 thành lập tháng 3/1966, gồm 10 đội viên (Văn Quý Ba, Nguyễn Thế Tiến, Nguyễn Trúc, Trần Đình Thi, Hứa Lý, Trần Ngọc Ảnh, Nguyễn Luận, Nguyễn Công Ny, Lý Hoàng, Giám; sau này bổ sung thêm những đội viên trẻ như: Nguyễn Thanh Hồng, Trần Lai, Nguyễn Xuân Hòa, Trần Thị Liên, Nguyễn Văn Ba, Hoàng Thị Xương...), do đồng chí Trần Ngọc Ảnh phụ trách. Sau đó, huyện tăng cường đồng chí Nguyễn Phong Cảnh làm đội trưởng. Năm 1967,

đội công tác hầu hết đều là đảng viên từng trải qua chiến đấu gian khổ, ác liệt thời kháng chiến chống Pháp và thời gian đầu chống Mỹ, đã qua rèn luyện thử thách, có kinh nghiệm trong công tác quần chúng. Hai đội công tác bám dân, phát động quần chúng, xây dựng cơ sở, diệt ác phá kềm, phối hợp với lực lượng bộ đội địa phương và các đội công tác khác tổ chức phòng vệ căn cứ, đánh du kích, làm cho nhân dân tin tưởng cách mạng, chống tư tưởng sợ Mỹ, không dám đổi đầu. Địa bàn hoạt động của đội công tác K12 ở phía Đông Bắc Núi Dinh (nay là xã Đức Chính), K13 hoạt động ở khu vực xã Nam Chính (ngày nay). Trong tác chiến, các đội công tác có sự phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau như phối hợp với đội công tác K10 - Võ Đắc, K15 - Võ Xu. Do yếu tố an toàn, căn cứ đóng quân thường thay đổi nhưng vẫn trụ vững xung quanh khu dân cư. Địch thường xuyên tổ chức các đợt càn quét, đánh phá liên tục khu vực đóng quân của các đội công tác, nhưng được sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân, anh em vẫn bám được địa bàn, thậm chí hoạt động ngay trong lòng địch, tuyên truyền vận động gây cơ sở. Thực tế chứng minh rằng, từ khi các đội công tác được thành lập đến khi quê hương giải

đồng chí Trần Ngọc Ảnh làm đội trưởng (thay đồng chí Cảnh rút về huyện) cho đến khi hy sinh. Đội K13 thành lập đầu năm 1966 ở cầu Ông Biên (nay thuộc xã Vũ Hòa) do đồng chí Huỳnh Quang Hòa làm đội trưởng. Đến năm 1968 đồng chí Huỳnh Thời (Thịnh) làm đội trưởng, gồm các đồng chí Đào Nam, Nguyễn Lương, Nguyễn Lôi...

phóng, nếu không có dân bảo vệ, cung cấp sức người, sức của thì không thể hoạt động. Các đội công tác đã biết dựa vào dân, lấy dân làm điểm tựa cho cuộc kháng chiến chính nghĩa của dân tộc, đánh đuổi kẻ thù giành độc lập, thống nhất đất nước.

Cơ sở cách mạng ở Chính Đức được đội công tác K12, K13 xây dựng, phát triển nhanh chóng. Những cơ sở đầu tiên của xã là bà Cảnh, bà Tường, bà Yên, cha con ông Đặng (Thơ), ông Lê Quang Kết. Trong năm 1966, tại nhà bà Tường là nơi bộ đội và đội công tác bí mật về nghỉ chân. Khi bọn địch đi càn, bà dùng lời lẽ vận động, giải thích cho binh lính địch, nhiều tên hỏi và nói với nhau: “Bà ấy làm chính trị”⁽¹⁾. Bà Yên vừa vận động nhân dân đóng góp lương thực, thực phẩm, thuốc men, còn đi Phan Thiết, Sài Gòn mua hàng về ủng hộ cho kháng chiến. Bà vận động mỗi người ủng hộ một ít và đem cất giấu, cứ hai ba hôm lại nhắn tin cho bộ đội vào lấy. Nhiều lúc, bà còn tự mang ra ngoài rừng giúp cho bộ đội. Chị Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Thị Bốn làm nhiệm vụ nắm tình hình tư tưởng địch. Hai chị còn vận động thêm chị Cao Thị Hồng cùng tham gia hoạt động. Bà Bông, bà Cảnh cùng

⁽¹⁾ *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Linh (1945 – 1975)...*, sđd, tr.82.

ông Lê Quang Kết vận động được 5 binh lính Sư đoàn 10 mang theo súng ra tham gia cách mạng như anh Xe, My, Mật.

Lương thực trong kháng chiến gặp rất nhiều khó khăn. Dịch phong tỏa không cho dân vùng giải phóng liên hệ với vùng kìm kẹp để trao đổi mua bán hàng hóa. “Nhân dân phải đào củ năn, củ chuối ăn thay cơm, nhân dân đói, đau, rách, thiếu muối trở nên nghiêm trọng. Thiếu gạo, thiếu muối, bệnh phù thũng làm cho nhân dân rất lo ngại”⁽¹⁾. Để giải quyết tình trạng trên, Huyện ủy phát động phong trào “Trồng mì chống Mỹ”. Chỉ tiêu thi đua ai trồng được 1.000 gốc mì trở lên đạt danh hiệu kiện tướng. Phong trào được nhân dân hưởng ứng sôi nổi. Năm 1966, Huyện ủy cử đồng chí Hồng Hạnh về Sùng Nhơn tổ chức cửa khẩu để lo tiếp tế vận chuyển lương thực, hàng hóa cho vùng giải phóng. Cửa khẩu là cầu nối giữa vùng kèm với vùng giải phóng ở đoạn Sùng Nhơn, Chính Đức qua sông La Ngà. Các đồng chí cửa khẩu liên hệ chặt chẽ với đội công tác ở Chính Đức, Đại đội 421 để hỗ trợ lẫn nhau. Đảm nhận ở bờ Nam sông là ông Trãi, ông Tiên ở Chính Đức, cơ sở của đồng chí Hồng Hạnh. Cửa khẩu có vai trò quan trọng trong việc di chuyển người, vận chuyển lương thực, hàng hóa, thuốc, dụng cụ y tế... phục vụ kháng chiến.

¹⁾ *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Linh (1945 – 1975)... , sđd, tr.89.*

Sau khi đội công tác thành lập được quần chúng nhân dân tin cậy, che chở, Đại đội 421 chia lực lượng ra cùng các đội công tác len lỏi vào vùng chiếm đóng gây dựng cơ sở, nắm địch, nắm dân, huy động lương thực, thuốc men và hướng dẫn quần chúng đấu tranh theo “5 bước công tác”⁽¹⁾. Ngày 01/4/1966, bộ đội, dân quân du kích địa phương tổ chức trận tập kích địch ở Chính Đức, kết quả ta đã bắt và tiêu diệt một trung đội địch.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy là đưa dân bị kèm ở Làng Mới trở về vùng giải phóng Bắc sông, đội công tác K12, K13, dân quân du kích Chính Đức bí mật tổ chức cho các gia đình mang đồ gọn nhẹ tập trung ở Núi Dinh để đêm xuống thực hiện. Do địch kìm kẹp ở Võ Đắc, Võ Xu nên việc di dời dân gặp nhiều khó khăn. Tuy vậy, Chính Đức nằm giữa Võ Đắc, Võ Xu nên địch chủ quan. Lợi dụng tình hình này, ta tổ

¹⁾ 1- Khảo sát, điều tra, nắm chắc tình hình địch và tình hình các tầng lớp nhân dân về mọi mặt.

2- Nghiên cứu, phân tích, đánh giá tình hình, rút ra kết luận cụ thể về những vấn đề nắm được qua khảo sát, điều tra.

3- Tuyên truyền đường lối, mục tiêu của kháng chiến, vạch trần âm mưu, thủ đoạn, chiến tranh thực dân mới của Mỹ – Ngụy, giác ngộ cách mạng cho quần chúng nhân dân.

4- Lựa chọn, tập hợp, tổ chức và huấn luyện lực lượng.

5- Đưa lực lượng vào hoạt động đấu tranh với nhiều hình thức, quy mô, mức độ phù hợp.

chức đưa dân băng đồng sang Sùng Nhon ở Bắc sông khá thuận lợi, trong thời gian ngắn hơn 300 dân đã trở về được vùng giải phóng. Ở thôn 4, ta còn đưa cả văn công về biểu diễn cho nhân dân xem, bọn địch nhiều lần đưa dân thôn 4 ra gần đường lộ. Bộ đội chặn đánh, dân đấu tranh không đi hoặc chuyển đi rồi về lại, địch phải chịu.

Ngày 02/10/1966, để phá vỡ thế kìm kẹp của địch, giải phóng ấp, đưa dân về vùng giải phóng, Đại đội 421, đội công tác K12, K13 cùng dân quân du kích xã tổ chức tiêu diệt và bị thương 43 tên của một trung đội dân vệ đóng giữ ấp, Đại đội 738 và tiểu đội dân vệ chi viện. Ta thu 11 súng, 10 lựu đạn và một số quân trang, quân dụng khác, đưa 85 hộ, 350 khẩu về căn cứ Bắc sông an toàn.

Ngày 16/2/1967, Trung đoàn 4 (Sư đoàn 5 Miền), Đại đội 421, du kích và đội công tác K12, K13 phát hiện địch hành quân nên tổ chức phục kích ở cổng Chính Đức. Sau 20 phút chiến đấu ta đã tiêu diệt và làm bị thương 46 tên. Trong tháng 2/1967, ta phá luôn bót ngã tư Chính Đức.

Tháng 3/1967, Đại đội 421, 422, đội công tác K12, K13 tổ chức đánh tiểu đoàn cộng hoà hành quân bắt lính ở Làng Mới, đẩy chúng về Võ Đất. Ngay lúc đó, đụng phải một tiểu đoàn Mỹ từ hướng núi Dinh nên tổ chức chặn đánh. Đồng chí Nguyễn Văn Ba dùng súng cối đánh vào đội hình địch. Hòa

lực lính Mỹ rất mạnh làm một số chiến sĩ bị thương nên ta vừa đánh, vừa lui dần. Kết quả ta loại khỏi vòng chiến đấu 7 tên Mỹ. Đến tối, ta tổ chức vào lại Làng Mới, bọn tề vệ bỏ chạy. Bội đội, đội công tác vũ trang tuyên truyền thu mua lúa gạo và vận động 04 thanh niên thoát ly tham gia cách mạng. Trận đánh có tác dụng mở mang phá kềm, nhiều cơ sở và đảng viên bên trong được củng cố và tiếp tục phát triển. Tham gia các trận đánh địch, du kích xã Chính Đức ngày càng trưởng thành, phối hợp chiến thuật một cách nhịp nhàng với bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực, từng bước phá vỡ thế kìm kẹp của địch.

Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968, Chính Đức trở thành chiến trường trọng tâm của huyện Hoài Đức. Đồng chí Từ Ngọc Thừa chỉ huy Đại đội 421 tấn công đồn ngã tư áp chiến lược Chính Đức. Địch vừa chống cự vừa đưa lực lượng cơ động 738 đến ứng cứu. Lực lượng địch đông, trang bị vũ khí mạnh, chống trả quyết liệt trước sự tấn công của ta. Huyện ủy Hoài Đức phải đưa lực lượng dự bị đánh giải vây cho bộ phận đồng chí Huy (Đại đội 422) và rút ra. Chính Đức không giải phóng được, một phần do chưa kết hợp được giữa tấn công vũ trang và quần chúng nổi dậy phá kềm. Sau Tết nguyên đán, vào ngày 03/2/1968, bọn lính biệt kích cải trang thành bộ đội vào dân thăm dò. Khi chúng đến

nhà bà Tường, thấy bọn này đi dép râu, đội nón cối nhưng khi xem kỹ thì chân không vết chai; biết là địch, bà đốt nhang làm ám hiệu⁽¹⁾ cho đội công tác ở bên ngoài biết bố trí đánh diệt 5 tên.

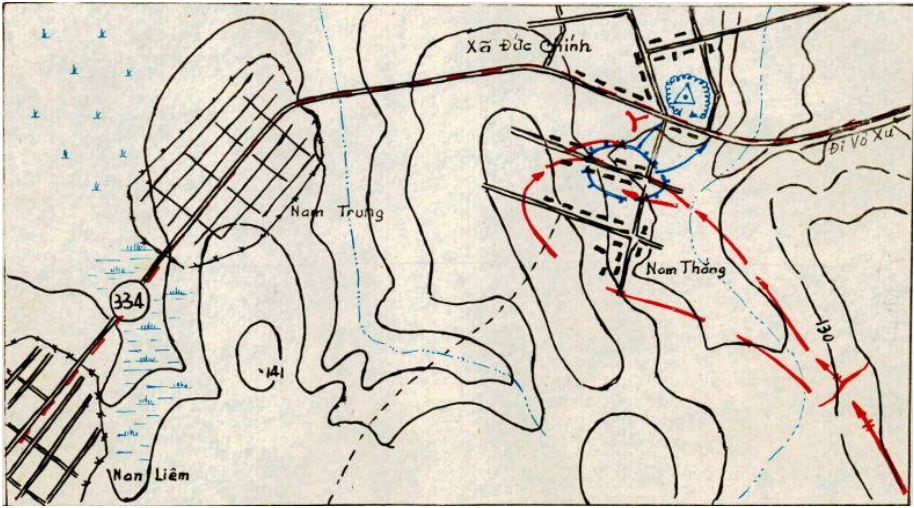
Sau những đợt tấn công của ta, địch tập trung bình định trở lại. Cơ sở cách mạng phần lớn đã bộc lộ. Bọn ác ôn dùng nhiều thủ đoạn đánh phá. Các đội công tác không bám được dân, cơ sở bên trong phải nằm im. Dân sợ không dám tiếp xúc với lực lượng bên ngoài, vì vậy sự tiếp tế từ trong ra ngoài cũng gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình trên, ngày 01/5/1968, các đội công tác cùng Đại đội 421 đánh đoàn bình định ở nhà ông Phố (Nghị Đức). Bằng lối đánh đặc công, các chiến sĩ bí mật, bất ngờ luôn sâu, ém sát mà địch không biết; nổ súng tiêu diệt 5 tên bình định. Ngày 27/10/1968, Đại đội 421 phối hợp dân quân du kích và các đội công tác tấn công khu phòng vệ dân sự ở ấp Chính Đức tiêu diệt 5 tên địch.

III- QUÂN DÂN CHÍNH ĐỨC TIẾP TỤC ĐẤU TRANH GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH CỦA MỸ NGUY (1969 - 1971)

¹⁾ Theo quy ước, đốt một cây nhang thì bình yên, còn đốt nhiều thì có địch (*Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Linh (1945 – 1975)*... , sđd, tr93).

Cuối năm 1968 đầu 1969, ở Chính Đức, địch tiên hành kế hoạch “Bình định cấp tốc”, cần quét kết hợp với bắt lính bổ sung quân số cho Sư đoàn 18. Ngoài ra, chúng bắt những người trong độ tuổi từ 18 đến 53 không đi lính đều phải vào phòng vệ dân sự. Bộ máy kèm kẹp được tăng cường. Lực lượng “Phượng hoàng”, “Bình định” vừa được điều từ trên về vừa đào tạo tại chỗ. Ấp trưởng có quyền bắt người, cưỡng đoạt tài sản của dân. Trong xã, ấp chúng chia ra từng ô nhỏ, rào dây thép gai ngăn cách từng nhà. Mỗi nhà phải sắm đèn, mõ; không được ra ngoài vào ban đêm mà phải đem thau chậu vào nhà để tiểu tiện. Chúng gài mình vào tận ngõ, trong vườn cây, quanh nhà ở. Mỗi ấp chiến lược có ba đến năm lớp rào bảo vệ. Cổng ra vào có lính canh gác, ai ra khỏi ấp đều bị lục soát nhằm đề phòng nhân dân tiếp tế cho cách mạng ở bên ngoài.

Trước tình hình trên, Huyện ủy đề ra chủ trương: đưa cán bộ, đảng viên vào bên trong tăng cường cho cơ sở, xây dựng cốt cán trung kiên; diệt ác phá kềm; vận động nhân dân bung ra làm ăn. Tuy nhiên, do địch tăng cường các hoạt động bố giáp, tuần tra, lại thêm hệ thống mật thám, tề điệp dày đặc nên nhân dân còn e dè, ngại tiếp xúc với cách mạng.



Trận tập kích diệt Đại đội bảo an 119 ngày 19/5/1969

Để làm dân yên lòng, ngày 16/2/1969, Huyện ủy Hoài Đức chỉ đạo đội trinh sát vũ trang⁽¹⁾ tiêu diệt tên ác ôn, tay sai Nguyễn Văn Hòa (Võ Xu) làm bọn tề điệt, mật thám hoang mang, lo sợ. Tên Trần Định (Xã trưởng Võ Xu) lập danh sách số tề, xã, ấp gửi cho cách mạng, kèm theo đơn xin khoan hồng... Từ đó việc đi lại, làm ăn của nhân dân thuận lợi hơn trước.

¹⁾ Ngày 24/4/1968, đội trinh sát vũ trang được thành lập. Đội có 6 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Tấn Trỏ làm đội trưởng, Bùi Minh Quang (Sáu Này) làm đội phó.

Hưởng ứng lời phát động tăng cường tấn công địch, giành quyền làm chủ, lập thành tích kỷ niệm 79 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh của Huyện ủy Hoài Đức, quân dân Chính Đức đã phối hợp với các lực lượng vũ trang tổ chức tiêu diệt địch. Ngày 05/5/1969, các đội công tác K12, K13 và Đại đội 431⁽¹⁾ phục kích toán dân vệ từ đồn sục sạo vào ấp ở Làng Mới, tiêu diệt 2 tên, bọn còn lại chạy thoát về đồn không dám ra nữa. Ta làm chủ, lực lượng vũ trang tuyên truyền trong ấp cả ngày.

Ngày 18/5/1969, Trung đội trinh sát 433 do đồng chí Nguyễn Trung Đường chỉ huy đánh đoàn bình định số 4 ở ngã tư Chính Đức. Đây là đoàn bình định kiểu mẫu của tiểu khu Bình Tuy tăng cường cho Hoài Đức. Với kỹ thuật đặc công, bộ đội bí mật luồn sâu, diệt gọn bọn ác ôn này.

Đặc biệt, ngày 19/5/1969, Đại đội 421 và quân dân xã Chính Đức tập kích tiêu diệt Đại đội bảo an 119 tại xóm Mít. Xóm Mít nằm ở đường 344⁽²⁾, nhà dân xây cất hai bên đường theo quy hoạch với khoảng cách mỗi nhà 50m. Mặt đường bằng phẳng, vườn xoài, mít xum xuê phủ kín, ban đêm rất

¹⁾ Từ năm 1969, bộ đội địa phương đổi phiên hiệu, đại đội 421 đổi thành 431.

²⁾ Nay là đường ĐT 766.

khó quan sát. Do địa hình, địa thế thuận lợi nên địch thường tổ chức đóng quân tại đây.



Bia kỷ niệm trận tập kích tiêu diệt địch tại xóm Mít (thôn 6 ngày nay)

Đại đội 119 Tiểu khu Bình Tuy chỉ tăng cường cho Chi khu Hoà Đức theo từng thời điểm, để lòng sực, đánh phá căn cứ cách mạng. 15 giờ ngày 18/5/1969, địch hành quân đến Chính Đức, dừng chân nghỉ ngơi chờ tối sẽ bí mật vào bìa rừng ngủ, không để ta phát hiện. Nhưng do trời mưa to nên địch di tản ra hai bên đường ngủ qua đêm, sáng hôm sau đi càn. Quân số trên 100 tên, do một tên trung úy chỉ huy, trang

bị khá đầy đủ với nhiều vũ khí, đạn dược, lương thực, có 1 cối 60, 1 đại liên, máy bộ đàm PR25.

Ngay sau khi biết địa điểm địch tập kết, Ban chỉ huy trận đánh nhận định tình hình và hạ quyết tâm: đêm nay chúng chưa có khả năng vào rừng mà còn ở ngoài áp. Cần cho trinh sát bám địa bàn, nắm phát hiện để đánh địch ngay trong đêm, đập tan âm mưu càn vào căn cứ. Cách đánh là bí mật tiếp cận, tập kích tiêu diệt địch trú quân dã ngoại trong áp.

Bộ phận trinh sát do đồng chí Nguyễn Trung Đường chỉ huy đã phát hiện địch, ta liền tổ chức hai mũi quân bao vây. Mũi một gồm 12 chiến sĩ, được trang bị 1 B40, 1 M79 và súng AK, thủ pháo, lựu đạn, do đại đội trưởng Đại đội 422 Nguyễn Văn Ba chỉ huy có nhiệm vụ diệt chỉ huy và hỏa lực địch. Mũi hai gồm 13 chiến sĩ, được trang bị 1 B40 và súng AK, thủ pháo, lựu đạn, do chính trị viên Đại đội 422 Trần Ngọc Hoàng chỉ huy, đánh địch đang căng lều ngủ ở ngoài.

01 giờ 40 phút ngày 19/5/1969, các mũi tấn công đã vào vị trí, cách nơi địch đóng quân từ 25 – 30m mà không bị phát hiện. Chúng chủ quan cho rằng, phía sau là áp chiến lược, có dân vệ và bình định nông thôn canh gác, tuần tra cẩn thận. Ta nổ súng tấn công đánh Sở chỉ huy và hỏa lực, địch tê liệt hoàn toàn, không chống trả được. Mũi hai áp sát trước nên kịp thời bắn cấp tập vào đội hình địch. Bị tấn công bất ngờ, chúng hốt

hoảng bỏ chạy toán loạn, một số ít chống trả yếu ớt rồi lui ra bìa ấp. Sau 15 phút chiến đấu, ta diệt gọn Đại đội 119 Tiểu khu Bình Tuy, địch chết và bị thương trên 70 tên, có cả chỉ huy đại đội, ta bắt 1 tù binh, thu 1 cối 60, 1 đại liên, 1 máy PRC25, 15 súng AR15 và nhiều quân trang quân dụng. Ta hy sinh 1 chiến sĩ. Đây là trận đánh thể hiện được khả năng tác chiến, sự phối hợp của các lực lượng, có tính bất ngờ cao, tấn công nhanh, tiêu diệt gọn, đẩy địch vào thế bị động, thể hiện sự trưởng thành của quân dân xã Chính Đức và bộ đội địa phương. Thắng lợi trận đánh làm cho nhân dân hết sức phấn khởi, tin tưởng vào cuộc kháng chiến sẽ đi đến thắng lợi hoàn toàn. Đồng thời, đây là chiến thắng mà quân dân xã Chính Đức chào mừng 79 năm sinh nhật Bác.

Ngày 02/6/1969, đội công tác Chính Đức do đồng chí Nguyễn Lương chỉ huy đánh địch từ quận đến đóng dã ngoại trong nhà dân. Sáng hôm sau, bọn lính xuống bắt dân trong ấp lên quận tra hỏi. Cơ sở ta vận động quần chúng giữ vững tinh thần. Không khai thác được gì, địch phải thả cho mọi người về. Hoạt động của lực lượng vũ trang trong huyện và các đội công tác làm cho địch rơi vào thế bị động, tư tưởng dao động. Chúng treo giải thưởng cho ai bắt hoặc giết được cán bộ, đội viên đội công tác sẽ được lãnh thưởng hàng vạn đồng, làm cho nhiều tên tề, ngụy ác ôn tìm mọi thủ đoạn lũng đoạn, đánh phá.

Ngày 20/8/1969, Đại hội đại biểu nhân dân huyện Hoài Đức được diễn ra. Về dự đại hội có đại biểu các xã vùng căn cứ, vùng kèm. Việc đưa đại biểu các xã vùng kèm đi dự đại hội mà địch không biết là cả một sự cố gắng rất lớn của các đội công tác trong đó có K12, K13 Chính Đức. Đại hội đã bầu Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời do đồng chí Trần Sĩ làm Chủ tịch, đồng chí Trần Cấp làm Phó Chủ tịch và 5 ủy viên khác phụ trách các mặt công tác.

Trong khi quân và dân đang sôi nổi thi đua giết giặc lập công thì được tin Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời. Nhân dân xã Chính Đức bằng tấm lòng kính yêu lãnh tụ sâu sắc, đã biến thương đau thành hành động cách mạng, cùng với các đơn vị vũ trang tiến lên tấn công tiêu diệt kẻ thù.

Đêm 15/9/1969, du kích xã và Đại đội 431 bắn cối vào đồn Nghị Đức⁽¹⁾ rồi mật phục ngoài rẫy. Đến sáng hôm sau, địch cho lính lùng sục, bị ta đánh, tiêu diệt 3 tên. Ngày 07/10/1969, bộ đội huyện phối hợp với đội công tác K12, K13 tập kích tiêu diệt 3 tên bình định nông thôn gian ác. Ngày 25/12/1969, Đại đội 431 phối hợp quân dân Chính Đức tập kích, áp sát bắn cối vào đồn Nghị Đức. Địch kêu Chi khu

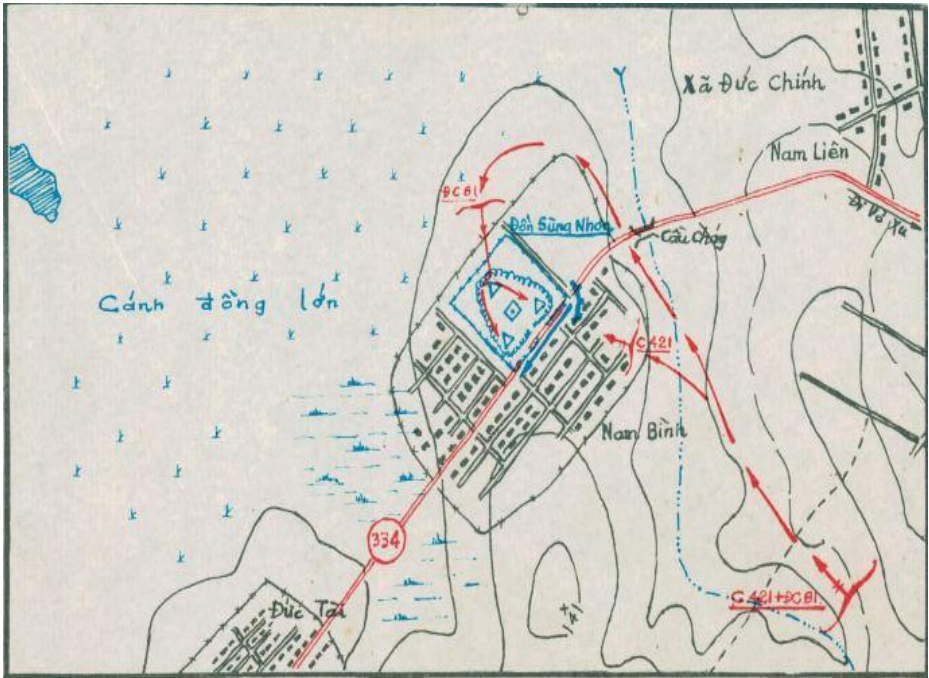
⁽¹⁾ Năm 1965, địch dồn dân Nghị Đức ở Bắc sông La Ngà về Nam sông, lập xã mới vẫn lấy tên là Nghị Đức, thuộc địa phận xã Chính Đức lúc bấy giờ và nay thuộc xã Đức Chính.

Hoài Đức cứu viện 10 xe chở lính, bị B40 của ta bắn phải bỏ chạy.

Đầu năm 1970, địch tăng cường lực lượng chiến đoàn 52, Sư đoàn 18 từ Long Khánh ra hoạt động ở Hoài Đức gồm có 2 tiểu đoàn của Lữ đoàn 199, một chiến đoàn xe cơ giới, 4 khẩu pháo cối 105 ly, 155 ly và 106,7. Ngoài ra, địch còn bắt lính, lập thêm hai trung đội dân vệ và đưa các đoàn bình định từ Bình Tuy về hòng đê bẹp cuộc kháng chiến của quân dân Hoài Đức. Từ tháng 4/1970, địch vừa tổ chức càn quét vừa củng cố hậu phương. Tại Chính Đức, chúng đào thêm giao thông hào, rào thép gai, gài mìn dày đặc và bố trí đèn, mìn khá tinh vi, phòng vệ dân sự được cấp 100% súng tiểu liên. Ở Nghị Đức⁽²⁾ mỗi ngày có 3 tên địch đi gài mìn. Đồng thời, còn dùng dây căng từ nhà này sang nhà khác và bố trí trên đó những ống lon, khi lực lượng bên ngoài vào áp chỉ chạm nhẹ một chỗ là báo động cả xóm. Chúng còn tổ chức bầu cử lại tê ấp, tê xã và tập hợp tôn giáo, đảng phái chống phá cách mạng. Bên ngoài, công binh Mỹ cho xe ủi hai bên đường nhằm chia cắt dân và lực lượng cách mạng. Chúng chia quân ra từng tốp, tốp giữ đồn, tốp tuần tra, tốp theo đoàn bình định đi tuyên truyền, xuyên tạc về cách mạng và tổ chức tự kèm lẫn nhau như bọn Mỹ kèm lính bảo an dân vệ, bọn bình định kèm

⁽²⁾ Đức Chính ngày nay.

phòng vệ dân sự. Trước tình hình trên, nhân dân đã vùng lên đấu tranh phản đối việc địch gài mìn trong ấp, trong vườn, pháo kích vào ấp và ủi phá hoa màu. Trước sự đấu tranh của nhân dân địch phải nhượng bộ, bồi thường thiệt hại do chúng gây ra. Ở Chính Đức, một lỗ pháo địch bồi thường một nghìn đồng, một con trâu, bò chết là 40 nghìn đồng.



Trận tập kích đồn dân vệ Sùng Nhơn ngày 12/6/1970
(thuộc xã Đức Chính ngày nay)

Để đánh bại âm mưu của địch, Miền đưa Trung đoàn Quyết Thắng về phối hợp lực lượng Quân khu VI, hoạt động tại Hoài Đức. Các đơn vị vũ trang trong huyện được sự hỗ trợ của bộ đội chủ lực, thực hiện tuyên truyền, phát động quần chúng đấu tranh. Ta tổ chức rải truyền đơn, thư chúc tết của Huyện ủy được nhân dân ủng hộ nhiệt tình. Hàng trăm người tham gia mít tinh, vận động được một số binh sỹ địch bỏ hàng ngũ về với gia đình.

Giữa năm 1970, Đại hội Đảng bộ huyện Hoài Đức diễn ra tại Núi Lốp, bầu Ban chấp hành Đảng bộ huyện gồm 15 đồng chí, do đồng chí Ngô Thanh Bình làm Bí thư Huyện ủy⁽¹⁾. Dựa vào tình hình thực tế, Huyện ủy đề ra chủ trương: tiếp tục phát huy mọi khả năng lực lượng vũ trang hiện có, tấn công địch bằng nhiều hình thức; đẩy mạnh vũ trang tuyên truyền; phát động quần chúng rộng rãi, vừa bí mật luôn sâu xây dựng và phát triển cơ sở, phát triển đảng viên cả bên trong và bên ngoài, bên trong là chính; ra sức củng cố xây dựng căn cứ, vùng giải phóng một cách toàn diện...

Ngày 12/6/1970, Đại đội đặc công tỉnh phối hợp bộ đội địa phương Hoài Đức, các đội công tác tổ chức tiêu diệt đồn Sùng Nhơn. Đồn dân vệ Sùng Nhơn nằm giữa xã, cách đường

¹⁾ Đến tháng 2/1972, Tỉnh cử đồng chí Trần Văn Tình làm Bí thư Huyện ủy.

334 khoảng 30 m - 40 m, cách chi khu quận lỵ Hoài Đức 4,5km về hướng Đông Nam. Địa hình tương đối bằng phẳng, phía sau đôn là một cánh đồng sản xuất lúa một vụ, mùa mưa sinh lầy, có nhiều ao, bầu đầy nước di chuyển rất khó khăn. Mùa khô đi lại dễ dàng nhưng trồng trãi dễ bị phát hiện từ xa. Đôn Sùng Nhon được xây dựng theo kiểu hình tam giác, tại mỗi góc địch bố trí một lô cốt cao khoảng 2 m, có lỗ châu mai bắn thấp và cao, bên trong chứa được khoảng 6 tên, đủ trang thiết bị. Bên ngoài có 3 vòng rào đơn ô vuông, bên trong là giao thông hào⁽²⁾. Về lực lượng, địch có một trung đội dân vệ 36 tên được trang bị đầy đủ súng AR15, M79 và trung liên, 1 đoàn bình định nông thôn 20 tên cũng có trang bị súng. Ngoài ấp, mỗi liên gia đều có một tiểu đội phòng vệ dân sự được huấn luyện và có trang bị súng trường. Hoạt động của địch không theo quy luật nhất định nên gây khó khăn cho ta trong việc nắm bắt và phân tích tình hình.

Nhân dân trong ấp chủ yếu là ở Mê pu, Sùng Nhon 1, Sùng Nhon 2 bị địch ép dồn về. Trong ấp, địch tổ chức bộ máy tề gồm những tên ác ôn khét tiếng, kìm kẹp dân rất khắc nghiệt. Xung quanh ấp bị rào kín bằng dây thép gai và công sự chỉ chừa 2 cổng ở 2 đầu xã để dân ra vào làm ăn. Tuy

⁽²⁾ Hàng rào và giao thông hào đều có gài mìn Clay mo, lựu đạn, pháo sáng và treo lon để phát tiếng động khi bị va chạm vào.

nhiên, chúng tổ chức canh gác rất nghiêm ngặt. Dân ra ngoài áp lao động phải đi muộn về sớm, chỉ được mang cơm đi ăn trong ngày. Tuy nhiên, quần chúng nhân dân vẫn hướng về cách mạng. Đội công tác K12 xây dựng được 10 cơ sở chính trị và 1 tổ du kích mật thường xuyên cung cấp tình hình và tiếp tế lương thực, thuốc men.

Đại đội 421, đội công tác K12 đề ra phương án tiêu diệt địch. Sau khi nắm kỹ tình hình, phương án tác chiến được đưa ra: đối với lính trong đồn, dùng chiến thuật tập kích mật tiêu diệt; đối với bọn gài mìn ngủ trước cổng đồn thì áp sát, nổ súng cùng lúc với đánh đồn. Nếu chúng ngủ ngoài dân thì đề phòng khi lui quân. Ta chia quân thành 2 mũi: Đại đội 81 gồm 12 chiến sĩ, được trang bị 2 B40, 1 B41, 4K54, 3AK, 3 kéo cắt rào, 2 bộc phá 5 kg, 2 pháo dù và thủ pháo, lựu đạn - do đồng chí Chính đại đội trưởng 81 chỉ huy đánh lô cốt tiêu diệt đồn. Mũi 2 do Đại đội 421 gồm 9 chiến sĩ, được trang bị 2 B40, 2 K54, 1 khối bộc phá 5 kg, 4 AK, 1 kéo cắt rào, 1 pháo dù và thủ pháo, lựu đạn đánh bọn đi phục gài mìn.

18 giờ 30 phút, các mũi tham gia trận đánh tiếp cận mục tiêu. Đại đội 81 cắt được 2 lớp rào thì địch phát hiện, bắn pháo sáng liên tục. Đại đội 421 đến rào 1 chưa cắt thì có pháo sáng phải dừng lại, nhưng phát hiện bọn đi phục và gài mìn không vào đồn mà ngủ cách cổng đồn 70m về phía

Đông bên trái đường. Sau hai ca đổi gác, bọn địch cho rằng những tên gác trước do ngủ gục rồi giật mình bắn báo động bậy nên không bắn pháo sáng nữa. Đại đội 81 tiếp tục cắt rào, đến giao thông hào vào chân lô cốt đầu tiên thì đã quá giờ quy định nổ súng. 3 đồng chí cắt rào đã chui vào trong, đồng chí Vinh y tá, sợ ý để túi thuốc cứu thương chạm sợi dây treo lon phát ra tiếng động. Tên lính gác trên lô cốt pha đèn thấy Vinh liền nổ súng, nhưng do mất tinh thần, đạn bắn cao, không trúng ai. Các chiến sĩ dùng pháo dù đánh phủ đầu địch diệt lô cốt, toàn mũi tràn vào diệt tiếp các lô cốt 2 và 3. Địch chui ra giao thông hào chưa kịp nổ súng đều bị ta diệt gọn, bắt sống 5 tù binh. Khi mũi 1 vừa nổ súng đánh đồn thì mũi 2 cũng nổ súng đánh vào đội hình địch đang trú quân trước cổng đồn, khiến chúng không kịp chống trả.

Sau 10 phút chiến đấu, ta đã tiêu diệt 23 tên, phá hủy toàn bộ công sự, lô cốt, hầm ngầm, thu 12 súng AR15, 2 máy thông tin PRC25 và nhiều quân trang, quân dụng. Đây là trận đánh phối hợp giữa hai đơn vị đặc công và bộ binh, vừa diệt đồn vừa đánh bọn phục bên ngoài, làm cho địch hoang mang, co cụm, không dám đi gài mìn ban đêm, hỗ trợ tốt cho phong trào chính trị địa phương vươn lên đấu tranh chống, phá sự kìm kẹp của địch.

Trước tình hình đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị ngày càng lớn mạnh, địch tăng cường các biện pháp ngăn chặn nhân dân tiếp xúc với cách mạng và kiểm soát nhân dân. Tháng 7/1970, địch thành lập thêm một phân chi cảnh sát ở Chính Đức gồm 3 tên. Bên cạnh đó, chúng tổ chức cho toàn dân học tập “cách làm tình báo” để giúp chính quyền nắm, thu thập tình hình Việt cộng. Trước tình hình này, du kích Chính Đức đã phối hợp với các lực lượng vũ trang đột nhập vào áp tiêu diệt 7 tên. Đến cuối năm 1970, địch vẫn không chế được quần chúng về mặt tự do đi lại.

Trước khi xuống thang chiến tranh, Mỹ đã đưa quân càn quét, bắn phá, giúp cho quân đội Sài Gòn ở chiến trường Hoài Đức mạnh lên. Đầu năm 1971, lính Mỹ rút đi, chấm dứt một thời kỳ vô cùng ác liệt nhất ở chiến trường Chính Đức cũng như Hoài Đức. Quân đội Sài Gòn tại Hoài Đức được trang bị đầy đủ, quân số đông nhưng thiếu hỗ trợ của Mỹ nên tinh thần hoang mang dao động. Tuy vậy, chúng thực hiện kế hoạch “Bình định đặc biệt”, củng cố vùng tạm bị chiếm, không đủ sức càn quét thường xuyên ra vùng giải phóng, căn cứ cách mạng như trước.

Đầu tháng 3/1971, Trung ương Cục miền Nam có Chỉ thị 01/71 về đánh phá bình định của địch. Thực hiện tinh thần của trên, Tỉnh uỷ Bình Tuy đề ra nhiệm vụ đánh phá kế hoạch

“Bình định đặc biệt” của địch tại Hoài Đức, chia ra thành từng đợt⁽¹⁾. Huyện uỷ chọn Làng Mới⁽²⁾- Chính Đức, chỉ đạo các đội công tác quyết tâm đưa phong trào đi lên, ngày đêm bám sát địa bàn tìm cách xây dựng lực lượng bên trong, làm tê liệt bộ máy tê điệp nhằm phá âm mưu bình định của chúng. Các đội công tác tăng cường quán triệt cho đội viên 5 bước công tác đi dân vận, rèn luyện kỹ chiến thuật, rà gỡ mìn để đột áp, quyết tâm bám dân, bám địa bàn. Sùng Nhơn, Nghị Đức (Làng Mới) án ngữ phía Đông Bắc Chi khu Hoài Đức nên lực lượng địch tập trung hơn 200 quân. Đội công tác bổ sung thêm đội viên, chia thành hai mũi: Sùng Nhơn và Nghị Đức. Các đồng chí có kinh nghiệm, bản lĩnh được điều về đây. Đồng chí Nguyễn Thanh Hồng cùng các đội viên luôn tìm cách luồn sâu vào ấp chiến lược (có lúc không thể gõ cửa phải trèo mái nhà dờ ngói chui vào) để gặp gỡ dân tuyên truyền, vận động, tìm hiểu thủ đoạn kềm kẹp dân của địch. Nhờ vậy, các đồng chí phát hiện được hệ thống báo động tinh

¹⁾ Đợt I (từ tháng 4/1971 - tháng 10/1971), trọng tâm đánh phá một số ấp ở Võ Xu, dọc lộ 3 đến Võ Đất. Đợt II (từ tháng 11/1971 - Xuân Hè 1972) cố gắng làm chủ một số ấp dọc lộ 3, làm chủ ban đêm tiến lên làm chủ cả ban ngày.

²⁾ Làng Mới – Chính Đức là nhân dân ở xã Nghị Đức, Sùng Nhơn, Thận Đức ở Bắc sông La Ngà bị địch dồn về Nam sông, nay thuộc địa phận xã Chính Đức. Đến tháng 3/1975, số dân bị địch dồn đã về lại các xã cũ ở Bắc sông.

vi mà địch đã bố trí. Đồng chí Trần Thị Liên (Ngư) y tá⁽¹⁾ thường đào từng cây thuốc quý đem về chế biến làm thuốc bồi dưỡng sức khoẻ cho anh em trong đội, đồng thời mang vào áp chữa bệnh cho dân.

Tháng 6/1971, đội công tác Lê Thị Hồng Gấm được thành lập, tăng cường lực lượng cho địa bàn, chủ yếu là mảng kèm Nghị Đức. Đội có năm chị em do hai đảng viên là chị Khá làm đội trưởng, chị Nguyên làm đội phó. Chị em cũng dò, gỡ mìn thành thạo không kém gì nam giới, sát cánh cùng bộ đội, đội công tác đột áp, diệt ác, đi giao liên.

Tháng 7/1971, đội công tác K12 tổ chức đột áp chiến lược, phát động quần chúng. Tên Ôi là cơ sở của đội công tác phản bội, hướng dẫn cho địch gài mìn những hướng mà anh em hay ra vào áp, làm đồng chí Nguyễn Ny hy sinh, đồng chí Nguyễn Tiến, Nguyễn Văn Ba bị thương. Cùng cố lại đội công tác, Huyện ủy Hoài Đức chỉ định đồng chí Hứa Lý (Lý Do) làm đội trưởng đội công tác K12⁽²⁾. Cũng trong tháng

¹⁾ Cuối năm 1972, trong một lần đi công tác bị địch phục kích, bắn bị thương và kêu hàng, nhưng đồng chí Trần Thị Liên anh dũng chiến đấu đến cùng, diệt một số tên và hy sinh.

²⁾ Do tính chất ác liệt của Chính Đức - Làng Mới, từ 1969 đến năm 1972, đội công tác K12 có nhiều đồng chí hy sinh: Nguyễn Ngọc Ảnh đội trưởng K12 (tháng 5/1969), Nguyễn Luận, Trần Lai, Nguyễn Ny (tháng 7/1971), Nguyễn Thanh Hồng (1974), Trần Thị Như, đồng chí Thuận, đồng chí Lập.

7/1971, Đại đội 431, 433, đội công tác Lê Thị Hồng Gấm, K12 và K13 đánh bọn địch lòng sục ở Làng mới. Đại đội 433 phục chặn địch tiếp viện từ Võ Xu lên. Lực lượng còn lại chia làm nhiều mũi, nhiều hướng đánh diệt nhiều tên. Địch không đôi phó được phải rút về Võ Đất.

Hoạt động của lực lượng vũ trang cổ vũ quần chúng trực diện đấu tranh chính trị với địch, chống không đi bầu cử Ngụy quyền, đòi Thiệu từ chức... Các tổ chức tôn giáo cũng đấu tranh đòi tự do tín ngưỡng. Lòng ghép vào các hình thức trên là chống cướp phá lương thực; chống gài mìn, san ủi, chống bắt lính, bắn pháo; đòi đi lại ban đêm. Nhiều cuộc đấu tranh lôi cuốn bốn, năm trăm người tham gia buộc địch phải nhượng bộ. Tại xã có trên hai mươi cơ sở binh vận⁽¹⁾. Qua gia đình binh sĩ, tề ngụy, ta giáo dục tác động con em họ. Có nơi tranh thủ được cả chỉ huy trung đội, tiểu đội địch. Như vậy, nhờ chuyển hướng kịp thời, tập trung chống phá bình định, chỉ một thời gian ngắn, lực lượng cách mạng được phục hồi, phát triển. 32 thanh niên trong vùng địch kèm được giác ngộ, đã thoát ly tham gia cách mạng.

¹⁾ *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Linh (1945 – 1975)... , sđd, tr.140.*

IV- QUÂN DÂN CHÍNH ĐỨC GÓP PHẦN PHÁ SẢN KẾ HOẠCH BÌNH ĐỊNH ĐẶC BIỆT, TIẾN LÊN GIÀNH THẮNG LỢI HOÀN TOÀN (1972 - 1975)

Đầu năm 1972, địch công bố kế hoạch bình định tứ niên (1972 – 1975), tuyên bố thành lập Ủy ban khai hoang áp liên tỉnh Bình Định – Bình Tuy, đưa nhiều phái đoàn từ quân sự, chính quyền cấp trung ương đến Hoài Đức thị sát tình hình. Địch tuyên truyền về cái gọi là: “Ổn định kinh tế, đời sống, kế hoạch cộng đồng tái thiết nông thôn, phát triển văn hoá – xã hội, ưu tiên cứu trợ di cư, cho tư nhân vay vốn để các tổ hợp phát triển...”. Các tổ chức uỷ ban tái thiết và Phật giáo, công giáo thống nhất, công đoàn lao động của Trần Quốc Bửu, các công ty di dân, lập ấp đến Bình Tuy thực hiện âm mưu lấn chiếm, di dân.

Tháng 6/1972, Nghị quyết của Trung ương Cục miền Nam đề ra là: Lực lượng tập trung phải có quả đấm mạnh, kết hợp với mũi chính trị, binh vận thành sức mạnh tổng hợp; đập nát chỗ dựa của địch trên từng khu vực, đánh sập đồn bót; đánh rã bộ máy kèm, làm thay đổi hẳn tương quan lực lượng giữa ta và địch. Thực hiện chủ chương trên, ngày 11/6/1972, quân dân Chính Đức phối hợp với các lực lượng vũ trang đánh địch ở rẫy Cây Cầy – Chính Đức⁽¹⁾. Ta dùng súng cối

¹⁾ Hiện nay thuộc thôn 6, xã Nam Chính.

đánh trúng đội hình địch làm chúng tháo chạy tán loạn, thiệt hại một trung đội bảo an và dân vệ.

Đến tháng 7/1972, địch thành lập đại đội dân vệ ở Chính Đức và vận động những người có trình độ văn hóa lớp 6 trở lên làm cảnh sát để kiểm soát dân, đối phó với cuộc tấn công của ta. Để chống lệnh giới nghiêm của địch, ta cho các em thiếu nhi đêm đến chạy từ nhà này sang nhà khác, địch không làm gì được. Chúng bắt ép dân may cò, sơn cò trên mái nhà lợp tol, nhân dân đấu lý, không chịu sơn cò trước hiên nhà, không chịu lợp tol để sơn cò lên mái nhà, lấy cớ là không có tiền; ảnh Thiệu rách, cò rách không thay. Các gia đình binh sĩ được giáo dục tìm cách gọi con em về với cách mạng, phòng vệ dân sự Chính Đức lấy cớ mệt mỏi, già yếu không đi gác. Cũng trong năm, quân dân Chính Đức đã vận động được 20 thanh niên thoát ly gia nhập lực lượng vũ trang.

Trong năm 1972, Hội nghị Pari đã đạt được một số thoả thuận giữa ta và Mỹ. Quân chúng nhân dân vô cùng phấn khởi, sẵn sàng và đề nghị các lực lượng vũ trang hỗ trợ để giành quyền làm chủ. Nhiều người nhận cò, truyền đơn và các nhiệm vụ khác khi có lệnh là hành động. Tuy nhiên, Mỹ lấy lý do khó khăn ở Sài Gòn để lật lọng, không chịu thực hiện hiệp định. Trước tình hình trên, Chính phủ ta đưa ra tuyên bố vạch rõ thái độ lật lọng, thiếu thiện chí của Mỹ. Ở Hoài Đức, chúng mở chiến dịch “Sang sông” với tinh thần

“Trả đũa lật lọng”⁽¹⁾. Các lực lượng vũ trang liên tiếp tấn công địch trên tất cả cả những nơi chúng chiếm đóng, đẩy địch vào thế bị động, tạo thời cơ cho quần chúng đấu tranh giành quyền làm chủ.

Ngày 13/11/1972 địch tổ chức trận càn tại Chính Đức nhằm dập tắt phong trào đấu tranh của quần chúng và đẩy lực lượng cách mạng ra khỏi dân. Nhân dân Chính Đức đã phối hợp với Đại đội 431 và đội công tác chặn đánh, địch hoảng sợ bỏ chạy về Võ Đất.

Cuối tháng 12/1972, địch tăng cường thêm một tiểu đoàn biệt động đánh phá địa bàn của ta và củng cố lực lượng chiếm giữ. Chúng đưa lực lượng ra các khu vực làm rẫy, lập chốt giữ tại Vườn Mít và một số nơi khác; tổ chức tuần tra chốt giữ trên trục lộ từ Võ Xu đi Chính Đức; tăng cường phục kích, gài mìn những nơi nghi ngờ bộ đội, đội công tác đột nhập; đưa ra lệnh giới nghiêm từ 7 giờ tối đến 6 giờ sáng. Cảnh sát và bộ máy xã, áp tăng cường khám xét nhà cửa, kiểm tra thẻ căn cước, bố trí mỗi tên lính kiểm soát 03 gia đình; bắt thanh niên 16 tuổi phải vào phòng vệ xung kích, huấn luyện sử

¹⁾ “Sang sông”: ý muốn nói đến tính chất của chiến dịch. Trước đây các lực lượng vũ trang ta chỉ đánh địch càn ở vùng giải phóng, căn cứ, còn ở vùng địch tạm chiếm ta chỉ đánh xong rồi rút, nay đánh tiêu diệt trụ giữ, tiến lên làm chủ cả ban ngày. (*Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Linh (1945 – 1975)*... , sđd, tr.152).

dụng các loại súng, phục kích đánh mìn, học võ Judo⁽¹⁾ để khi có biến thì đàn áp phong trào quần chúng. Địch còn đẩy mạnh các hoạt động tình báo gián điệp tăng cường các luật lệ phát xít khủng bố, bắt bớ nhân dân, đánh phá phong trào cách mạng.

Về tâm lý chiến, địch tăng cường hội họp nhân dân, thường xuyên tuyên truyền xuyên tạc thắng lợi của ta, nói xấu Việt Cộng không còn sức để đánh; bắt buộc những gia đình có con em đi tham gia cách mạng phải học chính sách chiêu hồi, buộc phải kê chồng, con về thì được thưởng tiền và tự do làm ăn.

Đầu năm 1973, trước sự đấu tranh đòi bồi thường tài sản mà chúng bắn phá hư hại của nhân dân, nên hoạt động chính trị của địch có thay đổi với nhiều hình thức tinh vi và xảo quyệt. Để lừa phỉnh dân, chúng cho bọn tay chân cảnh sát, tề vệ và binh lính đi sửa chữa, dọn dẹp nhà cửa, lắp hố bom, cái gọi là “cứu trợ”⁽²⁾ nhằm xoa dịu lòng phẫn uất của nhân dân. Bên cạnh đó, chúng bắt nhân dân phải hội họp 3 ngày 01 lần, kêu gọi thanh niên vào đội văn nghệ ca kịch theo nội dung tuyên truyền nói xấu Cộng sản, ép buộc nhân dân tham gia

¹⁾ Theo báo cáo tổng kết tình hình xã Võ Xu, Chính Đức năm 1973.

²⁾ Dùng tol, xi măng để sửa chữa nhà, cung cấp mắm, muối nhằm mua chuộc lòng dân.

vào Đảng Dân chủ của Nguyễn Văn Thiệu, bắt dân phải chụp hình gia đình mang biển số và khẩu hiệu chống cộng, ra mắt Mặt trận dân nhân tranh thủ hoà bình⁽¹⁾; tăng cường an ninh quân đội về các đơn vị bảo an dân vệ, phòng vệ xung kích để theo dõi phát hiện tư tưởng trong hàng ngũ binh lính, thường xuyên xáo trộn quân số các đơn vị để chống lại chính sách binh vận của ta.

Đầu năm 1973, trước khi Hiệp định Pari được ký kết, Huyện ủy Hoài Đức mở đợt “Chồm lên”⁽²⁾ nhằm tạo thế thuận lợi trên bàn đàm phán, vừa tiêu hao sinh lực địch, hỗ trợ quân chúng đấu tranh. Tại Chính Đức, các đội công tác K12, K13 phối hợp với đội công tác Lê Thị Hồng Gấm phục kích bọn nguy quyền xã đi kiểm tra; tên xã trưởng bị thương, bọn còn lại tháo chạy. Sau khi ký kết Hiệp định Pari (tháng 1/1973), thực hiện chủ trương của Huyện ủy Hoài Đức về giành đất giữ dân, đưa dân về vùng giải phóng, quân dân Chính Đức tiếp tục vươn lên đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Pari.

¹⁾ Tháng 11/1973, địch thành lập ra cái gọi là tổ chức xã hội, theo hệ liên gia thành tổ đảng, mỗi lần sinh hoạt, Nguy quyền cấp trên về tuyên truyền, nói xấu Việt Cộng, xoa dịu tình hình không nên mâu thuẫn hại nhau, phải hợp sức chống cộng (*Theo báo cáo tổng kết tình hình xã Võ Xu, Chính Đức năm 1973*).

²⁾ Ban chỉ đạo của huyện gồm đồng chí Trần Văn Tình, Hà Thanh Trúc, Hoàng Long, Lê Xuân Nhị.

Đề đánh bại âm mưu bình định, lần chiếm của địch, sau Tết Nguyên đán Quý Sửu (1973), nhân dân lấy lý do: “Hoà bình rồi, hoà hợp rồi, phải lo làm ăn” có ngày trên 200 người bung ra làm ăn.

Tháng 3/1973, địch đưa lực lượng mở các cuộc càn ở rừng Nghị Đức, Sùng Nhơn, Núi Dinh, Chính Đức nhằm giải toả thế bị vây ép. Chúng thực hiện khẩu hiệu: “Trên hoà bình, dưới chiến tranh; Ngoài hoà hoãn, trong bình định”, đóng thêm đồn bót mới, tổ chức các đoàn bình định từ 5 - 7 tên xuống đốc thúc, siết chặt việc kiểm soát dân. Ở Làng Mới – Chính Đức, địch tập trung dân giới thiệu xuyên tạc Hiệp định Pari, bị nhân dân kịch liệt phản đối: “Hiệp định nói thế này, các ông nói nói quẹo thế kia”. Và chất vấn: “Hay các ông sợ dân biết thêm hiệp định rồi đòi hỏi hay sao mà không dám phổ biến?”. Hết đường chối quanh, bọn tuyên truyền viên phải đọc qua một lượt nội dung hiệp định. Phản đối, chống phá “Chiến dịch treo cờ” của địch, nhân dân đấu lý: “Mùa thất bại, rẫy không cho đi làm, lấy tiền đâu mà bắt sấm ba, bốn lá cờ? Cuối cùng, nhân dân không mua cờ, không vẽ cờ lên mái nhà tol.

Trong tháng 3/1973, Đại đội 433 phục kích đánh địch ở cầu Cháy – Chính Đức⁽¹⁾, diệt 9 tên, sau đó phá cầu để chặn

¹⁾ Cầu cháy nay thuộc xã Đức Chính.

địch điều quân đến càn quét. Các đội công tác K12, K13 thường xuyên đột áp, phát tán truyền đơn tuyên truyền hiệp định làm sở sở pháp lý cho quần chúng nhân dân đấu tranh.

Từ tháng 3/1973 - tháng 6/1973, địch đóng thêm 01 bót tại Chính Đức, sửa lại toàn bộ số đồn cũ và củng cố khu hội đồng. Mặt khác, chúng đào thêm hầm hào giao thông xung quanh đồn bót, xây dựng công sự và ụ chiến đấu ở các ngã ba, ngã tư đường trong ấp. Lúc nhân dân thu hoạch mùa bắp, chúng cải trang ta hỏi dân mua bắp, xin cơm... Bị quần chúng vạch mặt, chúng tuyên truyền Cộng sản đói rách thiếu thốn. Để ổn định tinh thần của binh lính chúng lại tăng tiền lương cho dân vệ bảo an⁽¹⁾, chia ruộng đất cho gia đình binh lính.

Về hoạt động chính trị, địch tăng cường các chính sách kìm kẹp nghiêm ngặt như bắt người tình nghi đưa lên xã tra hỏi, kiểm tra thẻ gia đình, cấm dân đi làm ăn xa. Chúng tổ chức mật báo, thám báo giả danh bộ đội, đội công tác trà trộn trong dân đi làm ăn để theo dõi nắm tình hình, phát hiện cơ sở cách mạng. Chúng bắt các gia đình có người tham gia cách mạng lên xã tra hỏi, khống chế và học chiêu hồi từ 5 - 7 ngày, tổ chức họp dân, đưa ra các luận điệu xuyên tạc thắng lợi của

¹⁾ Tăng tiền lương lên 3.000đ cho phòng vệ xung kích (Theo báo cáo tổng kết tình hình xã Võ Xu, Chính Đức năm 1973).

ta⁽¹⁾, bắt dân sơn cờ, treo cờ, viết khẩu hiệu phản động⁽²⁾, bắt dân ký kiến nghị do chúng viết sẵn để gửi lên Ủy ban Quốc tế tố cáo ta.

Về kinh tế, địch ra sức vơ vét bóc lột nhân dân. Thuế trâu, bò mỗi con phải nộp 500đ, thuế rẫy mỗi hecta phải nộp 300đ, các nhà buôn bán phải nộp thuế giá trị gia tăng (TVA), bắt dân phải kê khai ruộng đất, hoa màu. Chúng quy định mỗi gia đình chỉ được mua không quá 20 lon gạo, nếu hơn phải có giấy phép. Chúng tuyên truyền mỗi lon gạo là một viên đạn, nếu tiếp tế cho Việt cộng thì bị tịch thu tài sản, bỏ tù, đồng thời tăng giá các loại hàng hoá làm cho đời sống nhân dân hết sức khó khăn. Bên cạnh đó, chúng tổ chức các chương trình “Người cày có ruộng”, “Ổn định kinh tế đời sống” để lừa mị và thu hút kinh tế của dân phục vụ cho âm mưu chống phá cách mạng.

Từ tháng 10/1973, khi tổng thống Việt Nam cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu hò hét chiến tranh trở lại thì địch càng hoạt động ráo riết và toàn diện hơn. Chúng liên tiếp bung xia

¹⁾ Các luận điệu xuyên tạc thắng lợi của cách mạng, nói Mỹ mạnh không chịu ký kết hiệp định Pari nên ném bom Hà Nội, Hải Phòng... (Theo báo cáo tổng kết tình hình xã Võ Xu, Chính Đức năm 1973).

²⁾ Địch bắt dân sơn cờ và treo cờ với nội dung: “Nhà tôi không chứa cộng sản”.

nhằm phá thế bị vây ép; bắt dân sắm đèn, mõ, rào ấp, cấm rừng, cấm trại. Tháng 12/1973, Đại đội 431 tổ chức phục kích diệt 03 tên và làm 05 tên khác bị thương.

Địch cho tay chân đi mua lúa gạo; bắt dân gom lúa vào kho chung, ngăn chặn không cho dân bán lương thực cho ta. Trước tình hình trên, các đội công tác K12, K13 hướng dẫn quần chúng nhân dân kết hợp đấu tranh chính trị với đòi dân sinh, dân chủ. Vì vậy, cuộc đấu tranh của nhân dân Chính Đức chống dồn lúa vào kho diễn ra mạnh mẽ. Nhân dân cho rằng: “Tập trung lúa vào kho, nếu đánh nhau cháy hết lúa”, hay “Lúa để trong kho, Việt cộng tưởng của quốc gia đánh cháy của dân các ông có đèn được không”⁽¹⁾. Trước những lý luận đó, địch phải nhượng bộ.

Cuối năm 1973, dân số Chính Đức khoảng 2.500 người, trong đó nông dân lao động nghèo chiếm tới 2/3, số còn lại là trung nông, một số ít trở thành tiểu tư sản, tiểu thương, phú nông, số còn lại là bần nông và một số dân ở nơi khác đến không có ruộng đất phải thuê mướn, trong dân cũng theo nhiều tôn giáo⁽²⁾ vì vậy nên tư tưởng có khác nhau. Từ ngày

¹⁾ *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Linh (1945 – 1975)...*, sđd, tr.163.

²⁾ Về tôn giáo, tính cả Võ Xu và Chính Đức thì: Phật giáo 4500 (kể cả Phật giáo Cổ Sơn môn và Phật giáo Việt Nam thống nhất), Thiên Chúa

hiệp định Pari được ký kết, quần chúng nhân dân vui mừng, phấn khởi ra ngoài bám đất sản xuất. Một số lính tề vệ cũng trở về gia đình, quan hệ làng xóm được thắt chặt không còn e dè, lo sợ như trước. Tuy nhiên, một số quần chúng chưa hiểu được chính sách của cách mạng nên còn e dè thiếu mạnh dạn. Để đa thông tư tưởng, các đội công tác K12, K13 phối hợp với các lực lượng vũ trang bám dân, bám ấp, cùng dân ra đồng để tuyên truyền làm cho quần chúng hiểu được ý nghĩa của hiệp định Pari, hiểu được chính sách hoà hợp dân tộc, vạch trần âm mưu thủ đoạn thâm độc của địch để quần chúng đoàn kết đấu tranh chống địch, đồng thời để nhân dân nhận thức rõ nhiệm vụ của mình trong tình hình mới đó là: đấu tranh đòi quyền dân sinh dân chủ, đòi địch thi hành hiệp định.

Đầu năm 1974, Huyện uỷ đề ra nhiệm vụ động viên toàn quân, toàn dân trong huyện ra sức đoàn kết, đẩy mạnh đấu tranh 3 mũi; kết hợp pháp lý Hiệp định; tiếp tục đánh phá bình định lần chiếm, ủi phá địa hình của địch, giành quyền làm chủ cho nhân dân; xây dựng phong trào thị trấn lên một bước; xây dựng lực lượng cách mạng về mọi mặt; xây dựng căn cứ giải phóng, sửa đổi lề lối làm việc, động viên nhân tài vật lực nhằm làm thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho ta,

giáo khoảng 1000, Tin Lành 500, Cao Đài 300, còn lại là người lương (Theo báo cáo tổng kết tình hình xã Võ Xu, Chính Đức năm 1973).

tạo điều kiện để năm sau phát triển mạnh mẽ hơn. Thực hiện chỉ đạo của huyện, các đội công tác K12, K13 bám sát địa bàn vận động quần chúng tấn công địch.

Ngày 27/3/1974, đội công tác K12 đột nhập vào ấp Sùng Nhơn, địch lo sợ bỏ chạy lên đồn. Sáng ra chúng tập trung dân tra hỏi, nhân dân nói trâu lông ra chứ không phải Việt Cộng.

Tháng 4/1974, địch tổ chức trận càn vào Chính Đức, Võ Xu, lọt vào trận địa mìn bố phòng của ta bị tổn thất nặng nề. Ta tiêu diệt 10 tên địch, 21 tên bị thương.

Sau hai năm Hiệp định Pari được ký kết, tương quan lực lượng đã thay đổi theo chiều hướng có lợi cho ta. Toàn huyện Hoài Đức có 491 cơ sở, 31 đảng viên, 6 đoàn viên, 29 du kích mật, 2 ban cán sự ở Võ Xu. Cơ quan Huyện uỷ có 9 người; bộ máy chính quyền mỗi ban có một cán bộ.

Tháng 10/1974, Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng xác định thời cơ đã tới và hạ quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam trong 2 năm 1975 – 1976. Để chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy, Bộ Tư lệnh Miền triển khai đợt hoạt động mùa khô 1974 – 1975, hướng chủ yếu là Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long. Trong đó, chiến trường Hoài Đức – Tánh Linh nằm trong đợt hoạt động Miền Đông Nam bộ. Trước tình hình này, các đội công tác K12,

K13 phối hợp với các lực lượng vũ trang địa phương, bộ đội chủ lực tổ chức đánh địch trên cả ba mũi. Khẩu hiệu, truyền đơn tuyên truyền vận động:

- Toàn dân đoàn kết cùng lực lượng vũ trang cách mạng nổi dậy, bao vây tiêu diệt địch, diệt tề diệt ác ôn ngoan cố. Phá tan bộ máy tề nguỵ, giành chính quyền về tay nhân dân.

- Phá banh áp chiến lược, tự do trở về xóm làng cũ, xây dựng cuộc sống mới thực sự độc lập, tự do.

- Binh lính, sỹ quan nguỵ hãy mau mau giao đôn, nộp súng cho cách mạng sẽ được bảo toàn tính mạng⁽¹⁾.

Công tác xây dựng lực lượng được chú trọng, thành lập Ban công tác, cử người vận động nhân dân trong ấp chuẩn bị băng cờ, khẩu hiệu, đào hầm, chuẩn bị lương thực, thực phẩm, dây trói tù binh, lập danh sách ác ôn chuẩn bị tổng khởi nghĩa.

Đêm mừng 9 rạng sáng 10/12/1974, các đội công tác, lực lượng du kích phối hợp với một đại đội chủ lực Miền tấn công làm chủ phân chi khu Sùng Nhơn. Địch ở đồn dân vệ chống cự quyết liệt. Bộ đội chuyển qua vây lấn, đến tối 12/12/1974, ta đánh chiếm đồn và làm chủ hoàn toàn Sùng Nhơn.

⁽¹⁾ *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Đức Linh (1945 – 1975)... ,sđd, tr.170.*



Trận chiếm và chốt giữ núi Dinh (thuộc xã Đức Chính ngày nay) từ ngày 10/12/1974 – 23/3/1975

Cao điểm trong trong đợt hoạt động mùa khô 1974 – 1975 là trận đánh chiếm và chốt giữ núi Dinh. Lực lượng tham gia gồm bộ đội địa phương, du kích các xã, trong đó Đại đội 21 trinh sát (Sư đoàn 6, Quân khu 7) và Đại đội 5 trinh sát (Trung đoàn 812, Quân khu 6) giữ vai trò chủ công. Nhân dân khu vực gần núi Dinh làm rẫy trồng hoa màu sát đến chân núi. Khi địch chưa đóng chốt trên đỉnh núi, dân thường lên triền núi chặt cây, bứt mây, bẻ măng, lấy mật ong. Trong số đi

làm rừng phân đông là cơ sở của ta, cũng có bọn mật báo do địch tổ chức đi dò la tin tức dấu vết bộ đội và đội công tác, nhưng nhân dân đều phát hiện đề phòng. Từ khi địch chốt trên núi Dinh (đầu năm 1973), cơ sở bên trong ra liên lạc với ta ngày đêm đều rất trở ngại, cơ sở đi làm bên ngoài tiếp xúc cũng khó khăn. Tuy vậy, sau hiệp định Pari, nhân dân phấn khởi, tin tưởng hơn đối với cách mạng, có người trước né tránh, sợ gặp ta nhưng lúc này đã tìm gặp cán bộ, giúp đỡ nhiều mặt cho bộ đội, nhận làm các công tác kháng chiến.

2 giờ 25 phút, ngày 10/12/1974, bộ đội nổ súng tấn công cao điểm Núi Dinh làm địch rơi vào thế bị động, không kịp đối phó. Sau 12 phút chiến đấu, ta hoàn toàn làm chủ cao điểm, tiêu diệt 7 tên, bị thương 3 tên, thu toàn bộ vũ khí, quân trang quân dụng và một số chiến lợi phẩm khác. 09 giờ sáng 10/12/1974, địch dùng phi pháo và pháo 105 bắn cấp tập nhiều đợt và điều Đại đội 738 bảo an Chi khu Hoài Đức ồ ạt tấn công. Đại đội 21 chờ địch lên gần mới đồng loạt nổ súng, ném lựu đạn, thủ pháo, bẻ gãy ngay đợt phản kích đầu tiên. Trong ngày, địch tấn công ba lần nhưng đều tổn thất lực lượng. Những ngày sau đó, Đại đội 738, Đại đội 513 thám sát tiểu khu Bình Tuy và nhiều trung đội dân vệ địch liên tục phản kích nhưng đều bị lực lượng ta đánh trả quyết liệt. Trong 30 ngày đêm chiến đấu, ta đã tiêu diệt và làm bị thương 92 tên.

Đến ngày 10/01/1975, Đại đội 21 trinh sát (Sư đoàn 6) bàn giao cao điểm cho Đại đội 5 trinh sát (Trung đoàn 812) và Đại đội 421 bộ đội địa phương huyện Hoài Đức đóng quân ở Đông Bắc núi Dinh. Địch ở chi khu Võ Đất tập trung lực lượng tổ chức phản kích, đưa Tiểu đoàn 369 (Sư đoàn 18) tập kích cả ngày và đêm; dùng máy bay oanh kích từ 8 - 10 lượt một ngày và kêu gọi ta đầu hàng. Cứ sau mỗi đợt bom, pháo, bộ binh địch dàn hàng ngang tiến lên đỉnh núi tuy nhiên đều bị ta đánh bật trở xuống. Kết quả sau 58 ngày đêm giữ chốt, Đại đội 5 trinh sát (Trung đoàn 812) đã tiêu diệt và làm bị thương 228 tên địch, Đại đội 421 huyện Hoài Đức tổ chức đánh Tiểu đoàn 369 bảo an phản kích vào núi Dinh ngày 28/2/1975 tiêu diệt 36 tên. Ta hy sinh 2, bị thương 10 đồng chí.

Trong 103 ngày đêm việc đánh chiếm, giữ cao điểm núi Dinh thành công có ý nghĩa lớn về chiến thuật, ta giữ được cao điểm, đã có được một đài quan sát quan trọng vừa nắm địch vừa phục vụ cho việc sử dụng các loại hỏa lực để diệt chi khu. Ngoài ra, chiến thắng núi Dinh đã phá vỡ hệ thống kim kẹp của địch ở Chính Đức và một số địa phương khác, nhân dân gắn bó chặt chẽ với bộ đội, đội công tác. Tạo thế và lực cho quân dân ta giành chính quyền trọn vẹn.

Mặc dù bị thất bại nặng nề, lực lượng tổn thất lớn nhưng địch vẫn nuôi cuồng vọng tái chiếm lại vùng đất đã mất. Ngày 02/2/1975, địch dùng Tiểu đoàn 2 và 3 (Trung đoàn 43) tái chiếm Chính Đức nhưng bị Đại đội 431 huyện Hoài Đức, đội công tác, du kích chặn đánh quyết liệt. Đến ngày 05/2/1975, địch chiếm được Sùng Nhon, Nghị Đức và Chính Đức, hù dọa mua chuộc nhân dân chạy về Bình Tuy, Gia Ray nhưng thất bại. Ta tổ chức cho nhân dân trở về Bắc sông, Tánh Linh khôi phục các xã căn cứ cũ từ Huy Khiêm, Nghị Đức lên Mépu, Sùng Nhon⁽¹⁾.

Ngày 16/3/1975, chiến dịch tổng tiến công giải phóng Hoài Đức bắt đầu, quân dân Chính Đức phối hợp với các lực lượng vũ trang tổ chức đánh và tiêu diệt địch. Đến 20 giờ, ngày 20/3/1975 Chính Đức hoàn toàn giải phóng. Trong ngày 21 và 22/3 lực lượng vũ trang trong huyện truy quét tàn quân, nhân dân nổi dậy phá ấp chiến lược, phá đồn, treo băng cờ, khẩu hiệu truy bắt tàn quân, thu vũ khí... đến ngày 23/3/1975 Hoài Đức được hoàn toàn giải phóng.

Ngay sau khi được giải phóng, cùng với huyện, Ủy ban quân quản xã Chính Đức được thành lập lãnh đạo nhân dân ổn định cuộc sống, tổ chức cứu trợ, cứu đói, khắc phục tàn

¹⁾ *Đức Linh những trận đánh tiêu biểu (1954 – 1975)...*, sđd, tr311.

phá của chiến tranh. Nhân dân ở các ấp chiến lược⁽¹⁾ bị địch dồn ép từ những năm 1965 – 1966 về lại các xã cũ ở Bắc Sông. Nhân dân Chính Đức phấn khởi, tin tưởng và tích cực đóng góp sức người, sức của để khôi phục kinh tế, ổn định đời sống và tiếp tục phục vụ công cuộc giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước.

¹⁾ Các ấp chiến lược: Sùng Nhơn, Nghị Đức, Làng Mới ở Chính Đức.

Chương III

KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 1986)

I- NAM CHÍNH SAU NGÀY GIẢI PHÓNG (3/1975 – 01/1976)

Tháng 3/1975, xã Chính Đức được hoàn toàn giải phóng, quân dân phấn khởi, chung tay khắc phục hậu quả chiến tranh. Ủy ban nhân dân cách mạng xã Chính Đức nhanh chóng thành lập gồm 7 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Lương làm Chủ tịch⁽¹⁾, ngoài ra còn có 03 cán bộ phụ trách bưu điện và 04 cán bộ an ninh vũ trang. Các ban thôn được thành lập gồm 3 ban với 15 người.

Đây là hạt nhân ban đầu tạo cho hệ thống hành chính trong xã đi vào hoạt động, thực hiện các nhiệm vụ quản lý xã hội những ngày mới giải phóng. Cùng với việc xây dựng hệ thống chính quyền, công tác xây dựng Đảng cũng được chú trọng. Chi bộ xã gồm 03 đảng viên (hy sinh 3 đảng viên trong kháng chiến) do đồng chí Nguyễn Lương - Chủ tịch xã kiêm Bí thư Chi bộ, đồng chí Nguyễn Giáo - Xã đội trưởng và

¹⁾ Năm 1975 có 5 đồng chí, đến tháng 9/1975 gồm 7 đồng chí. Trong đó gồm 1 chủ tịch, 02 phó chủ tịch, 1 ủy viên thư ký, 2 kinh tế và 01 thông tin. Theo báo cáo tổng kết tình hình chung của xã Chính Đức tháng 9/1975.

đồng chí Trần Bồ là Chi ủy viên do Huyện ủy cử về làm ban nông nghiệp. Về đoàn thể có Nông hội⁽¹⁾, Đoàn thanh niên và Phụ nữ.

Để nâng cao nhận thức về cách mạng và đường lối lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới, Chi bộ xã tổ chức các lớp chính huấn cho 80 đồng chí công tác tại Ủy ban xã đến các ban, ngành, đoàn thể trong 05 ngày⁽²⁾; cử 04 đồng chí về tỉnh tập huấn công tác thu đổi tiền. Ngoài ra, thực hiện sự chỉ đạo của Huyện, chi bộ cử các đồng chí đảng viên bị đứt liên lạc, bị tù trong kháng chiến tham gia lớp học tập 4 ngày ở huyện về mục đích, bản chất của Đảng, 7 nhiệm vụ đảng viên, vai trò của chi bộ và đạo đức cách mạng của người đảng viên. Sau đợt học tập, những đảng viên dự học làm bản kiểm điểm,

¹⁾ Nông hội xã gồm: Ban Chấp hành xã có 05 đồng chí; 03 ban cán sự thôn gồm 15 đồng chí; 20 tổ hội viên với 20 đồng chí; 191 hội viên giải phóng; 13 tổ nông dân rộng rãi có 26 cán bộ gồm trưởng, phó; 144 nông dân rộng rãi.

Đoàn Thanh niên gồm: Ban Chấp hành xã có 8 đồng chí; 01 chi đoàn có 05 đồng chí; 3 phân đoàn; 01 chi hội xã; 03 phân hội thôn; tổng số đoàn viên 12 đồng chí (07 nữ); tổng số hội viên giải phóng 152; hội thanh niên giải phóng có 24 tổ; thanh niên rộng rãi có 16 tổ.

Phụ nữ xã gồm: Ban Chấp hành gồm 09 đồng chí; 55 tổ hội; 32 Tổ phụ nữ rộng rãi; hội viên giải phóng có 330; hội viên rộng rãi có 556.

²⁾ Báo cáo của Ủy ban nhân dân cách mạng xã Chính Đức về tổng kết tình hình chung của xã Chính Đức, tr.3.



Đồng chí Nguyễn Lương

Bí thư Chi bộ xã Nam Chính 1975

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã năm 1975

tự thuật về lý do mất liên lạc với Đảng⁽¹⁾. Qua các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đã có sự chuyển biến tích cực về lề lối làm việc, cách thức lãnh đạo và tổ chức phát triển đoàn viên, hội viên ở các đoàn thể; nhận thức rõ trách nhiệm góp phần ổn định và phát triển kinh tế, chính trị, xã hội địa phương.

¹⁾ *Lịch sử Đảng bộ huyện Đức Linh (1975 – 2000)*, xuất bản năm 2009, tr.14.

Sau ngày giải phóng tình hình an ninh, trật tự còn diễn biến phức tạp. Tàn quân trà trộn trong dân làm cho việc quản lý nhân khẩu gặp nhiều khó khăn. Chúng lợi dụng tình hình mới giải phóng tung tin thất thiệt, xuyên tạc chính sách vùng mới giải phóng làm cho nhân dân có phần lo lắng.

Thực hiện chính sách hòa giải, hòa hợp dân tộc của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đối với vùng mới giải phóng, xã đã kêu gọi số sĩ quan, binh sĩ và công chức chế độ cũ ra trình diện chính quyền cách mạng. Vì vậy, việc phát hiện và cải tạo lực lượng nguy quân, nguy quyền được chính quyền xã đặc biệt quan tâm. Đến cuối năm 1975 số lính được cải tạo trong toàn xã là 314; trong đó, tại huyện là 33, tại xã là 242 (gồm 12 lính Cộng hòa, 49 lính bảo an, 57 dân vệ, 91 Nhân dân tự vệ, 24 liên gia, 09 nguy quyền)⁽¹⁾. Sau khi được cải tạo số nguy quân, nguy quyền đã nhận thức về chính sách của ta, vì vậy tham gia cải tạo tốt, lao động tốt, nhận thức được những việc làm sai trái và ý thức được vai trò trách nhiệm tham gia xây dựng quê hương. Ngoài ra, thực hiện chính sách “10 điều quy định đối với vùng giải phóng”, “10 điều kỷ luật của cán bộ, nhân viên, chiến sĩ vùng mới giải phóng”, ta còn phát động quần chúng xây dựng nếp sống mới,

¹⁾ Báo cáo tình hình tổng kết cuối năm 1975 tính đến thượng tuần tháng 12/1975 do đồng chí Nguyễn Lương ký, tr.3.

phát triển sản xuất, chống đói, vận động thực hiện chính sách ruộng đất. Để đảm bảo cho việc lãnh đạo, phát động quần chúng, xã đã mở 14 lớp bồi dưỡng cho 2800 người¹⁾. Đồng thời, phối hợp với huyện tổ chức triển lãm và chiếu phim làm cho quần chúng hiểu thêm về chính quyền cách mạng và chính sách, đường lối của Đảng ta.

Sau tháng 4/1975, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Chính Đức bị trì trệ, diện tích canh tác hẹp, hệ thống kênh mương thủy lợi phục vụ sản xuất chưa có, kỹ thuật canh tác lạc hậu. Trường học, trạm y tế bị tàn phá. Cơ sở vật chất phục vụ đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân thiếu thốn. Tình hình an ninh trật tự còn nhiều phức tạp... Trước tình hình trên, thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, quân dân Chính Đức tập trung thực hiện một số công việc quan trọng như: Khẩn trương xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng; Đẩy mạnh sản xuất, khôi phục kinh tế, ổn định đời sống nhân dân; Truy quét tàn quân, trấn áp bọn phản động, giữ gìn trật tự trị an; Củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang và an ninh; Phát động quần chúng xây dựng các đoàn thể cách mạng, củng cố và mở rộng mặt trận đoàn kết dân tộc; Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

¹⁾ Báo cáo tình hình tổng kết cuối năm 1975 tính đến thượng tuần tháng 12/1975, tr.4.

Ngày 30/6/1975, Khu ủy Khu VI sáp nhập Nam Thành, Hoài Đức, Nam Thắng (Tánh Linh) thành huyện Đức Linh và phân chia thành 15 xã⁽¹⁾. Trong đó, xã Chính Đức được đổi tên thành Nam Chính, dân số 3148 người/535 hộ gia đình (tháng 11/1975), được chia thành 3 thôn, nằm giữa hai xã Võ Đất và xã Võ Xu. Nhân dân tích cực tham gia lao động sản xuất – thành lập các tổ đổi công, có tinh thần tương thân, tương ái; đồng thời, tham gia xây dựng lực lượng địa phương, giữ gìn trật tự, an ninh trong xã; đời sống dần đi vào ổn định.

Công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội được quan tâm đẩy mạnh. Ngoài việc xây dựng lực lượng du kích thực hiện canh gác từng địa bàn, ta còn vận động quần chúng tích cực tham gia bảo vệ trật tự ở từng thôn. Xã thành lập Ban chỉ huy Xã đội Nam Chính gồm 3 đồng chí. Mỗi thôn đều có thôn đội gồm 3 đồng chí. Du kích xã có 2 tiểu đội quân số 31 người, du kích thôn có 07 tiểu đội với 78 người⁽²⁾.

¹⁾ Các xã thuộc huyện Đức Linh (tháng 6/1975, bao gồm cả Tánh Linh hiện nay): xã Đoàn Kết (Đông Kho), Lạc Hà, Võ Xu, Võ Đất, Sùng Nhơn, Thống Nhất, Gia An, Trà Tân, Nam Chính, Nghị Đức, Mê Pu, Lạc Tánh, Bắc Ruộng, Nam Bình, Huy Khiêm. Đến năm 1976, giải thể căn cứ Nam Sơn của Khu VI và giao hai xã La Dạ, La Ngâu cho huyện Đức Linh.

²⁾ Báo cáo tình hình tổng kết cuối năm 1975, tr.6.

Xã Nam Chính vận động nhân dân đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Đến cuối năm 1975, toàn xã gieo trồng hơn 800 ha⁽¹⁾. Chăn nuôi tuy còn gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự nỗ lực của nhân dân, đàn gia súc, gia cầm từng bước được khôi phục⁽²⁾ và cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu sức kéo phục vụ sản xuất.

Tháng 6/1975, huyện Đức Linh phát động các xã và công nhân viên các cơ quan tham gia vào việc sửa chữa hệ thống giao thông. Nhân dân Nam Chính đã ra sức đóng góp sức lực nhằm khôi phục hệ thống giao thông liên thôn, liên xã bị hư hỏng nặng nề. Đến cuối năm, ban giao thông vận tải xã đã vận động được 1390 công làm theo trục lộ chính từ Nam Bình đến suối ông Trưởng - Võ Xu. Nhân dân thôn 1, thôn 2 và thôn 3 đã làm được 04 cây cầu với 162 công góp phần làm cho lưu thông liên xã, liên thôn được thuận lợi và đảm bảo tốt hơn.

Để đưa tiền “Ngân hàng Việt Nam” vào sử dụng, ta tiến hành thu đổi tiền chế độ cũ. Xã thành lập hai tổ 16 đồng chí về huyện học tập công tác đổi tiền trong 7 ngày. Việc đổi tiền

¹⁾ Trong đó đất rộng: 498ha trực canh; đất vườn: 261ha; số ruộng toàn xã lãnh canh: hơn 40ha; số đất toàn xã lãnh canh: 01ha (Theo báo cáo tình hình tổng kết cuối năm 1975 tính đến thượng tuần tháng 12/1975, tr.4).

²⁾ Trâu 549 con, bò 36 con, heo 302 con, gà 600 con, vịt 800 con.

được thực hiện trong hai ngày 22 và 23/9/1975. Toàn xã có 371 hộ tham gia đổi (đạt tỷ lệ 76,6%). Theo quy định 500 đồng tiền Sài Gòn cũ đổi 1 đồng tiền ngân hàng Việt Nam. Sau ngày 30/9/1975, tiền chính quyền Sài Gòn không được lưu thông, thanh toán trên thị trường. Trong quá trình đổi tiền, xuất hiện một số tiền có tên “Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam”. Đây là tiền do địch giả mạo tiền của ta trước đây định phát hành trong vùng giải phóng từ sau năm 1973, nhưng chưa thực hiện. Do phát hiện kịp thời, một số tiền này bị thu giữ.

Phát huy hiệu quả của các tổ chức lao động hợp tác đã được xây dựng trong những năm chiến tranh ở vùng giải phóng Bắc sông La Ngà, Huyện ủy Đức Linh đề ra chủ trương vận động nhân dân đi vào còn đường làm ăn tập thể ngay sau giải phóng. Toàn xã thành lập 21 tổ đổi công /1475 lao động và bước đầu có hiệu quả.

Sau giải phóng, xã Nam Chính có một trường tiểu học với 15 lớp⁽¹⁾, 15 giáo viên, có 658 em học sinh. Song song với việc củng cố các lớp học, các lớp bình dân học vụ và bổ túc văn hóa cũng được thực hiện. Tại mỗi thôn đều tổ chức dạy bình dân học vụ với tổng số 220 học viên. Việc bổ túc văn hóa từ lớp 1 đến lớp 5 cho cán bộ các ngành, đoàn thể được 5

¹⁾ Từ lớp 1 đến lớp 5.

lớp/100 học viên tham gia¹⁾. Qua đó, góp phần nâng cao trình độ học vấn cho nhân dân trong xã.

Xã có 01 trạm y tế lợp tranh, cơ sở vật chất còn thiếu thốn nên chưa tiếp nhận và điều trị bệnh nhân. Ban y tế xã có 02 người, mỗi thôn 01 người phụ trách. Do mới thành lập nên việc khám và điều trị bệnh gặp không ít khó khăn.

Sau hơn 6 tháng giải phóng, tình hình xã Nam Chính còn gặp nhiều khó khăn, nhưng với nỗ lực của chính quyền, quần dân xã Nam Chính đã ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống. Tiến tới xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội, từng bước đưa quê hương Nam Chính cùng với cả nước vững bước đi lên xã hội chủ nghĩa.

II- NHÂN DÂN NAM CHÍNH KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ QUÊ HƯƠNG (02/1976 – 1982)

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Đức Linh lần thứ I (vòng 1) diễn ra từ ngày 10 - 14/10/1976 và vòng 2 diễn ra từ ngày 25 - 31/5/1977, có 75/80 đại biểu tham dự. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện (khóa I) gồm 20 đồng chí.

¹⁾ Giáo viên nghiệp dư tham gia giảng dạy (bao gồm cả bình dân học vụ và bổ túc văn hóa)

Đồng chí Ngô Thanh Bình được bầu làm Bí thư Huyện ủy. Đại hội Đảng bộ huyện Đức Linh lần I đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của Đảng bộ trong 2 năm 1977 - 1978. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ huyện, nhân dân xã Nam Chính ra sức thi đua, nỗ lực khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng và bảo vệ tổ quốc xã hội.

Đến cuối năm 1978, toàn xã Nam Chính có 1.443 hộ/7.882 khẩu, dân cư phân bố không đều, chủ yếu tập trung ở ven trục lộ chính, phần lớn người dân làm nông nghiệp. Địa bàn xã có bốn tôn giáo chính là Phật giáo, Công giáo, Tin Lành và Cao Đài⁽¹⁾.

Chi bộ xã Nam Chính có 34 đảng viên, sinh hoạt tại 06 tổ đảng, giữ vững vai trò hạt nhân lãnh đạo địa phương phát triển. Năm 1978, đồng chí Đào Minh Phú làm Bí thư Chi bộ xã. Từ năm 1979 đến 1982, đồng chí Phạm Ngọc Quế làm Bí thư⁽²⁾; tuy nhiên, do có dấu hiệu sai phạm nên bị đình chỉ công tác. Huyện ủy Đức Linh chỉ định đồng chí Lê Đức Tuất - Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Huyện ủy về làm Bí thư Chi bộ xã. Đầu năm 1983,

¹⁾ Thiên Chúa giáo 82 hộ; Cao Đài 7 hộ; Tin Lành 06 hộ; Phật giáo 398 hộ.

²⁾ Quyết định số 01/QĐ/TV, ngày 25/4/1979 của Ban Thường vụ Huyện ủy Đức Linh về việc chuẩn y cấp ủy xã Nam Chính, đồng chí Phạm Ngọc Quế - Bí thư Chi bộ; đồng chí Nguyễn Đước - Phó Bí thư; Chi ủy viên gồm các đồng chí Hứa Lý, Trần Xuân Thành, Trương Vàng.

Huyện ủy Đức Linh chỉ định đồng chí Nguyễn Đước - Chi ủy viên làm Bí thư Chi bộ thay đồng chí Tuất chuyển công tác.



Đồng chí Phạm Ngọc Quế
Bí thư Chi bộ xã Nam Chính (1979-1982)

Tháng 7/1983, do thiếu trách nhiệm để xảy ra hậu quả nghiêm trọng và không đủ tư cách, nên đồng chí Nguyễn Đước chịu

hình thức kỷ luật khai trừ Đảng. Huyện ủy Đức Linh bổ nhiệm lại đồng chí Phạm Ngọc Quế làm Bí thư Chi bộ sau khi làm rõ trách nhiệm trước đây. Việc xác minh lý lịch của người xin vào Đảng gặp nhiều khó khăn nên Chi bộ chưa phát triển được đảng viên, một số đảng viên vi phạm bị xử lý kỷ luật. Qua 3 năm tiến hành cuộc vận động chính trị nhằm xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh từ năm 1980 đến năm 1982 đã đạt được kết quả cơ bản, nhiều đảng viên mắc sai lầm, khuyết điểm đã khắc phục phần đầu tốt. Những kết quả trong công tác xây dựng đảng đã góp phần đáp ứng tốt nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Về các đoàn thể chính trị, Ban Chấp hành Xã đoàn có 7 đồng chí, toàn xã có 52 đoàn viên. Đây là lực lượng nòng cốt trong phong trào sản xuất nông nghiệp. Thanh niên còn tham gia nghĩa vụ quân sự, bảo vệ an ninh trật tự địa phương và góp phần xây dựng quê hương. Trong đó, nổi bật là phong trào thanh niên hăng hái lên đường nhập ngũ và tình nguyện sang chiến đấu, giúp nước bạn Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng Pôn-pốt và phong trào thanh niên tham gia xây dựng các công trình thủy lợi. Tuy vậy, việc phát triển đoàn viên, hội



Đồng chí Lê Đức Tuất

Bí thư Đảng bộ xã Nam Chính (1982-1983)

viên thanh niên còn chậm, một số thanh niên ngại gian khổ; một số đoàn viên suy thoái về mặt tư tưởng phải đưa ra khỏi tổ chức; một số chi đoàn số lượng ít, không đủ bầu ban chấp

hành, phải chỉ định ban chấp hành như chi đoàn Nam Thắng, Nam Liên⁽¹⁾.

Ban Chấp hành phụ nữ xã gồm 9 người, mỗi thôn đều có ban cán sự từ 3 đến 5 đồng chí. Ban chấp hành Hội phụ nữ xã vận động chị em phát huy tinh thần làm chủ tập thể, tham gia sinh hoạt, phát triển hội viên, tích cực lao động sản xuất, giữ vững và phát huy truyền thống tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam. Đồng thời, tiếp tục thực hiện Nghị quyết 20 của Trung ương Hội về phát động phong trào phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Qua phát động, chị em đã tích cực tham gia sản xuất, quản lý kinh tế - xã hội, phát huy quyền làm chủ tập thể. Nhiều chị em còn gương mẫu, đi đầu trong sản xuất và quản lý hợp tác xã.

Phong trào Nông dân tập thể triển mạnh mẽ, có vai trò nòng cốt trong việc thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng, Nhà nước và xây dựng con đường làm ăn tập thể. Xã có 05 hợp tác xã với trên 80% nông dân vào làm ăn tập thể.

Nhân dân phát huy quyền làm chủ xây dựng chính quyền các cấp, tham gia bầu 40 đại biểu Hội đồng nhân dân xã khóa I. Hội đồng nhân dân xã khóa I, kỳ họp thứ 1 đã bầu Ủy ban nhân dân xã gồm 11 ủy viên; đồng thời, giao cho Ủy ban

⁽¹⁾ Báo cáo tình hình 06 tháng đầu năm 1980, ngày 23/6/1980, tr 7 do đồng chí Châu Nỷ- Phó Bí thư chi bộ ký.

nhân dân xã thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong đó có việc đào tạo cán bộ. Trong năm 1978, Ủy ban nhân dân xã đã cử 128 cán bộ, nhân viên tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ như hành chính, quản lý kinh tế và xây dựng Hợp tác xã Nông nghiệp⁽¹⁾. Do được tập huấn về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ nên chính quyền xã đã đi vào hoạt động nền nếp hơn, thực hiện chức năng quản lý kinh tế, lãnh đạo chuyên môn và phân công bố trí cán bộ cụ thể cho từng ngành phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

Sản xuất nông nghiệp được xã xác định là nhiệm vụ trọng tâm, với diện tích tự nhiên 5140 ha, nhân dân Nam Chính tập trung khai hoang mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp. Năm 1977, diện tích đất canh tác là 1560 ha, đến cuối 1978 tăng lên 2082 ha.

Chăn nuôi vừa phục vụ nhu cầu xã hội về thực phẩm, còn phục vụ sức kéo, phân bón cho sản xuất vì vậy được chính quyền cũng như người dân quan tâm. Tính đến cuối năm 1977, toàn xã có 538 con trâu, 13 con bò, 2886 con heo, gia cầm có 5432 con.

¹⁾ Theo báo cáo tình hình dân số, chính trị và các mặt hoạt động xã hội trong năm 1978 của xã Nam Chính, do đồng chí Trần Như Thông chủ tịch xã ký ngày 26/12/1978, tr7.

Công tác cải tạo và xây dựng hợp tác xã nông nghiệp là một nhiệm vụ quan trọng. Thực hiện chỉ đạo của cấp trên, căn cứ Chỉ thị, Nghị quyết của Chi bộ, Hội đồng nhân dân xã khóa I, Ủy ban xã phát động nhân dân làm ăn tập thể. Cuối năm 1978, đã có 99,17% người dân tham gia đội hợp tác sản xuất, chỉ còn lại một số hộ già yếu, neo đơn hoặc làm một số ngành nghề khác nên không tham gia. Toàn xã có 47 đội sản xuất và 01 đội mộc. Mỗi đội quản lý từ 20 - 25 ha, với số lượng lao động trên 60 người. Sản phẩm làm ra được phân phối theo hiệu quả lao động trong vụ sản xuất hoặc năm. Về tư liệu sản xuất cũng được từng bước tập thể hóa⁽¹⁾. Để đảm bảo việc xây dựng hợp tác xã đủ sức hoạt động, Ủy ban nhân dân xã xét chọn, cử 196 người đào tạo cán bộ hợp tác xã ở tỉnh, huyện, bồi dưỡng nghiệp vụ ở xã thuộc các lĩnh vực như quản trị, kế toán, trồng trọt, kế hoạch, kiểm tra ruộng đất.

Tháng 2/1978, để chuẩn bị thành lập các hợp tác xã, Ủy ban nhân dân xã Nam Chính thành lập 05 ban vận động/ 09 người mỗi ban; 05 tiểu ban giúp việc/ 20 người, điều tra cơ bản về ruộng đất, tư liệu sản xuất và phân chia ranh giới cho 05 khu vực hợp tác. Sau khi thành lập 05 khu vực hợp tác, xã

¹⁾ Năm 1978, số lượng vào Hợp tác xã có 210 con, bò 2 con, bò đập lúa 99 cái, bình xịt 29 cái. (Theo báo cáo tình hình dân số, chính trị và các mặt hoạt động xã hội trong năm 1978 của xã Nam Chính, ... , đã dẫn, tr.2).

tổ chức cho xã viên học tập điều lệ hợp tác xã, các chính sách quy định về công hữu tài sản, nhiệm vụ xã viên với hợp tác xã, nhiệm vụ của hợp tác xã⁽¹⁾. Tuy vậy, do nhân dân quen với việc làm ăn cá thể, hộ gia đình, manh mún lâu đời nên còn e dè, ái ngại và chưa quen với mô hình hợp tác xã. Mặt khác, một số phần tử phá rối, dựa vào sơ hở của ta để kích động làm ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân trong việc xây dựng hợp tác xã. Song, với sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền, đội ngũ cán bộ đảng viên năng động, bám địa bàn, bám dân, công tác vận động quần chúng được tăng cường nên việc xây dựng hợp tác xã từng bước được nhân dân tin tưởng và đồng tình hưởng ứng. Hợp tác xã làm ăn có hiệu quả, thu nhập của xã viên tăng lên, đời sống nhân dân được cải thiện. Cũng qua làm ăn tập thể, các tổ chức chính trị, xã hội ở địa phương phát triển và an ninh trật tự được bảo đảm.

Đối với lĩnh vực thương nghiệp, để đảm bảo cho việc phục vụ đời sống nhân dân về các mặt hàng thiết yếu (vải các loại, bột ngọt, bột giặt, đường tán, sữa hộp, thuốc gói, thuốc rê, cá khô, cá tươi, nước mắm, muối). Đầu năm 1978, đại hội đại biểu xã viên đã bầu ra Ban quản lý hợp tác xã mua bán gồm 05 người; đồng thời, vận động nhân dân đóng tiền cổ

¹⁾ Báo cáo của Ủy ban nhân dân xã Nam Chính về tình hình dân số, chính trị..., tài liệu đã dẫn, tr.3.

phần để có nguồn vốn buôn bán được 5558 cổ phần/2264 xã viên. Số tiền vận động và tiền lãi đến cuối năm 1978 là 50.485 đồng. Tuy nhiên, hoạt động ngưng trệ và nội bộ xảy ra mất đoàn kết nên đến cuối năm 1978, Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo kiện toàn và củng cố lại đội ngũ hợp tác xã mua bán. Qua đại hội, đại biểu xã viên đã đánh giá những ưu, khuyết điểm và đề ra phương hướng nhiệm vụ. Đồng thời, bầu ra ban quản lý cửa hàng gồm 7 người và một ban kiểm soát gồm 3 người⁽¹⁾.

Trạm y tế phát động nhân dân tham gia phòng chống bệnh, nhất là sốt rét, với các biện pháp phun thuốc diệt muỗi, kêu gọi nhân dân ngủ màn tránh muỗi và giải quyết ao tù, nước đọng để tránh muỗi sinh sản, ăn ở vệ sinh. Cùng với phòng chống sốt rét, công tác phòng dịch bệnh theo mùa cũng được đề ra. Bên cạnh đó, đã khám và điều trị bệnh hàng năm cho 16278 lượt người⁽²⁾. Đi đôi với khám và điều trị bệnh, các tủ thuốc dân lập được mở ra phục vụ cho nhân dân. Trong năm 1978, Hội chữ thập đỏ của xã được thành lập gồm 18 nhân viên nhằm phục vụ cho các mặt hoạt động xã hội như:

¹⁾ Báo cáo của Ủy ban nhân dân xã Nam Chính về tình hình dân số, chính trị... , *tài liệu đã dẫn*, tr.4

²⁾ Báo cáo của Ủy ban nhân dân xã Nam Chính về tình hình dân số, chính trị... , *tài liệu đã dẫn*, tr.4

vận động nhân dân trồng cây thuốc Nam, vệ sinh phòng bệnh, giữ gìn vệ sinh, phối hợp với các đoàn thể phát động phong trào chăm sóc, bảo vệ thiếu nhi...

Xã có một trường học với 21 phòng học, 41 lớp, 41 giáo viên và 1931 em học sinh theo học cấp 1 và 2. Ở bậc mầm non, có 9 giáo viên, 6 lớp và 265 cháu theo học. Bên cạnh các cấp học phổ thông, hệ thống bổ túc văn hóa và bình dân học vụ tiếp tục duy trì, với 1 giáo viên chuyên trách, 23 giáo viên nghiệp dư. Qua nhiều đợt phát động, đã tổ chức được 14 lớp với 220 học viên từ lớp 1 đến lớp 4 tham gia. Đến năm 1978 toàn xã đã cơ bản xóa xong nạn mù chữ trong dân.

Về công tác thông tin văn hoá, xã thành lập ban thông tin - văn hóa, mỗi thôn có cán bộ chuyên trách. Xã có tổ phát loa tay làm nhiệm vụ tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước, phục vụ cho việc chỉ đạo các mặt công tác ở địa phương. Ban thông tin - văn hóa xã hoạt động chủ yếu với các hình thức: thông tin cổ động, tổ chức hội diễn văn nghệ, hội thao, bóng đá, bóng chuyền, chiếu phim⁽¹⁾.

Thực hiện chính sách hậu phương quân đội, trong năm 1978, Ủy ban nhân dân xã đã lập hồ sơ đề nghị lên ban chỉ

¹⁾ Năm 1978 đã tổ chức phát thanh 27 lần với 4800 lượt người nghe; tổ chức 34 đêm văn nghệ quần chúng với 43250 lượt người dự; 17 lần tổ chức giao hữu các trận bóng đá thu hút hơn 11000 lượt người...

đạo thực hiện các chính sách thương binh của huyện công nhận 83 hồ sơ gia đình liệt sỹ, giới thiệu 3 con mồ côi liệt sỹ đi học nội trú, nắm tình hình đời sống nhân dân và gia đình liệt sỹ khó khăn và đề nghị huyện trợ cấp⁽¹⁾. Đồng thời, phát động nhân dân tìm kiếm, quy tập được 140 mộ liệt sỹ, giải quyết kịp thời tiền tuất và quý cho thân nhân liệt sỹ...

Để đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, xã xây dựng lực lượng công an và lực lượng bán vũ trang rộng khắp. Đồng thời, tăng cường bồi dưỡng về chính trị, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và kỹ thuật tác chiến; ngăn chặn những phần tử phản động và làm ăn phi pháp; giáo dục những phần tử gây rối trật tự trị an. Năm 1978 đã xử lý 61 vụ trộm tài sản; 3 vụ trộm trâu, bò; lập hồ sơ làm rõ 45 vụ phạm pháp kinh tế; 36 vụ bán, mổ trâu bò trái phép. Về tuyển quân thực hiện nghĩa vụ quân sự, xã tổ chức tuyên truyền, phát động nhân dân học tập các quy định, nghĩa vụ quân sự của thanh niên. Năm 1978, có 207 thanh niên (27 nữ) trong toàn xã đi đăng ký, 91 thanh niên đã trúng tuyển và phát lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự với thời hạn 5 năm.

Trong hai năm 1978 – 1979, xã Nam Chính bị mất mùa do thiên tai, dịch bệnh, đời sống nhân dân gặp khó khăn, qua

¹⁾ Huyện hỗ trợ 69 m vải, 40 cây xà phòng, 2 mùng lớn, 10 chăn trẻ em, 15 hộp cá, 20 chén đĩa, 50 mền sơ sinh, 362 kg gạo, 81 kg màu.

đó đã làm ảnh hưởng đến tư tưởng cán bộ và nhân dân. Hợp tác xã hoạt động gặp nhiều khó khăn, thu nhập phân phối theo sản phẩm rất thấp¹⁾, có nguy cơ bị tan rã như hợp tác xã Nam Bình. Chi ủy, Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo củng cố hợp tác xã, ổn định tư tưởng của cán bộ và nhân dân. Các hợp tác xã lần lượt tổ chức đại hội: Hợp tác xã Nam Liên (từ ngày 9-10/3/1980), Hợp tác xã Nam Thắng (ngày 15/3/1980), Hợp tác xã Nam Bình (ngày 16/3/1980), Hợp tác xã Nam Trung (ngày 18/3/1980) và Hợp tác xã Nam Thành (ngày 19/3/1980).

Như vậy, đến ngày 19/3/1980, cán bộ và nhân dân xã Nam Chính đã hoàn thành việc bầu ban quản trị, củng cố hợp tác xã và 37 đội sản xuất. Tuy nhiên, 2/3 các ban quản trị hợp tác xã là cán bộ mới; hoặc hợp tác xã Nam Trung, Nam Bình có 5 người thì 4 người mới tham gia, chưa được đào tạo. Phương hướng phát triển kinh tế của hợp tác xã, mặc dù được thông qua tại đại hội nhưng về diện tích, năng suất, xác định cây trồng, phát triển chăn nuôi, ngành nghề chưa phù hợp với kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã và chỉ tiêu của huyện giao.

¹⁾ Hợp tác xã đạt 20,5kg/ngày công lao động, có Hợp tác xã đạt hơn 1kg/ngày công lao động, thậm chí tại Hợp tác xã Nam Bình vụ mùa mất trắng, không có khả năng chi cho ngày công. (Báo cáo tình hình 06 tháng đầu năm 1980, ngày 23/6/1980 do đồng chí Châu Nỹ – Phó Bí thư chi bộ ký).

Vì vậy, xã phải tiến hành kiểm tra lại toàn bộ diện tích canh tác của từng hợp tác xã và xác định từng loại cây trồng, mở rộng diện tích hè thu (cả lúa và màu).

Như vậy, sau 6 năm thực hiện nhiệm vụ khắc phục hậu quả chiến tranh, cải tạo và bước đầu xây dựng quan hệ sản xuất mới, vừa sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc, Đảng bộ và nhân dân xã Nam Chính đã đạt được những thành tựu đáng kể. Chi bộ Đảng được thành lập và được củng cố hàng năm, phát huy hiệu lực của bộ máy chính quyền, đoàn thể nhằm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động trong sản xuất, an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng, làm trong sạch Đảng, trong sạch bộ máy, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, cải tiến chế độ làm việc, thực hiện các nguyên tắc của Đảng. Thực lực của Đảng được củng cố, tăng cường hơn trước về nhiều mặt. Trong sản xuất, tập trung lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, làm nghĩa vụ lương thực và thực phẩm cho huyện, vừa trang trải cho địa phương. Đồng thời, tổ chức phục hóa, khai hoang, mở rộng diện tích đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ do huyện đề ra. Mặt khác, công tác thủy lợi và các biện pháp kỹ thuật, thâm canh phục vụ cho sản xuất nông nghiệp đạt khá. Cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong nông - công - thương nghiệp đã hoàn thành một bước cơ bản. Trong nông nghiệp, đã sớm đưa nông dân vào làm ăn tập thể, kể cả đồng bào kinh tế mới. Cuối năm 1978, xã đã hoàn thành

bước đầu về xây dựng hợp tác hóa nông nghiệp, tạo cơ sở vững chắc cho việc hoàn thành hợp tác xã vào năm 1979. Tổ chức hợp tác xã mua bán và thiết lập các đơn vị sản xuất kinh doanh trong nông - công - thương nghiệp, giao thông - vận tải đã phục vụ sản xuất và đời sống cho nhân dân. Từ đó nhanh chóng hình thành thành phần kinh tế tập thể và quốc doanh và đang chiếm ưu thế nền kinh tế địa phương. Về văn hóa - xã hội được quan tâm, từng bước góp phần xây dựng nền văn hoá mới xã hội chủ nghĩa khá rõ nét.

Bên cạnh những thành quả đạt được ban đầu, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo còn một số khuyết điểm tồn tại, đó là: Trong sản xuất mới chú ý tập trung cho sản xuất nông nghiệp, giữa trồng trọt và chăn nuôi còn mất cân đối. Chưa chú ý đến sản xuất, chế biến các loại cây màu và các ngành nghề khác như lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Các ngành phục vụ sản xuất và đời sống như xây dựng cơ bản, giao thông, phân phối, v.v... hoạt động còn nhiều hạn chế. Một số người dân chưa bám đất sản xuất, điều kiện sản xuất còn thiếu thốn, thiên tai dịch bệnh... nên đời sống người dân còn gặp nhiều khó khăn.

III- CHIA TÁCH XÃ, NHÂN DÂN NAM CHÍNH TIẾP TỤC ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1983 – 1986)

Thực hiện Quyết định số 204 ngày 30/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) thì huyện Đức Linh được

tách ra thành 2 huyện là Đức Linh và Tánh Linh. Huyện Đức Linh mới được thành lập gồm 7 xã gồm: Nam Chính, Trà Tân, Đức Hạnh, Đức Tài, Võ Xu, Mê Pu và Sùng Nhơn. Địa giới hành chính của xã phía Đông giáp xã Võ Xu; phía tây giáp xã Đức Tài; phía Nam giáp rừng; phía Bắc giáp sông La Ngà và Phương Lâm.

Đến ngày 28/11/1983, theo Quyết định số 140-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về việc phân vạch địa giới một số xã thuộc tỉnh Thuận Hải thì xã Nam Chính được tách thành 02 xã lấy tên là xã Nam Chính và xã Đức Chính. Lúc này, xã Nam Chính phía Đông giáp xã Võ Xu (nay là thị trấn Võ Xu); phía Tây giáp xã Đức Chính; phía Nam giáp rừng và núi Dinh; phía Bắc giáp sông La Ngà và Phương Lâm.

Sau khi chia tách đơn vị hành chính, Chi bộ xã Nam Chính phát triển thành Đảng bộ với 40 đảng viên, sinh hoạt tại 3 chi bộ. Đảng viên của Đảng bộ đa số là hưu trí, thương binh, bộ đội phục viên (31/40 đồng chí); một số đảng viên là giáo viên; còn lại là 06 đảng viên tại chỗ. Đảng bộ xã Nam Chính tiến hành củng cố Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời và củng cố một số chức danh chủ chốt của xã. Các đồng chí: Trương Vàng - Bí thư Đảng bộ; Châu Nỷ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; Đặng Đầy - Phó Bí thư, Chủ tịch Mặt trận; Nguyễn Khắc Ánh - Thường trực Đảng ủy; Nguyễn Khương - Đảng ủy viên.

Ngày 28/10/1984, Đại hội Đảng bộ xã Nam Chính khóa I, nhiệm kỳ 1984 – 1985 được diễn ra với sự tham dự của 40/40 đảng viên. Đại hội đã đánh giá tình hình thực hiện phát triển kinh tế, xã hội địa phương thời gian qua, đề ra phương hướng, nhiệm vụ sắp đến và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 5 đồng chí⁽¹⁾. Đồng chí Trương Vàng – Bí thư Đảng bộ, Phạm Hoàng Hộ – Thường trực Đảng, Đặng Đầy – Phó Bí thư, Chủ tịch Mặt trận. Đến ngày 06/9/1985, đồng chí Phạm Hoàng Hộ chuyển về huyện công tác, đồng chí Trần Văn Dân làm Thường trực Đảng ủy.

Với dân số 04 địa bàn hợp lại là 5753 khẩu (không tính 339 người chưa đăng ký hộ khẩu), với diện tích tự nhiên 1543 ha, trong đó có diện tích canh tác 1113ha, diện tích gieo trồng là 1320ha. Nam Chính là xã đứng hàng thứ 5/10 của huyện, dân cư chia ra làm 4 khu vực, trong đó có 3 khu vực Nam Thắng, Nam Thành, Nam Trung đại đa số dân là người gốc Quảng Ngãi là nơi có truyền thống trong phong trào chống Mỹ cứu nước, riêng khu vực 4 - Hợp tác xã Công Chính đại đa số nhân dân 2 huyện Kiến Xương và Tiền Hải - Thái Bình vào xây dựng kinh tế mới năm 1979-1980.

¹⁾ Theo biên bản kiểm phiếu bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nam Chính lần thứ I, nhiệm kỳ 1984 – 1985, do Đồng chí Trịnh Thanh Nghị làm Tổ trưởng Tổ kiểm phiếu ký ngày 28/10/1984.



Đồng chí Trương Vàng

Bí thư Đảng bộ xã Nam Chính khóa I

Sau khi chia tách đơn vị hành chính, Đảng bộ và nhân xã Nam Chính có một số thuận lợi như: Sự quan tâm lãnh đạo trực tiếp của Thường vụ Huyện ủy, từng bước có chủ trương, nghị quyết, chính sách, hướng dẫn cụ thể, tạo điều kiện cho Đảng bộ hoàn thành một số nhiệm vụ cơ bản. Chính quyền,



Đồng chí Châu Nỷ

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nam Chính (1983-1985)

hợp tác xã, cũng như các đoàn thể, ngành, giới được củng cố, vì vậy từng bước khắc phục được những khó khăn. Nhân dân nhận thức được vai trò, trách nhiệm của mình trong việc xây dựng và phát triển quê hương. Đội ngũ cán bộ, đảng viên tuy không nhiều nhưng đã trải qua rèn luyện thử thách trong thực

tế, một số đảng viên ở miền Bắc vào có kinh nghiệm nhất định trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cán bộ chính quyền, đoàn thể, ngành giới tuy mới nhưng có trình độ nhận thức, nhiệt huyết công tác. Đất đai của xã phì nhiêu, có lâm nghiệp, ao đầm, sông suối tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương phát triển về mặt nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và một số ngành khác.

Bên cạnh những thuận lợi, cũng gặp không ít khó khăn. Bọn phản cách mạng vẫn âm thầm dùng nhiều hình thức chống phá, kích động tuyên truyền, tung tin đồn “cán bộ làm sai”, gây hoài nghi giữa Đảng, chính quyền, với nhân dân, làm mất đoàn kết nội bộ. Đồng thời, chúng tiến hành mua chuộc, lôi kéo những phần tử bất hảo, gian thương bên ngoài vào địa phương gây bất ổn về an ninh chính trị. Việc phân chia đơn vị hành chính làm cho bộ đội ngũ cán bộ thiếu hụt; đội ngũ cán bộ mới đa phần trẻ, thiếu kinh nghiệm, nghiệp vụ, chuyên môn nên việc chỉ đạo, quản lý lúc đầu còn lúng túng. Mặc khác, trong đội ngũ cán bộ, một số đồng chí có kinh nghiệm, có uy tín thì sức khỏe không đảm bảo, trình độ, năng lực hạn chế nên cũng gây trở ngại trong việc chỉ đạo các phong trào. Tư tưởng của một số quần chúng giác ngộ chưa cao, nên ý thức làm chủ tập thể còn thấp, còn mang nặng tư tưởng tư hữu. Đất đai, công cụ tuy nhiều nhưng ý thức sử dụng, quản lý thiếu chặt chẽ dẫn đến việc thực hiện Chỉ thị

100-CT/TW⁽¹⁾ còn trở ngại; về sản xuất hầu như dựa vào thiên nhiên mà chưa làm chủ được năng suất; về sức kéo tập thể chưa quản lý toàn diện, điều hòa sức kéo chưa cân đối thổ canh, thổ cư; nhà cửa của nhân dân chủ yếu là nhà tạm nên tư tưởng chưa ổn định; vì vậy việc nâng cao ý thức xây dựng các phong trào và thực hiện nhiệm vụ địa phương gặp nhiều khó khăn và trở ngại. Tuy nhiên, cấp ủy, chính quyền xã Nam Chính đã lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân vượt qua khó khăn, xây dựng quê hương.

Sản xuất nông nghiệp được củng cố, nhất là từ khi thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW, ngày 13/1/1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Toàn xã xây dựng lại 04 hợp tác xã nông nghiệp/ 30 đội sản xuất, với 1075 xã viên/5674 hộ dân tham gia hợp tác xã. Tư liệu sản xuất có 1 máy kéo, 308 con trâu, phương tiện tuốt lúa thủ công bằng bò và máy 320 chiếc, 21 bình xịt thuốc sâu. Đến năm 1984, toàn xã có tổng diện tích gieo trồng 1320 ha, trong đó, thực hiện trồng trọt được 1152 ha đạt tỷ lệ hơn 87%. Trong năm 1984 xã Nam Chính đạt và vượt so với chỉ tiêu huyện giao về diện tích canh tác các loại

¹⁾ Chỉ thị số 100-CT/TW, ngày 13/1/1981 của Ban Bí thư về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong Hợp tác xã nông nghiệp.

cây trồng⁽¹⁾. Sang năm 1985, để thúc đẩy sản xuất, Đảng ủy xã đề ra Nghị quyết 01 triển khai xuống các hợp tác xã gieo trồng 834 ha lúa, với năng suất trung bình 26 tạ/ha. Đối với cây công nghiệp đã thực hiện 34 ha, đậu các loại 9 ha và chăm bón 144 ha cây điều đã trồng các năm trước. Cây màu được 23 ha, lang 20 ha, khoai 12 ha⁽²⁾. Từ kết quả trên, lúa, khoai lang, khoai mì giữ vai trò chính trong sản xuất nông nghiệp, các loại cây trồng khác như lạc, đậu, cói để phát triển công nghiệp chưa được coi trọng. Đầu năm 1985, Đảng bộ Nam Chính tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các hợp tác xã tổng kết, đánh giá thực hiện nhiệm vụ được giao, đồng thời lên phương án ăn chia - báo cáo tài chính công khai. Đảng ủy xã phân công cán bộ đảng viên sâu sát quần chúng nhân dân, nắm bắt tâm tư tình cảm về cách làm ăn hợp tác xã; đề ra các biện pháp tích cực phát huy vai trò hợp tác xã xây dựng kinh tế tập thể. Đồng thời, tiến hành Đại hội nhằm củng cố ban chỉ huy, đội và Ban Quản lý hợp tác xã. Kết quả, đã thay 10 đội trưởng và 16 thư ký kiêm đội phó, 3 chủ nhiệm, 2 phó chủ

¹⁾ Diện tích lúa đạt tỷ lệ 100%, mì đạt tỷ lệ 107%, khoai lang đạt tỷ lệ 122%...

²⁾ Báo cáo về nhiệm vụ và kết quả trong công tác xây dựng Đảng năm 1985 của xã Nam Chính, ký ngày 02/12/1985, do đồng chí Trương Vàng - Bí thư Đảng ủy ký.

nhiệm, 2 trưởng ban kiểm soát và 7 ủy viên của 04 Ban quản lý hợp tác xã.



Cánh đồng lúa Nam Chính

Về chăn nuôi, năm 1985 có 430 trâu, 10 bò, trong đó trâu tập thể có 144 con (chưa kể đang sinh sản). Đàn gia cầm phát triển mạnh trong dân, bình quân mỗi hộ từ 10 - 20 con, đảm bảo cho kinh tế phụ gia đình. Bên cạnh đó, công tác thú y cũng được chú trọng, tủ thuốc ở hai Hợp tác xã Nam Thắng, Nam Thành hoạt động khá, riêng ở Nam Trung, Công Chính

có nhưng ít nguồn vốn, tuy vậy vẫn được tiêm phòng và ngừa bệnh dịch kịp thời.

Công tác thủy lợi được đẩy mạnh, xã huy động hàng ngàn ngày công lao động hoàn thành đập cầu Cháy ở Nam Thắng và củng cố, tu bổ bờ bao ngăn lũ. Ngoài ra, Hợp tác xã Nam Thắng, Nam Thành đã làm hai cầu xuyên qua lộ lớn để làm cống tiêu tưới cho lúa 2 vụ. Tiến hành tu sửa đường giao thông nội đồng Hợp tác xã Công Chính, Nam Thành.

Từ đầu năm 1985, được sự chỉ đạo của Thường trực Huyện ủy, sự hỗ trợ từ Ngân hàng huyện, Đảng bộ xã Nam Chính tập trung xây dựng Hợp tác xã tín dụng; đồng thời, phát động cán bộ, nhân dân tham gia. Đến cuối năm 1985 hoạt động của Hợp tác xã tín dụng đã đạt được những hiệu quả bước đầu, với số vốn cổ phần được 7.540 đồng, góp phần hạn chế việc gian thương cho vay nặng lãi, huy động được số bà con gửi tiết kiệm đạt trên 3.000 đồng.

Về quản lý thị trường, sau khi quán triệt tinh thần Nghị quyết 8 của Trung ương, Đảng bộ Nam Chính lãnh đạo chính quyền, đoàn thể kết hợp với ngành chủ quản tiến hành rà soát các hộ tư thương, kiểm tra và niêm yết giá đúng thời gian, sắp xếp hoạt động của chợ. Mặt khác chỉ đạo các tổ du kích - công an - thuế vụ thường xuyên kiểm tra các nguồn hàng thuộc diện quản lý của nhà nước. Qua đó, đã làm hạn chế việc

tư thương tranh mua hàng với nhà nước. Công tác lưu thông, phân phối hàng hóa gặp nhiều khó khăn do chưa có cửa hàng chung. Trước tình hình trên, Ủy ban nhân dân xã xin chủ trương của Ủy ban nhân dân huyện và được thống nhất cho việc thành lập tổ đại lý để phục vụ nhân dân với các mặt hàng thiết thực⁽¹⁾. Tổ đại lý hoạt động hiệu quả góp phần thúc đẩy hoạt động thương nghiệp của địa phương. Việc quản lý thu mua lương thực (lúa, mì, khoai, bắp) được tăng cường qua đó hoàn thành nghĩa vụ đối với nhà nước. Cuối năm 1984 Nam Chính đã huy động được 234.870 kg thuế đạt chỉ tiêu 96.5%; bán và bán nghĩa vụ cho nhà nước 129.792 kg kể cả mì và lúa.

Cuối năm 1984, Nam Chính đã có cơ sở tạm thời cho y tế và nhân viên phục vụ khám, chữa bệnh, bán thuốc cho 2500 lượt người. Đồng thời, trạm Y tế làm xét nghiệm khám bệnh, cấp phát, chống dịch sốt rét cho học sinh toàn xã với 1.258 em và tổ chức phun thuốc diệt muỗi chống sốt rét 2 lượt/1090 hộ, hạn chế bệnh sốt rét lan tràn. Tuy nhiên, việc xây dựng trạm xá còn chậm, đội ngũ cán bộ chuyên môn còn thấp; đồng vốn quay vòng của tủ thuốc còn hạn chế nên việc

¹⁾ Muối (15 tấn), nước mắm (9805 lít), cá tươi (6065k)g, vải (1472m), mùng (500m), ni long (200m), pin đèn (500 viên), giấy, bút...

khám chữa bệnh phục vụ nhân dân đôi lúc chưa kịp thời, việc phát triển thuốc nam, gia truyền còn hạn chế, sinh đẻ kế hoạch chưa đạt chỉ tiêu.

Trường phổ thông xã mở được 26 lớp, với 1967 học sinh (do thiếu lớp nên có lớp sĩ số lên đến 59 học sinh, thấp nhất 55 học sinh). Đội ngũ giáo viên còn thiếu, đến cuối năm 1984 xã mới có 23 giáo viên (theo yêu cầu là 42 giáo viên). Đi đôi với phổ thông, ngành bổ túc văn hóa giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao trình độ cho mọi người dân. 90% người dân, 100% đội ngũ cán bộ tham gia bổ túc văn hóa.

Thông tin văn hóa của xã đã đẩy mạnh hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị, đảm bảo cho việc thực hiện các mặt công tác được kết quả. Thông tin văn hóa xã phối hợp cùng các cấp, ngành bằng nhiều hình thức như dùng loa phóng thanh, mítting, hội họp để phổ biến chính sách pháp luật, chủ trương của xã (công tác thu nộp sản phẩm, mua công trái xây dựng đất nước, bầu cử hội đồng nhân dân 2 cấp, đẩy mạnh phong trào thi đua, khắc phục sau lũ lụt...), tạo không khí thi đua sôi nổi trong quần chúng nhân dân.

Thương binh - xã hội xã được quan tâm thực hiện, tiến hành điều tra các đối tượng chính sách, người già, người tàn

tật. Toàn xã có 70 liệt sỹ, 27 thương binh, 37 người về hưu, mất sức, 21 người tàn tật. Xã đảm bảo các chế độ chính sách cho các đối tượng. Ngoài ra, hợp tác xã thường xuyên giúp đỡ các gia đình neo đơn, cha mẹ liệt sỹ, đã tạo cho họ một cuộc sống đủ về vật chất, vui vẻ tinh thần. Hầu hết, các gia đình thương binh liệt sỹ đều có công ăn, việc làm, đời sống ổn định.

Việc xây dựng quốc phòng an ninh gặp rất nhiều khó khăn do thiếu đội ngũ cán bộ quân sự địa phương. Trước tình hình đó, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Nam Chính đã tiến hành củng cố, xây dựng đội ngũ cán bộ, xây dựng lực lượng bán vũ trang từ xã xuống thôn đủ sức bảo vệ chính quyền khi có đột biến xảy ra. Đồng thời, tổ chức các lớp học tập cho nhân dân, các đoàn thể, nhất là đối với đoàn thanh niên về luật nghĩa vụ quân sự, về vai trò, trách nhiệm của thanh niên, của mọi công dân đối với việc xây dựng lực lượng và bảo vệ Tổ quốc. Năm 1984, Nam Chính tổ chức 02 đợt khám tuyển nghĩa vụ quân sự có 128 thanh niên đăng ký, 37 thanh niên trúng tuyển, 28 thanh niên lên đường nhập ngũ, đạt 100% chỉ tiêu giao. Năm 1985, tiến hành thu quân đào ngũ được 17 người giao về huyện. Song song với công tác trên, việc tiến hành đăng ký quân dự bị hạng 1 được 54 người, thành lập

xong các trung - tiêu - tổ và đã thực hiện diễn tập theo lệnh trên, đảm bảo đúng quy định⁽¹⁾.

Sau khi có quyết định chia tách xã, đội ngũ cán bộ phải phân chia làm hai, nên nhiệm vụ cấp thiết đặt ra là tiến hành củng cố bộ máy chính quyền và các ngành giới. Ngày 20/4/1984, nhân dân xã Nam Chính tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân khóa II. Sau bầu cử, Hội đồng nhân dân xã được củng cố với 38 đại biểu. Tại kỳ họp thứ nhất, Hội đồng nhân dân xã Nam Chính khóa II đã bầu Ủy ban nhân dân gồm có 7 ủy viên. Đại đa số đại biểu hội đồng nhân dân đều thể hiện tinh thần phục vụ nhân dân và trách nhiệm trong công tác; tập trung lãnh đạo, giải quyết kịp thời những khó khăn và hoàn thành một số nhiệm vụ, ổn định đời sống nhân dân.

Công tác xây dựng Đảng bộ được chú trọng. Ban Chấp hành Đảng ủy xã Nam Chính đoàn kết, hoạt động có chương trình, kế hoạch cụ thể. Căn cứ vào tình hình thực tiễn, Đảng ủy chỉ đạo những nhiệm vụ trọng tâm hàng tháng, hàng quý, có đánh giá và đề ra phương hướng để cán bộ, đảng viên triển khai thực hiện. Các chi bộ đã bám sát nghị quyết, căn cứ sở trường, năng lực để phân công nhiệm vụ đảng viên. Năm

⁽¹⁾ Báo cáo về nhiệm vụ và kết quả trong công tác xây dựng Đảng năm 1985 của xã Nam Chính, ngày 02/12/1985, do đồng chí Trương Vàng - Bí thư Đảng ủy ký.

1984, Đảng bộ Nam Chính bồi dưỡng kết nạp được 5 đảng viên mới. Đảng ủy tổ chức các lớp học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước cho các ban ngành, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và tuyên truyền sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Qua các đợt học tập, nhận thức của đảng viên được nâng lên, quan điểm lập trường được xác định rõ hơn.

Các đoàn thể quần chúng được Đảng bộ củng cố, xây dựng theo tinh thần Chỉ thị 53 của Trung ương, đưa hoạt động đi vào những chủ đề công tác cụ thể, thiết thực, chất lượng hoạt động có tiến bộ, các phong trào cách mạng của quần chúng mở rộng, hoạt động hiệu quả hơn trước. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Nam Chính tổ chức tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng đến mọi tầng lớp nhân dân, phản ánh nguyện vọng của nhân dân với Đảng, chính quyền, phát động các hội viên và các tổ chức thành viên tham gia mua công trái, gởi tiền tiết kiệm, huy động vốn tín dụng, xây dựng hội bảo thọ và triển khai công tác mặt trận xuống các địa bàn dân cư. Phát huy vai trò nòng cốt trong cuộc bầu cử hội đồng nhân dân 2 cấp, đi đầu trong việc phát động phong trào mua công trái trong nhân dân⁽¹⁾. Xã Đoàn

⁽¹⁾ Trong đợt phát động này, xã Nam Chính đã vận động nhân dân mua công trái với số tiền 160000 và 2000kg lúa.

Nam Chính có tiến bộ trong tập hợp và vận động lực lượng thanh niên thi hành luật nghĩa vụ quân sự, đảm nhận một số công trình như làm đường giao thông, thủy lợi, phát động phong trào trồng cây... Hội Nông dân tập thể xã Nam Chính tích cực vận động nông dân vào hợp tác xã, giáo dục hội viên làm nòng cốt trong lao động sản xuất tập thể và các mặt công tác, góp phần thực hiện chức năng giám sát, kiểm soát; tham gia chống tiêu cực trong quản lý và điều hành kinh tế tập thể. Hội Phụ nữ xã đã vận động con em thi hành luật nghĩa vụ quân sự, vận động hội viên thực hiện chính sách hậu phương quân đội, chăm lo quyền lợi cho phụ nữ và trẻ em; thường xuyên thăm hỏi các gia đình có công với cách mạng, động viên, giúp đỡ kịp thời trong lúc khó khăn thể hiện vai trò hậu phương đối với tiền tuyến. Đồng thời, tích cực lao động sản xuất trong các hợp tác xã và chăn nuôi theo hộ gia đình. Phong trào nuôi con khỏe dạy con ngoan ở nhà trẻ, mẫu giáo và thực hiện sinh đẻ có kế hoạch được đẩy mạnh thực hiện.

Từ năm 1983 đến 1985, Đảng bộ và nhân dân xã Nam Chính đạt được một số thành tích tích cực. Công tác xây dựng Đảng, chính trị tư tưởng được củng cố; phát huy được tinh thần đoàn kết trong nội bộ Đảng, chính quyền và nhân dân. Đảng bộ phát huy được vai trò hạt nhân trong việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế, đảm bảo an

ninh chính trị, quốc phòng của địa phương. Công tác Mặt trận, các hội đoàn thể được củng cố, đi vào hoạt động có chất lượng. Công tác phát triển đảng viên có tiến bộ so với những năm trước. Trong sinh hoạt đã phát huy tinh thần phê bình và tự phê bình, tỷ lệ đảng viên yếu kém giảm đi rõ rệt. Sản xuất nông nghiệp ngày càng phát triển, năng suất lao động nâng lên; các hợp tác xã tiếp tục được củng cố. Hoạt động phân phối, lưu thông từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân. Hoạt động văn hóa xã hội, y tế, giáo dục đẩy mạnh. Trẻ em trong độ tuổi đi học đều được đến trường học tập. Chất lượng dạy và học ngày một nâng cao.

Bên cạnh những thành tựu bước đầu, cũng còn một số khó khăn, thách thức. Đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn. Đội ngũ cán bộ có trưởng thành nhưng còn yếu và thiếu, trình độ chưa theo kịp với tình hình. Trong phong trào xây dựng hợp tác xã chưa mạnh, cán bộ hợp tác xã có tư tưởng làm theo mùa nên tinh thần trách nhiệm chưa cao, thiếu cương quyết. Trong phát triển sản xuất chưa nêu cao tinh thần làm chủ tập thể, hợp tác xã chưa gắn sản xuất với quốc phòng. Chưa phát huy tốt cơ chế Đảng lãnh đạo – nhân dân làm chủ tập thể – nhà nước quản lý. Chưa làm tốt nếp sống mới, việc cưới hỏi còn rườm rà, nạn kết hôn trái với luật pháp còn phổ biến.

Chương IV
NAM CHÍNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
TRONG THỜI KỲ MỚI (1986 - 2000)

I- VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG (1986 – 1990)

Sau hơn 10 năm thực hiện chính sách cải tạo và xây dựng xã hội chủ nghĩa, xã Nam Chính đã đạt được những thành quả khả quan trong xây dựng và phát triển quê hương. Bộ mặt nông thôn đã có nhiều thay đổi, công tác an ninh, quốc phòng được giữ vững; công tác xây dựng Đảng, chính quyền có nhiều tiến bộ.

Ngày 8/9/1986, Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Nam Chính lần thứ II (nhiệm kỳ 1986 - 1988) được tổ chức. Đại hội đã đánh giá việc thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ 1984 - 1985, đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu nhiệm kỳ 1986 -1988 và bầu Ban chấp hành gồm 07 đồng chí⁽¹⁾. Đồng chí Nguyễn Việt Hải - Bí thư Đảng ủy, đồng chí Trần Văn Dân - Thường trực Đảng ủy, đồng chí Bùi Văn Chinh - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

¹⁾ Tài liệu đánh máy do Đảng ủy xã Nam Chính cung cấp (theo biên bản bầu cử Đại hội Đảng bộ ngày 08/9/1986).

Cuối năm 1988, Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã Nam Chính khóa III (nhiệm kỳ 1988 - 1990) được tổ chức. Đại hội đã đánh giá việc thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ 1986 - 1988, đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu nhiệm kỳ 1988 - 1990 và bầu Ban chấp hành gồm 07 đồng chí. Đồng chí Bùi Văn Chinh - Bí thư Đảng ủy, đồng chí Phạm Huy Mẫn - Thường trực Đảng ủy, đồng chí Bùi Văn Hiệp – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Đầu năm 1990, đồng chí Bùi Văn Hiệp xin nghỉ việc, đồng chí Bùi Văn Chinh làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Đảng ủy xã Nam Chính bầu bổ sung đồng chí Nguyễn Việt Hải vào Ban Chấp hành Đảng bộ và giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy.

Để tháo gỡ cho sản xuất nông nghiệp phát triển, ngày 05/4/1988, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết 10 về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp⁽¹⁾, xác định hợp tác xã là đơn vị kinh tế tự chủ, hộ gia đình xã viên nhận khoán với hợp tác xã, xóa bỏ cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp, hạch toán tự chủ trong sản xuất. Từ đó, nhân dân phấn khởi làm chủ trong sản xuất; có quyền sử dụng đất lâu dài và đầu tư canh tác, nộp thuế cho Nhà nước. Cùng với sản xuất nông nghiệp, tháng 4/1987, Hội nghị Ban chấp hành

¹⁾ Ngày 05/4/1988, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 10-NQ/TW về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Ngày 20/10/1988, Tỉnh ủy ra Nghị quyết số 05-NQ/TU thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng.

Trung ương Đảng lần 2 (khóa 6) đã bàn đến những vấn đề cấp bách trong phân phối lưu thông, giá cả, tiền lương. Đến ngày 15/7/1988, Bộ Chính trị Trung ương Đảng có nghị quyết về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với các cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh... Đây là những chủ trương, biện pháp để đưa nước ta từ “bao cấp” sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa trong sản xuất và lưu thông.



Đồng chí Nguyễn Việt Hải

Bí thư Đảng bộ xã Nam Chính khóa II, khóa III và khóa IV

Các chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ, của Tỉnh ủy và Huyện ủy trong thời kỳ đầu đổi mới đã đưa đến điều kiện phát triển địa phương. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ xã trong hai nhiệm kỳ Đại hội lần II và III, về kinh tế- xã hội, quốc phòng- an ninh, hoạt động của Nhà nước và các đoàn thể cũng như công tác xây dựng Đảng của xã Nam Chính đạt một số kết quả tiến bộ.

Về kinh tế, thực hiện cơ chế quản lý mới và triển khai thực hiện các chính sách lưu thông vật tư hàng hóa, bước đầu tạo được động lực kinh tế, thúc đẩy sản xuất phát triển, đem lại một số kết quả rõ rệt. Đối với các hợp tác xã nông nghiệp, huyện Đức Linh thực hiện khoán hộ theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, giao đất cho từng hộ xã viên sản xuất. Với nỗ lực của từng hộ gia đình sản xuất theo khả năng, từ đó các diện tích sản xuất thời “bao cấp” bị bỏ hoang nay được đưa vào khai thác sản xuất. Đến năm 1990, diện tích canh tác được mở rộng lên 1464 ha⁽¹⁾. Công tác thủy lợi được quan tâm thực hiện phục vụ đắc lực cho việc tưới tiêu sản xuất, bên cạnh đó công tác phòng chống sâu bệnh, dịch bệnh trên cây trồng được chú trọng. Do đó, sản lượng lương thực,

¹⁾ Báo cáo kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ III (1989 – 1990) và phương hướng nhiệm vụ – mục tiêu phấn đấu ở những năm 1991 – 1993, tr. 2.

thực phẩm và các loại gia súc, gia cầm không ngừng được tăng lên. Sản lượng lương thực, năm 1986 chỉ đạt 1511 tấn nhưng đến năm 1990 đã tăng lên 3048 tấn. Mức lương thực bình quân đầu người từ 171kg/người năm 1986 tăng lên 300 kg/người vào năm 1990. Cây công nghiệp, năm 1990 có 132 ha điều tăng 44ha so với năm 1986; cây tiêu phát triển mạnh với khoảng 34000 trụ, trong đó 40% cho trái tăng so với năm 1986 là 24000 trụ; các cây dừa, cà phê có tăng nhưng không đáng kể. Do vậy, đời sống nhân dân cơ bản có ăn, đủ mặc nên việc huy động nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước được nhanh hơn và đạt 100% kế hoạch (kể cả việc trả nợ cho những năm trước)⁽¹⁾.

Tình hình chăn nuôi gia súc, gia cầm trong xã phát triển khá, chủ yếu chăn nuôi theo hộ gia đình. Năm 1986, toàn xã có trâu 386 con, bò 19 con, heo 1139 con, đến năm 1990 đã tăng lên đàn trâu 557 con, bò 35 con, heo 1380 con. Đàn gia cầm phát triển tương đối chậm.

Kinh tế dịch vụ được phát triển và mở rộng sản xuất nhưng chưa mạnh, chủ yếu tập trung ở các ngành nghề như

¹⁾ Trong hai năm 1986 – 1987, đã đóng góp 1127 tấn, trong đó có 466 tấn thuế (Báo cáo kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ II (1986 – 1988) và phương hướng nhiệm vụ – mục tiêu phấn đấu ở những năm 1989 – 1990, tr. 1).

sửa chữa xe đạp, rèn, gạch gói, nước đá, may mặc, xạc bình điện... phục vụ đời sống dân dân. Đến năm 1990, xã có 7 máy xay xát, 01 cơ sở sản xuất nước đá nhỏ và 01 lò gạch tư nhân sản lượng thấp. Khu thương mại đã được quy hoạch nhưng chưa thu hút được các nhà kinh doanh. Tiểu thủ công nghiệp phát triển chưa rõ nét, các dịch vụ mới dừng lại ở việc phục vụ đời sống nhân dân; dịch vụ sửa chữa để phục vụ sản xuất, chế biến nông sản, mở rộng sản xuất kinh doanh chưa được xem trọng.

Đến năm 1990, đời sống nhân dân trong xã cơ bản ổn định từ 70-75%, 25% gặp khó khăn về đời sống, học hành. Người dân xây nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố đạt khoảng 60% - 70%. Các phương tiện đi lại, tiện nghi sinh hoạt trong gia đình tăng đáng kể. Hàng hóa trên thị trường phong phú, mua bán thuận tiện hơn.

Công tác xây dựng cơ bản phục vụ sản xuất được thực hiện đồng bộ. Các nhà kho, sân phơi được tu sửa, mở rộng; hội trường, lớp mẫu giáo, cơ quan làm việc, giao thông nông thôn, giao thông nội đồng ở 4 hợp tác xã được thực hiện, tạo thuận lợi cho sản xuất và đời sống người dân.

Hợp tác xã mua bán bộc lộ nhiều hạn chế nên việc lưu thông hàng hóa chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu đời sống và sản xuất của người dân. Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã

Nam Chính đã thành lập các tổ đại lý ở 4 Hợp tác xã, hoạt động theo kế hoạch kinh doanh - hoạch toán của đơn vị sản xuất, phục vụ một số mặt hàng thiết yếu cho nhân dân như mắm, muối, dầu lửa theo định lượng Nhà nước phân phối. Mặt khác, tiến hành giao dịch với các nơi khác mua thêm một số mặt hàng về phục nhu cầu nhân dân và nhận ký hợp đồng thu mua cho Nhà nước một số mặt hàng nông sản, thực phẩm như heo, hạt điều, tiêu, đậu phụng... Tuy việc lưu thông phân phối đạt được không cao so với yêu cầu, song đã hỗ trợ một phần cho phục vụ sản xuất và đời sống.

Về giáo dục, chất lượng giảng dạy của giáo viên và chất lượng học tập, rèn luyện đạo đức của học sinh ngày càng phát triển tốt. Xã Nam Chính được huyện Đức Linh quan tâm cấp kinh phí và huy động nhân dân đóng góp 18.200.000 đồng để sửa chữa, xây dựng thêm phòng học, bổ sung trang thiết bị. Trong năm 1988 đã đầu tư xây dựng 3 phòng học phổ thông, 2 trường mẫu giáo, đóng mới 190 bộ bàn ghế. Song do tỷ lệ học sinh tăng nhanh theo từng năm, trong khi cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, đội ngũ giáo viên chưa theo kịp nên còn diễn ra tình trạng học 3 ca; tỷ lệ học sinh bỏ học còn khá cao.

Trạm Y tế xã được đầu tư thêm các trang thiết bị, phòng hộ sinh và thuốc chữa bệnh phục vụ việc khám và điều trị các bệnh thông thường cho nhân dân. Trạm Y tế xã đã khám và

điều trị cho 5471 lượt bệnh nhân, tiêm phòng 1216 lượt trẻ em. Phong trào vệ sinh phòng bệnh được thực hiện khá tốt (đặc biệt chú ý đến công trình giếng nước sạch). Việc vận động sinh đẻ có kế hoạch được đẩy mạnh (triệt sản 90% trong tổng số phụ nữ ở diện tuổi cho phép)⁽¹⁾.

Văn hóa - thông tin, thể dục thể thao đạt được một số kết quả trong phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương. Một số phong trào văn nghệ quần chúng, thể dục thể thao được tổ chức như bóng đá, bóng chuyền, văn nghệ quần chúng, tham gia các ngày hội văn hóa các dân tộc thiểu số...

Công tác quốc phòng và an ninh được xã Nam Chính thường xuyên chú trọng, tổ chức giáo dục tư tưởng, bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ, củng cố và xây dựng lực lượng công an và quân sự. Mạng lưới an ninh nhân dân được xây dựng, lực lượng dân quân tự vệ - du kích được củng cố đạt hơn 1% dân số toàn xã. Vì vậy tình hình an ninh chính trị được giữ vững và ổn định. Từ năm 1986 đến 1990, chỉ tiêu giao quân hàng năm của xã đều đạt 100%⁽²⁾.

¹⁾ Báo cáo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ II (1986 – 1988) và Báo cáo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ III (1989 – 1990).

²⁾ Trong 4 năm (1986 – 1990), đã có 57 thanh niên lên đường nhập ngũ; quản lý động viên quân dự bị được 106 người; trong 2 năm 1989- 1990 đã huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ đạt 63%...

Công tác xây dựng, kiện toàn bộ máy nhà nước được quan tâm, Ủy ban nhân dân xã tiến hành củng cố các Ban, đơn vị công tác theo năng lực, sở trường của cán bộ, đảng viên. Tại các hợp tác xã, hàng năm đều tiến hành củng cố các Ban quản lý, đồng thời cắt giảm 1/3 số lượng cán bộ, nhân viên nhưng vẫn đảm nhiệm tốt vai trò điều hành công việc sản xuất. Công tác đào tạo cán bộ cũng được quan tâm, đã cử 17 đồng chí đi đào tạo tại các trường, từng bước quy hoạch ổn định đội ngũ cán bộ. Công tác điều hành và quản lý của Ủy ban Nhân dân xã trên một số mặt có tiến bộ hơn, đem lại những kết quả cụ thể trên lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Công tác xây dựng Đảng được chú trọng. Việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình ngày càng được phát huy; sinh hoạt chi bộ, đảng bộ được duy trì hàng tháng, qua đó nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Kiểm tra, phân loại chi bộ được đánh giá đúng thực chất⁽¹⁾. Việc phát triển đảng viên mới và thực hiện chính sách cán bộ có nhiều tiến bộ. Năm 1990, Đảng bộ xã Nam Chính đã kết nạp được 13 đảng viên mới, nâng tổng số lên 56 đảng viên sinh hoạt tại 5 chi bộ trực thuộc.

¹⁾ Trong nhiệm kỳ II, có 1/5 chi bộ đạt vững mạnh, 4/5 chi bộ đạt loại khá, không có chi bộ không hoàn thành nhiệm vụ. Trong nhiệm kỳ III, có 1/5 chi bộ đạt vững mạnh; chi bộ đạt loại khá 3/5; 1/5 chi bộ trung bình.

Thời gian này, tình hình quốc tế và trong nước diễn biến khá phức tạp, tác động đến đội ngũ cán bộ đảng viên. Vì vậy, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã đặc biệt quan tâm và thực hiện khá tốt công tác tư tưởng; chăm lo củng cố xây dựng Đảng, giáo dục đảng viên. Phần lớn cán bộ, đảng viên giữ được phẩm chất chính trị, ít giao động trước những biến động phức tạp của tình hình.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các hội, đoàn thể chính trị có nhiều cố gắng trong việc phối hợp cùng cấp ủy, chính quyền triển khai một số nhiệm vụ cụ thể: vận động nhân dân mua công trái, ủng hộ các chiến sĩ Trường Sa... ; củng cố tổ chức và phát triển hội viên ở cơ sở. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã đã phát huy tốt vai trò trong việc thực hiện 3 chức năng giáo dục chính trị tư tưởng, phối hợp thống nhất hành động và phản ánh tâm tư nguyện vọng của quần chúng với cấp ủy, chính quyền.

Hội Phụ nữ⁽¹⁾ phát động hội viên tham gia phong trào thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn của Đảng: lương thực, thực phẩm và hàng xuất khẩu; phong trào “Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình” được phát động, nhiều chị em hưởng ứng.

¹⁾ Đến cuối năm 1988, hội viên hội phụ nữ có 519 người.

Hội Nông dân⁽¹⁾ đẩy mạnh tuyên truyền các Nghị quyết 10, Chỉ thị 47 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 6 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết 5 của Tỉnh ủy về pháp lệnh thuế nông nghiệp, về đổi mới quản lý kinh tế trong nông nghiệp được đông đảo hội viên hưởng ứng.

Phong trào công nhân viên chức xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, của Chính phủ góp phần vào sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền địa phương ngày càng tốt hơn.

Cuối năm 1988, Đoàn Thanh niên với 90 đoàn viên làm nòng cốt trong công tác phát triển Đảng và tham gia tích cực vào các hoạt động xây dựng Đảng, chính quyền và các hoạt động phong trào do địa phương và cấp trên phát động.

Thời gian đầu thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng (1986-1990), tình hình chính trị ở địa phương cơ bản giữ được ổn định. Về mặt xã hội không để xảy ra những diễn biến xấu, phức tạp trên các lĩnh vực. Sản xuất bước đầu phát triển, rõ nhất là trên lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, lưu thông vật tư hàng hóa, thu hút khá lớn lực lượng lao động trong xã hội, tạo thêm việc làm ở nông thôn. Đầu tư xây dựng được một số cơ sở hạ tầng, công trình thủy lợi, đường giao

¹⁾ Hội Nông dân thực hiện Điều lệ mới, nên tổ chức xây dựng được 6 tổ với 100 hội viên.

thông, trường học, trụ sở làm việc; xây dựng một số cơ sở phúc lợi phục vụ sản xuất và đời sống. Đời sống nhân dân tương đối ổn định, một bộ phận được cải thiện rõ rệt. An ninh quốc phòng cơ bản được giữ vững. Giao quân hàng năm đều đạt chỉ tiêu trên giao. Công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, đoàn thể đạt được một số tiến bộ về xây dựng bộ máy và lề lối làm việc; nội bộ đoàn kết, chất lượng, hiệu quả công việc ngày càng được nâng lên.

Những kết quả đạt được trong giai đoạn đầu đổi mới của xã đã khẳng định Nghị quyết Đại hội VI của Đảng đề ra và các nghị quyết triển khai của Tỉnh ủy, Huyện ủy là đúng đắn, phù hợp với tình hình thực tiễn của đất nước và xu hướng phát triển. Nghị quyết của Đảng ủy đề ra qua các kỳ Đại hội là đúng đắn, sát hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, tạo động lực cho sự phát triển toàn diện các mặt kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, cũng còn tồn tại một số hạn chế. Kinh tế phát triển còn chậm, chưa khai thác hết tiềm năng, lợi thế của địa phương. Sản lượng các loại cây nông nghiệp còn thấp, chưa chú trọng việc ứng dụng ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Kinh tế tập thể về quản lý và điều hành sản xuất còn lúng túng khi chuyển sang cơ chế quản lý mới, khoán trắng cho hộ xã viên. Các thành

phần kinh tế ngoài quốc doanh năng lực sản xuất kinh doanh nhỏ, thiếu các cơ sở chế biến nông sản hàng hóa. Trong lưu thông phân phối hoạt động chưa hiệu quả. Trật tự, kỷ cương xã hội còn nhiều diễn biến phức tạp. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể, hợp tác xã chuyển biến chậm. Mặc dù đã tiến hành củng cố, song năng lực lãnh đạo của cấp ủy Đảng, quản lý, điều hành của Nhà nước và công tác vận động, tập hợp quần chúng còn nhiều hạn chế.

II- XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG PHÁT TRIỂN THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1991 – 2000)

Sau một thời gian chuẩn bị, từ ngày 18/10 đến ngày 19/10/1991, Đại hội Đảng bộ xã Nam Chính lần thứ IV (nhiệm kỳ 1991 - 1993) đã khai mạc. Ngoài việc tham gia báo cáo và các nghị quyết nhiệm vụ nhiệm kỳ IV của Đảng bộ xã, đại hội còn góp ý kiến vào Dự thảo “Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ”, trước hết là chiến lược ổn định và phát triển kinh tế- xã hội đến năm 2000 và bầu Ban Chấp hành có 7 đồng chí. đồng chí: Nguyễn Việt Hải - Bí thư Đảng ủy xã; Phạm Huy Mẫn - Thường trực Đảng ủy.

Tháng 01/1994, Đại hội Đảng bộ xã Nam Chính lần thứ V (nhiệm kỳ 1994-1995) được tổ chức. Đại hội kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ 1991 – 1993, đề ra phương hướng nhiệm kỳ 1994-1995, bầu ra Ban Chấp hành

Đảng bộ gồm 7 đồng chí⁽¹⁾. Đồng chí Bùi Văn Chinh - Bí thư Đảng ủy xã, Trần Minh Ngọc - Phó Bí thư Đảng ủy xã.



Đại hội Đảng bộ xã Nam Chính lần thứ IV

Trong hai ngày 12 và 13/2/1996, Đại hội Đảng bộ xã Nam Chính lần thứ VI (nhiệm kỳ 1996 – 1998) được diễn ra. Đại hội kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ 1994 – 1995, đề ra phương hướng nhiệm kỳ 1996 – 1998, bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 9 đồng chí. Đồng chí Bùi

¹⁾ Theo Quyết định số 21/QĐ/TVHU, ngày 18/01/1994 của Ban Thường vụ Huyện ủy Đức Linh về việc chuẩn y Ban Chấp hành chi ủy, đảng ủy cơ sở.

Văn Chinh - Bí thư Đảng ủy xã, đồng chí Nguyễn Văn Hùng - Phó Bí thư. Đến năm 1998, thực hiện Điều lệ Đảng, các cơ sở đảng đại hội 05 năm một lần, Đảng bộ xã Nam Chính tổ chức hội nghị sơ kết hai năm thực hiện nhiệm vụ 1996 – 1998, đề ra phương hướng nhiệm vụ 1998 - 2000.



Đồng chí Bùi Văn Chinh

Bí thư Đảng bộ xã Nam Chính khóa V và khóa VI
Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nam Chính (1986-1993)

Thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ IV, V và VI, Đảng bộ và nhân dân Nam Chính có bước phát triển mạnh mẽ, các chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng, Nhà nước đã được cụ thể hóa sát hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, mang lại hiệu quả tích cực, tạo động lực phát triển trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng an ninh.



Đại hội Đảng bộ xã Nam Chính lần thứ V

Trong sản xuất nông nghiệp có sự chuyển biến tích cực theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, giống mới, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, thâm canh tăng vụ và

mở rộng diện tích đất canh tác từ năm 1991 là 1728 ha đến năm 2000 tăng lên 2.263 ha. Năng suất các loại cây trồng tăng trưởng hàng năm từ 20 - 25%/năm. Sản lượng lương thực năm 2000 đạt 8000 tấn tăng so với năm 1991 là 4620 tấn. Các loại cây công nghiệp như tiêu, điều, cây ăn quả có sự tăng trưởng cả về diện tích và sản lượng.

Chăn nuôi gia súc từ năm 1991 đến 1995 tăng nhanh về số lượng, nhưng đến năm 2000 lại giảm⁽¹⁾. Nguyên nhân của sự tăng giảm thất thường theo thời gian là do đồng cỏ bị thu hẹp, đầm, bầu đưa vào sản xuất lúa và nuôi cá; mặt khác, đàn heo phát triển không ổn định do dịch bệnh, giá heo giảm, thức ăn gia súc tăng cũng ảnh hưởng chăn nuôi. Nuôi cá nước ngọt phát triển mạnh, nhân dân đã tận dụng ao, bầu, đầm, đìa đưa vào cải tạo để nuôi cá ở mức độ lớn, bước đầu đã đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Công tác khuyến nông, bảo vệ thực vật có chuyển biến tiến bộ, đã tổ chức nhiều lớp hướng dẫn ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, giúp nông dân đầu tư, phát triển sản xuất đạt hiệu quả.

Kinh tế chủ lực của xã Nam Chính là nông nghiệp nên các dịch vụ sản xuất phát triển mạnh. Năm 1991 có 50 máy

¹⁾ Năm 1990 có 557 con trâu, đến 1995 tăng lên 786 con nhưng năm 2000 giảm còn 172 con.

các loại như phun thuốc, làm đất, vận chuyển đến năm 2000 tăng lên 122 máy. Nghề sửa chữa cơ khí có 3 cơ sở, 1 cơ sở hàn tiện. Năm 2000, toàn xã có 10 điểm dịch vụ phân bón thuốc trừ sâu đảm bảo phục vụ cho nhu cầu sản xuất ở địa phương. Tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm, chủ yếu là may mặc, mộc dân dụng.

Thương mại - dịch vụ của xã có sự phát triển nhưng còn chậm. Toàn xã có 52 hộ buôn bán hàng tạp hóa, nguồn thu nhập không lớn.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 2 (khóa VII) và Chương trình hành động số 19-CTr/HU của Huyện ủy về định hướng chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa – hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000 nên công tác giáo dục tiếp tục có sự phát triển cả về số lượng và chất lượng. Từ năm 1991 đến 1995, trung bình 4 người dân có 1 người đi học. Phong trào phổ cập tiểu học và xóa mù chữ được đẩy mạnh, cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của người dân, không có tình trạng học ca 3. Từ năm 1996 đến 2000, cơ sở vật chất được đầu tư, huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường hàng năm đạt 96% - 98%. Tốt nghiệp phổ thông cơ sở đạt khá, riêng năm 1999 -2000 đạt 95%, tiểu học đạt 99%. Xã duy trì thường xuyên phong trào phổ cập tiểu học và xóa mù

chữ. Đến năm 2000 cơ bản đã hoàn thành phổ cập tiểu học và xóa mù chữ cho nhân dân trong độ tuổi. Đảng ủy còn tăng cường công tác chính trị trong công tác giáo dục, đẩy mạnh phát triển đảng, năm 1998 đã có 8/94 đảng viên là giáo viên, hình thành 2 chi bộ trường học.

Về y tế, công tác chăm sóc và điều trị bệnh ban đầu được thực hiện khá tốt, cơ bản phục vụ được nhu cầu khám, chữa một số bệnh thông thường cho nhân dân. Trạm y tế xã có 4 y sỹ, hàng năm đều hoàn thành các chương trình phòng bệnh, khám và điều trị cho nhân dân. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình đã có chuyển biến tiến bộ, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết 4 Trung ương (khóa VII). Số người trong độ tuổi sinh đẻ thực hiện đa dạng hóa các biện pháp tránh thai, đình sản tăng đáng kể. Năm 2000, tỷ lệ tăng dân số là 1,7%.

Công tác chính sách xã hội được trú trọng. Năm 1993, thực hiện chủ trương xóa đói giảm nghèo của Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra Nghị quyết 5 tạo điều kiện cho hộ nghèo được vay vốn ưu đãi của Nhà nước, đầu tư phát triển sản xuất, sớm ổn định cuộc sống. Chính sách đền ơn đáp nghĩa⁽¹⁾ thể hiện bằng những việc làm thiết thực như: xây nhà tình nghĩa, tặng sổ tiết kiệm những gia đình chính sách khó

¹⁾ Toàn xã có 177 đối tượng chính sách và 102 trường hợp là đối tượng xã hội như trẻ em mồ côi tàn tật, người già không nơi nương tựa.

khăn, xây dựng quỹ hội giúp nhau làm kinh tế gia đình; thăm và tặng quà các gia đình chính sách, giúp đồng bào các nơi gặp thiên tai, hoạn nạn⁽¹⁾.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin tuyên truyền và thể dục - thể thao trong xã có nhiều tiến bộ, phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị của địa phương theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII). Cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa được phát động và từng bước đi vào đời sống của người dân. Các hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức, thu hút đông đảo nhân dân tham gia.

Công tác quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội được Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Nam Chính tổ chức tổng kết hàng năm, đưa ra Nghị quyết chuyên đề. Đảng bộ và nhân dân luôn nêu cao tinh thần cảnh giác trước những âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội. Thường xuyên củng cố bổ sung phương án phòng thủ (các kế hoạch A1, A2). Hàng năm, xã

¹⁾ Trong giai đoạn 1996 – 2000 đã tặng sổ tiết kiệm, sửa chữa nhà với kinh phí 93 triệu đồng, giúp đỡ các hộ nghèo đói trên 6 tấn gạo, xây dựng 3 nhà tình thương với giá trị 24 triệu đồng. Ngoài ra xã phối hợp với ngân hàng tạo vốn cho nhân dân thông qua nhiều chương trình cho nhân dân vay trên 4 tỷ đồng để giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo. Nhìn chung số hộ nghèo của xã từ 30% năm 1990 giảm xuống 10% năm 2000. Theo báo cáo Đại hội Đảng bộ xã Nam Chính lần thứ VII nhiệm kỳ 2000 – 2005.

Nam Chính hoàn thành tốt các chương trình huấn luyện dân quân tự vệ, thực hiện tốt việc quản lý quân dự bị động viên; giao quân đạt 100% chỉ tiêu. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt 2% - 2,5% dân số.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương III (khóa VII) về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng, công tác xây dựng Đảng đạt những tiến bộ đáng kể. Đảng ủy xã xem trọng việc kết hợp chặt chẽ giữa việc giáo dục, bồi dưỡng lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với việc học tập, quán triệt các nghị quyết, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Qua đó, nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên ngày càng được nâng lên. Đến năm 2000, Đảng bộ Nam Chính có 65 đảng viên sinh hoạt tại 8 chi bộ trực thuộc (tăng 3 chi bộ, 9 đảng viên so với năm 1991). Qua phân loại hàng năm, Đảng bộ Nam Chính đều đạt danh hiệu Đảng bộ khá, 25% chi bộ đạt trong sạch vững mạnh. Các chi bộ yếu kém đã được củng cố, đi vào hoạt động có hiệu quả. Đảng bộ giữ vững nền nếp sinh hoạt đảng, thực hiện nghiêm công tác phê và tự phê bình; chấn chỉnh tác phong cán bộ đảng viên; thực hiện nghiêm Qui định “Những điều đảng viên không được làm”; nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng. Đảng bộ đã có nhiều biện pháp để động viên, phát huy tính tích cực, lòng nhiệt huyết của các đồng chí lớn tuổi, nghỉ hưu; mạnh dạn đề bạt, bố trí cán bộ trẻ đảm

nhận các chức danh chủ chốt. Công tác kiểm tra đảng viên được thực hiện thường xuyên, kiên quyết xử lý các sai phạm, ra sức chống lại tệ nạn tham nhũng, buôn lậu, chống sa hoa, lãng phí và xem đây là công việc thường xuyên trong công tác xây dựng Đảng.

Bộ máy chính quyền luôn được chấn chỉnh, củng cố. Chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân ngày được nâng cao. Đội ngũ cán bộ được bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ văn hóa, nghiệp vụ; năng lực làm việc có tiến bộ và đạt hiệu quả hơn. Các cơ quan bảo vệ pháp luật đã tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến học tập pháp luật trong nhân dân và kiểm tra, phát hiện, uốn nắn, xử lý kịp thời các sai phạm, ngăn ngừa tiêu cực, tham nhũng xảy ra ở địa phương.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VI) về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, Dân vận Đảng ủy xã Nam Chính được thành lập, từng bước được củng cố và đi vào hoạt động có hiệu quả. Tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân chấp hành và thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Triển khai thực hiện quy chế dân chủ, từng bước xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân góp phần xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể.

Hoạt động của mặt trận và các đoàn thể từng bước đi vào nền nếp, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, tuyên truyền, vận động nhân dân toàn xã thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia xây dựng và thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương; phát động mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước kết hợp với chăm lo lợi ích của quần chúng nhân dân, tạo thành những phong trào có sức lôi cuốn đông đảo nhân dân tham gia như: nông dân sản xuất giỏi, thanh niên lập nghiệp, phụ nữ tiết kiệm, đền ơn đáp nghĩa, câu lạc bộ khuyến nông,... Qua các phong trào, số lượng đoàn viên, hội viên của Mặt trận và các đoàn thể ngày một tăng, đến năm 2000 có 678/3200 phụ nữ đã vào Hội; có 120 đoàn viên thanh niên; 65 hội viên Hội Cựu chiến binh tạo nên sức mạnh quần chúng rộng rãi để cùng với Đảng bộ và chính quyền hoàn thành nhiệm vụ chính trị chung.

Qua 9 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Nam Chính lần thứ IV, V và VI, Đảng bộ và nhân dân Nam Chính gặt hái được những thành công nhất định. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước được đầu tư. Nhiều vấn đề xã hội được giải quyết có hiệu quả. Đời sống nhân dân từng bước cải thiện, tăng hộ khá và giàu. Bộ mặt nông thôn đã thay đổi nhiều so với trước đây. Lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào công cuộc đổi mới của nhân dân ngày càng được

củng cố và nâng cao hơn. Tình hình chính trị - xã hội, quốc phòng và an ninh trên địa bàn được giữ vững, củng cố. Nhân dân nêu cao tinh thần sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Công tác xây dựng Đảng được củng cố và tăng cường về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội từng bước được đổi mới về phương thức hoạt động. Quyền làm chủ của nhân dân được tôn trọng và được phát huy trên các lĩnh vực.

Tuy nhiên trong những năm 90 của thế kỷ XX, kinh tế của xã phát triển chưa thật sự ổn định, sản xuất còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên và các yếu tố khách quan. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, trong đó tỉ trọng sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, dịch vụ, công nghiệp chưa phát triển. Tiểu thủ công nghiệp còn nhỏ lẻ. Thu ngân sách so với nhu cầu còn thấp và mất cân đối⁽¹⁾. Một số vấn đề bức xúc của xã hội chưa giải quyết kịp thời. An ninh quốc phòng vẫn còn mầm mống có thể gây mất ổn định. Hoạt động của Ban Chấp hành Đảng ủy, chính quyền, Mặt trận tuy có nhiều tiến bộ, song vẫn còn hạn chế, chất lượng phối hợp hoạt động chưa cao, chưa sâu.

Thành công bước đầu của những năm cuối thế kỷ XX sẽ tạo tiền đề cho bước phát triển trong những năm tiếp theo của thế kỷ XXI.

⁽¹⁾ Báo cáo Đại hội Đảng bộ xã Nam Chính lần thứ VII (nhiệm kỳ 2000 – 2005), tr. 8.

Chương V

TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TRÊN QUÊ HƯƠNG NAM CHÍNH (2000 - 2015)

I- ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TRÊN QUÊ HƯƠNG NAM CHÍNH (2000 - 2005)

Tháng 8/2000, Đại hội Đảng bộ xã Nam Chính lần thứ VII (nhiệm kỳ 2000-2005) được diễn ra. Đại hội đã kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ 1996 – 2000, đề ra phương hướng, nhiệm vụ từ năm 2000 – 2005 và bầu Ban Chấp hành gồm 7 đồng chí. Đồng Bùi Văn Hiệp - Bí thư Đảng ủy; đồng chí Nguyễn Thị Liễu – Phó Bí thư Thường trực và đồng chí Trần Minh Ngọc, Phó Bí thư – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Đại hội đã xác định mục tiêu tổng quát của đảng bộ trong những năm đầu thế kỷ XXI: *Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm là 10%; Hoàn thành cơ bản xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương; Giữ vững an ninh chính trị; Xây dựng Đảng bộ trong sạch-vững mạnh.*

Đảng bộ và nhân dân Nam Chính thực hiện những nhiệm vụ do đại hội Đảng bộ xã lần thứ VII đề ra trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội của xã có những thuận lợi và khó khăn

đan xen. Vì thế, Ban Chấp hành Đảng bộ đã có nhiều nỗ lực, tranh thủ sự lãnh đạo của cấp trên, từng bước tháo gỡ khó khăn để lãnh đạo nhân dân phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu về kinh tế - xã hội. Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội, các mặt kinh tế- xã hội, an ninh- quốc phòng, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đều có bước phát triển tương đối toàn diện.

Là một xã thuần nông, nên Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo và vận động nhân dân đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cây trồng, vật nuôi trong sản xuất nông nghiệp. Kinh tế nông nghiệp chuyển dịch đúng hướng; từng bước hình thành các mô hình sản xuất theo hướng kinh tế trang trại; các hình thức dịch vụ nông nghiệp ngày càng được phát triển. Đến năm 2005, diện tích, năng suất, sản lượng đều tăng; sản lượng lương thực tăng bình quân hàng năm 4 %. Năm 2000, sản lượng lương thực đạt 7.500 tấn, đến năm 2005 tăng lên 12.000 tấn. Các loại cây lâu năm được sản xuất theo hướng tập trung, thâm canh. Hệ thống giao thông nông thôn, giao thông nội đồng được tu sửa, nâng cấp cơ bản đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Điện lưới quốc gia đã phủ khắp 6/6 thôn, 98% hộ dân được sử dụng điện.



Đại hội Đảng bộ xã Nam Chính lần thứ VII

Các hoạt động văn hóa trên địa bàn tiếp tục phát triển. Thông qua phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, xã đã xây dựng thôn văn hóa, gia đình văn hóa, 100% hộ có phương tiện nghe nhìn, các hoạt động văn hóa – thể dục thể thao phát triển rộng và đạt nhiều thành tích trong hội thi, hội thao cấp huyện. Việc quản lý các hoạt động văn hóa được tăng cường. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư được đẩy mạnh. Năm 2005 xã Nam Chính có 80% gia đình được công nhận “gia đình văn hóa”, 2/6 thôn được công nhận “thôn văn hóa”.

Đến năm 2005, xã Nam Chính không còn hộ đói, hộ nghèo giảm xuống còn 6 %. Từ năm 2000 đến 2005, xã đã vận động nhân dân tham gia đóng góp Quỹ vì người nghèo được 25 triệu đồng, hỗ trợ tu sửa 23 nhà tình thương.



Đồng chí Bùi Văn Hiệp
Bí thư Đảng bộ xã Nam Chính khóa VII

Lĩnh vực giáo dục đạt những thành tích đáng kể, các cơ sở trường học được đầu tư mở rộng, học sinh không phải học ca 3, tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi vào lớp 1 đạt 100%. Năm 2004 xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập Tiểu học và Trung học cơ sở.

Công tác xây dựng Đảng có nhiều chuyển biến tiến bộ, Đảng bộ thường xuyên quan tâm công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng. Hầu hết, đảng viên giữ gìn tốt phẩm chất đạo đức, hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công. Thành lập thêm 1 chi bộ, kết nạp mới 12 đảng viên. Các đảng viên được tham gia các lớp học tập nghị quyết, bồi dưỡng chính trị nhằm nâng cao trình độ lý luận.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân có nhiều tiến bộ trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quyền lực nhà nước tại địa phương. Ủy ban nhân dân xã đã có nhiều nỗ lực trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác điều hành quản lý xã hội, thực hiện tốt chương trình cải cách hành chính theo cơ chế “một cửa” gắn với kỷ cương, kỷ luật hành chính, phát huy quy chế dân chủ cơ sở và quy chế dân chủ cơ quan. Tập trung kiện toàn bộ máy chính quyền theo Nghị định 121/2003/NĐ-CP, thường xuyên củng cố ban nhân dân thôn, từng bước nâng cao trình độ, năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ, đã tạo được uy tín và niềm tin

trong nhân dân. Cán bộ làm việc tại UBND được củng cố theo hướng trẻ hóa, chăm lo công tác bồi dưỡng về chuyên môn; chính quyền thực hiện tốt quy chế phối hợp với Mặt trận, đoàn thể trong việc quản lý nhà nước cũng như công tác vận động nhân dân thực hiện nghĩa vụ công dân.

Mặt trận và các tổ chức đoàn thể ngày càng hoạt động tốt hơn, hàng năm đều được đánh giá cao. Thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ 8 (khóa VII) về công tác vận động quần chúng, củng cố mở rộng mặt trận đại đoàn kết dân tộc, Đảng ủy chú ý đến công tác sơ kết và bổ sung kế hoạch để chỉ đạo cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới. Hoạt động của mặt trận và các đoàn thể từng bước đi vào nền nếp, đổi mới được nội dung và phương thức để từ đó tuyên truyền, vận động nhân dân toàn xã thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia xây dựng và thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương; phát động mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước kết hợp với việc chăm lo lợi ích của quần chúng nhân dân, tạo thành những phong trào có sức lôi cuốn đông đảo nhân dân tham gia như: nông dân sản xuất giỏi, thanh niên lập nghiệp, phụ nữ tiết kiệm, đền ơn đáp nghĩa, câu lạc bộ khuyến nông... Qua các phong trào, mặt trận và các đoàn thể đã phát triển thêm đoàn viên, hội viên, tạo nên sức mạnh quần chúng rộng rãi để cùng với Đảng bộ và chính quyền hoàn

thành nhiệm vụ chính trị chung.

Tình hình an ninh chính trị luôn được giữ vững, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định. Phong trào quốc phòng toàn dân có bước phát triển mới.

Đảng bộ và nhân dân luôn nêu cao tinh thần cảnh giác trước âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, chủ động ngăn ngừa và đập tan mọi âm mưu chống phá; phản bác các luận điệu xuyên tạc, kiên quyết giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn xã nhà, góp phần giữ vững an ninh chính trị trên cả nước.

Đảng ủy đã mở nhiều lớp và thông qua nhiều kênh thông tin để tuyên truyền cho cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù; trên cơ sở đó đẩy mạnh công tác phòng chống tội phạm, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, bảo vệ cuộc sống yên lành cho nhân dân. Bộ máy công an từ xã đến thôn luôn được kiện toàn cả về số lượng và chất lượng.

Công tác quân sự và quốc phòng địa phương luôn được Đảng ủy và các cấp lãnh đạo quan tâm. Đảng ủy chỉ đạo cho cơ quan quân sự tổ chức luyện tập có kế hoạch, đúng nội dung và qui định của Ban Chỉ huy quân sự huyện; củng cố, nâng dần chất lượng hoạt động của Dân quân tự vệ tại chỗ và dân quân cơ động. Riêng lực lượng dự bị động viên đưa về

trên huấn luyện để nâng cao trình độ chính trị, trình độ tác chiến để phục vụ tốt cho công tác chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VII, Đảng bộ đã giữ vững sự đoàn kết thống nhất, lãnh đạo địa phương vượt qua khó khăn hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản do Đại hội đề ra. Kinh tế dần đi vào ổn định, đời sống nhân dân được cải thiện, an ninh chính trị được giữ vững, hoạt động của chính quyền, Mặt trận có tiến bộ, công tác xây dựng Đảng luôn được quan tâm.

II- THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ XÃ KHÓA VIII, TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN QUÊ HƯƠNG (2005-2010)

Tháng 7/2005, Đại hội Đảng bộ xã Nam Chính lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2005-2010) được tổ chức. Đại hội kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ 2000-2005, đề ra phương hướng nhiệm kỳ 2005-2010 và bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 7 đồng chí. Đồng chí Trần Minh Ngọc - Bí thư Đảng ủy, đồng chí Phạm Hồng Ảnh - Phó Bí thư Đảng ủy; đồng chí Nguyễn Dũng Anh - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Tại Đại hội, Đảng bộ đã nêu rõ những quan điểm chỉ đạo và mục tiêu phát triển đến năm 2010. Với mục tiêu tổng quát là: *“Đẩy mạnh phát triển kinh tế, chuyển đổi mạnh và có hiệu*

quả về cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân, tạo ra nhiều việc làm tăng thu nhập trong dân. Giữ vững ổn định chính trị - trật tự an toàn xã hội; Xây dựng hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh, xây dựng Đảng, chính quyền đạt trong sạch, vững mạnh”



Đại hội Đảng bộ xã Nam Chính lần thứ VIII

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII, trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, mặc dù liên tiếp gặp nắng hạn, lũ lụt, dịch bệnh nhưng nhờ áp dụng khoa học kỹ thuật

trong thâm canh và chuyển dịch giống mới nên năng suất, sản lượng lương thực vẫn tăng hàng năm. Xã đã hình thành vùng chuyên canh sản xuất lúa trên 950 ha; 16 trang trại chăn nuôi heo bán công nghiệp; diện tích nuôi trồng thủy sản tăng 20 ha.



Đồng chí Trần Minh Ngọc
Bí thư Đảng bộ xã Nam Chính khóa VIII
Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nam Chính (1996-2005)

Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp cũng có chiều hướng phát triển nhanh. Trên địa bàn xã đã có 13 cơ sở bóc tách hạt điều, 1 công ty may gia công và nhiều cơ sở kinh doanh khác.

Mạng lưới kinh doanh thương mại - dịch vụ đã từng bước phát triển, cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu cung ứng vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất và hàng hóa tiêu dùng cho nhân dân. Đồng thời giải quyết bao tiêu sản phẩm nông sản hàng hóa cho nông dân. Nhiều điểm bán lẻ hàng hóa, ăn uống, dịch vụ sửa chữa, văn hóa phẩm đã phát triển đến các điểm dân cư nông thôn.

Lĩnh vực văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến, cơ sở vật chất phục vụ cho giáo dục ngày một hoàn thiện. Trong 5 năm tăng 3 cơ sở, 10 phòng học ở các cấp học. Chất lượng giáo dục được nâng lên, các trường đều đạt tiên tiến và tiên tiến xuất sắc hàng năm, 1 trường được công nhận đạt Chuẩn quốc gia mức 1. Xã giữ vững phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; huy động học sinh trong độ tuổi vào lớp 1 hàng năm đạt 100%. Công tác y tế, thông tin, thể thao đều có bước chuyển biến rõ nét so với đầu nhiệm kỳ.

Về Quốc phòng - an ninh, xã xây dựng lực lượng dân quân được về quân số theo biên chế, đảm bảo chất lượng hoạt động. Công tác giao quân hàng năm đều đạt 100% chỉ tiêu

trên giao. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững và ổn định.

Nhận thức chính trị của đảng viên ngày càng được nâng cao, nhất là từ khi thực hiện Cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”. Hầu hết cán bộ, đảng viên giữ vững phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng. Đảng bộ luôn giữ vững sự đoàn kết, thống nhất. Trong nhiệm kỳ, thành lập thêm 2 chi bộ thôn, 1 chi bộ trường học và 1 chi bộ cơ quan, kết nạp thêm 30 đảng viên; cử nhiều cán bộ, đảng viên tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị. Đến cuối năm 2010, cơ bản sắp xếp các ban giúp việc của Đảng ủy; Đảng ủy luôn đổi mới phương pháp lãnh đạo theo hướng sát cơ sở; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và quan tâm hơn công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí.

Hoạt động của Mặt trận, đoàn thể được chuyển biến rõ nét. Đảng ủy chỉ đạo tập trung kiện toàn các ban chỉ đạo và các chi đoàn, chi hội ở cơ sở. Công tác vận động quần chúng có nhiều chuyển biến, tập hợp được 78% quần chúng vào các tổ chức chính trị-xã hội. Đến năm 2010 có 4.160 đoàn viên, hội viên.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân từng bước đi vào nền nếp. Hội đồng nhân dân thực hiện chức năng giám sát và tiếp xúc cử tri thực chất hơn, chất lượng các

cuộc họp có tiến bộ. Việc thực hiện cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa” bước đầu đạt kết quả; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức xã được nâng lên cả trình độ và thái độ phục vụ người dân.

Nhiệm kỳ VIII, đánh giá tổng quát là Đảng bộ hoàn thành nhiệm vụ. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá và dần chuyển dịch đúng hướng; kết cấu hạ tầng được đầu tư, bộ mặt nông thôn có nhiều thay đổi tích cực; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên; các vấn đề văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ; quốc phòng an ninh được bảo đảm; đội ngũ cán bộ được chuyển biến về chất, ngày càng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; Đảng bộ đoàn kết, nhân dân có sự đồng thuận.

Tuy nhiên, trong nhiệm kỳ này vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, yếu kém. Đó là, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, hiệu quả trong chuyển dịch sản xuất chưa cao; tiêu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại phát triển chưa mạnh; lao động, việc làm chưa được giải quyết căn bản; đời sống của một bộ phận nhân dân còn khó khăn; năng lực quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn hạn chế; hoạt động của Mặt trận, đoàn thể còn chủ yếu là phong trào, chưa có chiều sâu; một vài chi bộ, một số đảng viên chưa thể hiện rõ vai trò lãnh đạo của mình, chưa theo kịp với đòi hỏi của tình hình mới; tình hình xã hội còn nhiều tệ nạn gây bức xúc trong nhân dân.

III- THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ XÃ KHÓA IX, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN QUÊ HƯƠNG NAM CHÍNH (2010-2015)

Từ năm 2010 – 2015, tình hình thế giới diễn biến nhanh và rất phức tạp. Kinh tế tăng trưởng chậm, nhiều nước tăng cường bảo hộ thương mại và sản xuất. Khủng hoảng nợ công diễn ra trầm trọng hơn ở nhiều quốc gia. Các nước lớn cạnh tranh quyết liệt giành ảnh hưởng trong khu vực. Trong nước, tác động của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu làm cho mặt trái của chính sách kích cầu và những yếu kém nội tại của nền kinh tế bộc lộ nặng nề hơn. Lạm phát tăng cao, kinh tế vĩ mô không ổn định, sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó, thiên tai, dịch bệnh gây thiệt hại lớn và yêu cầu bảo đảm an sinh xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh ngày càng cao. Trước tình hình đó, đòi hỏi Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Nam Chính phải sáng suốt đưa ra những giải pháp phù hợp, thiết thực, hiệu quả, đoàn kết, đổi mới, sáng tạo nhằm vượt qua những khó khăn thách thức, xây dựng quê hương Nam Chính ngày thêm giàu đẹp, văn minh.

Trong hai ngày 28 và 29/5/2015, Đại hội Đảng bộ xã Nam Chính lần thứ IX, (nhiệm kỳ 2010 – 2015) được diễn ra. Đại hội đã đánh giá kiểm điểm quá trình thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ 2005-2010, đề ra phương hướng, nhiệm vụ từ năm

2010 đến 2015 và bầu Ban Chấp hành gồm 9 đồng chí. Đồng chí Phạm Hồng Ảnh giữ chức vụ Bí thư đảng ủy; đồng chí Châu Hiền Hòa - Phó Bí thư thường trực Đảng ủy; đồng chí Nguyễn Dũng Anh - Phó bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.



Đại hội Đảng bộ xã Nam Chính lần thứ IX

Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát là: *“Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế; chuyển đổi mạnh và có hiệu quả cơ cấu kinh tế tăng tỉ trọng thương mại, dịch vụ, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất; nâng cao đời sống nhân dân, chất*

lượng giáo dục, chất lượng chăm sóc sức khỏe, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân; xóa đói, giảm nghèo bền vững, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển tiểu thủ công nghiệp để tạo việc làm, tăng thu nhập, bảo đảm an sinh xã hội; giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh”.



Đồng chí Phạm Hồng Ảnh

Bí thư Đảng bộ xã Nam Chính khóa IX và khóa X

Nhờ đưa ra những chủ trương, giải pháp phù hợp, kịp thời với từng giai đoạn, cộng thêm sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc được phát huy nên trong giai đoạn 2010 - 2015, Đảng bộ xã Nam Chính đã đạt được những kết quả khá toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.



Đồng chí Nguyễn Dũng Anh
Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nam Chính (2005 - 2015)

Đảng bộ đã tập trung lãnh đạo phát triển nông nghiệp một cách toàn diện bao gồm cả trồng trọt và chăn nuôi. Khuyến khích thâm canh, tăng vụ sản xuất cây lúa (một năm 03 vụ sản xuất lúa), kết hợp nhiều biện pháp có hiệu quả như: áp dụng khoa học kỹ thuật, sử dụng đũa giống mới phù hợp với điều kiện thổ dưỡng của địa phương, vận động nhân dân



Đồng chí Châu Hiền Hòa

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nam Chính (từ tháng 7/2015)

cải tạo vườn tạp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng⁽¹⁾, vật nuôi, cải tạo diện tích ao bàu để nuôi trồng thủy sản kết hợp với trồng sen, lúa⁽²⁾, tạo mọi điều kiện thuận lợi, tranh thủ sự hỗ trợ vốn đầu tư cho các trang trại sản xuất và chăn nuôi ngày càng mở rộng quy mô. Chính vì vậy, sản lượng lương thực năm 2011 so với năm 2014 tăng 0,98%; chăn nuôi gia súc, giảm cầm phát triển ổn định: đàn trâu 245 con năm 2011, đến năm 2015 tăng lên 360 con; đàn bò năm 2011 là 357 con, đến năm 2015 tăng 390 con; đàn gia cầm (vịt, gà) năm 2011 là 51.285 con, đến năm 2014 tăng 52.800 con... Tuy nhiên thiên tai, dịch bệnh thường xuyên xảy ra, trong khi giá cả, vật tư phục vụ cho sản xuất tăng cao, cộng thêm giá cả các mặt hàng nông - thủy sản không ổn định đã tác động không nhỏ đến đời sống và sản xuất của nông dân.

Tiêu thủ công nghiệp, dịch vụ và thương mại tiếp tục có sự phát triển nhưng ở quy mô nhỏ lẻ. Các cơ sở bóc tách hạt điều, may mặc, điểm bán lẻ vật tư nông nghiệp, vật liệu xây dựng, hàng hoá và các dịch vụ (chủ yếu là sửa chữa) mới dừng lại ở việc phục vụ đời sống nhân dân là chủ yếu.

⁽¹⁾ Diện tích cây năm 2011 85ha, năm 2014 tăng lên 90ha cho năng suất trung bình 18tạ/ha; diện tích cây cao su 150ha (không tính diện tích cây cao su của công ty cao su), đến năm 2014 tăng lên 155ha.

⁽²⁾ Năm 2011, diện tích nuôi trồng thủy sản 139ha, đến năm 2014 tăng lên 145ha. Sản lượng năm 2011 đạt 560 tấn, năm 2014 đạt 609 tấn, tăng 0,91%.

Qua 05 năm, tình hình kinh tế của xã Nam Chính có sự phát triển ổn định, sản lượng lương thực, thương mại, dịch vụ qua các năm đều có sự tăng trưởng. Nhiều chính sách hỗ trợ nhân dân sản xuất được triển khai và mang lại hiệu quả, tỷ lệ hộ nghèo giảm dần qua các năm (năm 2010 là 6,3% đến cuối năm 2015 giảm xuống còn 4,63%), đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao.



Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc tại thôn 5

Công tác văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, đặc biệt là phong trào xây dựng văn hóa nông thôn mới. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” luôn được

củng cố và nâng cao chất lượng, quá trình bình xét gia đình văn hóa, thôn văn hóa diễn ra công khai, dân chủ đảm bảo đúng quy định. Việc lồng ghép thực hiện các nhiệm vụ kinh tế xã hội gắn với phong trào xây dựng gia đình văn hóa - thôn văn hóa... ngày càng đa dạng, phong phú. Trung bình hàng năm có 4/6 thôn được công nhận đạt thôn văn hoá; 91% gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa; 100% số thôn đã xây dựng được hương ước. Nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang về cơ bản thực hiện tốt. Hoạt động văn hóa nghệ thuật diễn ra sôi nổi khắp trên các địa bàn; phong trào tập luyện thể dục thể thao có bước phát triển rộng khắp, tỷ lệ người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên ngày càng tăng.

Từ năm 2010 - 2015, xã Nam Chính tiến hành công cuộc xây dựng nông thôn mới. Để thực hiện nhiệm vụ này, Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới, ban quản lý và ban phát triển nông thôn được thành lập và thường xuyên củng cố, có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên ban chỉ đạo. Hàng năm, Đảng uỷ ban hành nghị quyết chuyên đề, qua đó đưa ra mục tiêu, lộ trình cụ thể để xây dựng nông thôn mới. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh với nhiều hình thức khá phong phú: qua sinh hoạt của các ban ngành, đoàn thể; trên đài truyền thanh xã, các buổi họp thôn để triển khai.

Mặt trận và các đoàn thể phát động phong trào “Chung sức, chung lòng xây dựng NTM” gắn với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” qua đó đã tạo sự hưởng ứng mạnh mẽ trong nhân dân tham gia đóng góp và tác động tích cực đến các mặt của đời sống xã hội, góp phần phát triển kinh tế, giảm nghèo, giữ vững ANTT. Với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” đã phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, nhân dân người góp công, người góp của đã tạo nên một diện mạo nông thôn văn minh. Đến cuối năm 2015, 13/19 tiêu chí về xây dựng nông thôn mới đã hoàn thành⁽¹⁾.

Các chế độ chính sách cho người có công và đối tượng xã hội được quan tâm thực hiện tốt, nhất là các chế độ chính sách về thi đua khen thưởng thành tích tham gia kháng chiến, phong tặng Mẹ Việt Nam anh hùng. Công tác đạo tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn được trú trọng; đời sống của các gia đình chính sách ngày càng ổn định; tỷ lệ hộ nghèo giảm dần qua các năm.

¹⁾ Các tiêu chí hoàn thành đó là: Quy hoạch và thực hiện quy hoạch; giao thông; điện; chợ nông thôn; bưu điện; nhà ở dân cư; thu nhập; tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên; hình thức tổ chức sản xuất; giáo dục; y tế; văn hóa; an ninh trật tự, xã hội.



Lễ khởi công công trình đường giao thông nông thôn xã Nam Chính

Công tác Y tế xã được chú trọng, nhìn chung nhận thức của người dân về ăn ở vệ sinh, phòng chống dịch bệnh là khá tốt. Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được đảm bảo. Cùng với nhiệm vụ khám chữa bệnh cho nhân dân, Trạm Y tế xã đã triển khai thực hiện tốt Chương trình mục tiêu y tế quốc gia và phối hợp với các ngành, đoàn thể đến các thôn tuyên truyền vận động nhân dân vệ sinh môi trường, quét dọn đường làng, ngõ xóm, ăn sạch, ở sạch, xây dựng công trình vệ sinh. Các chương trình chăm sóc bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em, kế hoạch hoá gia đình; tiêm chủng mở rộng; phòng, chống sốt rét; phòng chống lao; phòng chống

bướu cổ; truyền thông - giáo dục sức khỏe; phòng, chống HIV/AIDS... đều được triển khai hiệu quả.

Công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình được quan tâm triển khai thực hiện với nhiều giải pháp đồng bộ như: tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hoá gia đình; tư vấn, vận động áp dụng các biện pháp tránh thai; cam kết không sinh con thứ 3; đội ngũ làm công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình ngày càng được củng cố, trình độ chuyên môn nghiệp vụ ngày càng được nâng lên... Vì vậy, chất lượng dân số được nâng lên về mọi mặt⁽¹⁾.

Công tác giáo dục có bước chuyển biến đáng kể và đạt được một số thành tích đáng tự hào: cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học được quan tâm đầu tư; tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường đạt 100%; chất lượng giáo dục đã được nâng lên, tỷ lệ học sinh khá, giỏi năm sau cao hơn năm trước; đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý yêu nghề, vững về chuyên môn, giỏi về nghiệp vụ. Ngoài việc giảng dạy theo chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các trường đã kết hợp việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” với các phong trào thi đua của ngành, nhà trường và địa phương phát động. Công tác khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập được tập trung triển khai thực hiện, bước đầu đạt được những kết quả nhất định.

¹⁾ Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,2%; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng còn 9,58%.

Tình hình chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã được giữ vững. Bằng nhiều biện pháp như: tăng cường sự chỉ đạo, nắm bắt tình hình an ninh trật tự trên địa bàn xã; tuyên truyền vận động nhân dân đề cao cảnh giác, ngăn ngừa tội phạm; phối hợp với các lực lượng chức năng tuần tra, kiểm tra và xử lý các trường hợp vi phạm... Vì vậy, trong 05 năm trên địa bàn xã không có điểm nóng, điểm đột biến nào xảy ra.

Trong hoạt động quốc phòng, quân sự địa phương, công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ luôn được cấp ủy Đảng, chính quyền xã quan tâm chú trọng và tập trung chỉ đạo. Các văn bản pháp luật về dân quân tự vệ được triển khai thực hiện tốt; chất lượng chính trị, trình độ quân sự và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng này ngày càng được nâng cao. Nêu cao tinh thần cảnh giác trước những âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội. Hàng năm, lực lượng dân quân được tổ chức huấn luyện nghiêm túc, sát với yêu cầu nhiệm vụ và thực tế của địa phương, bảo đảm nội dung chương trình, thời gian theo quy định; chất lượng huấn luyện từng bước nâng cao.

Ngoài ra, lực lượng dân quân xã cũng làm tốt công tác phối hợp với công an xã thực hiện tuần tra thường xuyên trong các dịp lễ, tết; tham mưu giúp cấp ủy, chính quyền địa phương xử lý, giải quyết kịp thời các tình huống phát sinh;

phát huy tốt vai trò nòng cốt xung kích trong công tác dân vận. Bên cạnh đó, xã cũng thường xuyên quán triệt và triển khai có hiệu quả Pháp lệnh dự bị động viên, Luật nghĩa vụ quân sự tới các tầng lớp nhân dân trong xã. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ được thực hiện nghiêm túc, có nền nếp, đảm bảo “công bằng, dân chủ, công khai và đúng luật” từ khâu đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu, đến việc khám sơ tuyển, xét duyệt, chốt quân số hàng năm; chất lượng công dân nhập ngũ ngày càng được nâng cao...

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền được coi trọng, đây là nhiệm vụ hết sức quan trọng, là then chốt trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Ban Thường vụ Đảng ủy thường xuyên quan tâm tâm và làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Đặc biệt là việc thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn với việc triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” đã tạo được một số chuyển biến quan trọng về công tác xây dựng Đảng, kịp thời sửa chữa, khắc phục được một số hạn chế, khuyết điểm, yếu kém kéo dài trên một số lĩnh vực của công tác xây dựng Đảng và trong đời sống xã hội. Nhận thức của cấp ủy đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong toàn đảng bộ được nâng lên, nhận diện rõ hơn những biểu hiện của sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Từ đó, xác định trách nhiệm của mình, nêu cao

ý thức tự giác, gương mẫu trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước.

Đến năm 2015, Đảng bộ Nam Chính có 14 chi bộ trực thuộc, tăng 01 chi bộ so với năm 2010 với tổng số 117 đảng viên. Công tác phát triển đảng viên mới đã góp phần tích cực vào việc nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, đảm bảo tính kế thừa, sự phát triển liên tục của Đảng, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng công tác Đảng viên và xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh. Vì vậy, trong giai đoạn 2010 - 2015 Đảng bộ phát triển được 40 đảng viên (*đạt 108,10% chỉ tiêu huyện giao*), chất lượng đảng viên ngày càng được nâng cao.

Qua phân loại Đảng bộ hàng năm, Đảng bộ Nam Chính đều đạt danh hiệu Đảng bộ Khá⁽¹⁾. Số chi bộ trong 05 năm: đạt trong sạch vững mạnh tiêu biểu cấp cơ sở chiếm 16,92%; đạt trong sạch vững mạnh chiếm 38,46%, hoàn thành tốt nhiệm vụ chiếm 33,84%; hoàn thành nhiệm vụ chiếm 9,23%; không có chi bộ yếu kém. Về công tác tổ chức, Đảng bộ giữ vững nền nếp sinh hoạt đảng, thực hiện nghiêm công tác phê và tự phê bình; chấn chỉnh tác phong cán bộ đảng viên; thực hiện nghiêm Quy định “*Những điều đảng viên không được làm*”; nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng. Công tác cán bộ có những chuyển biến tích cực, mạnh dạn đề

¹⁾ Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2010 và 2013; hoàn thành nhiệm vụ năm 2011, 2012 và 2014.

bạt, bố trí cán bộ trẻ đảm nhận các chức danh chủ chốt. Công tác kiểm tra giám sát được thực hiện thường xuyên. Qua kiểm tra cho thấy các chi bộ đều triển khai thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra, không có tổ chức cơ sở đảng nào vi phạm. Thực hiện theo Điều 30 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã thi hành kỷ luật 06 đảng viên (03 khiển trách, 02 cảnh cáo, xóa tên 01), góp phần ngăn ngừa các tiêu cực, phát huy tính kỷ cương, kỷ luật trong sinh hoạt Đảng và sự rèn luyện tu dưỡng của đảng viên.

Công tác xây dựng bộ máy chính quyền luôn được chấn chỉnh, củng cố, chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân ngày được nâng cao. Đội ngũ cán bộ được chăm lo bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ văn hóa, nghiệp vụ, năng lực làm việc có tiến bộ và đạt hiệu quả hơn. Các cơ quan bảo vệ pháp luật đã tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến học tập pháp luật trong nhân dân và kiểm tra, phát hiện, uốn nắn, xử lý kịp thời các sai phạm, ngăn ngừa tiêu cực, tham nhũng xảy ra ở địa phương. Kỷ cương, kỷ luật hành chính, ý thức trách nhiệm phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức được tăng cường. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước đã tạo chuyển biến lớn, thực hiện nhanh, triệt để, đúng quy trình giải quyết thủ tục hành chính, giảm phiền hà cho nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phát huy dân chủ trong giám sát chính quyền; làm tốt công tác tuyên

truyền, vận động, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng các cuộc vận động, các phong trào thi đua. Đồng thời, nắm chắc tình hình các tầng lớp nhân dân, kịp thời tham mưu cho Đảng ủy và chủ động phối hợp với chính quyền giải quyết tốt các vấn đề phát sinh; bảo vệ quyền và lợi ích của đoàn viên, hội viên và nhân dân.

Như vậy, với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên; sự vận dụng linh hoạt, sáng suốt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Nam Chính lần thứ IX; đồng thời phát huy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Đảng bộ và nhân dân Nam Chính đã đạt được những kết quả tích cực và khá toàn diện. Mặc dù trong điều kiện khó khăn, song kinh tế liên tục tăng trưởng với tốc độ khá; bộ mặt nông thôn tiếp tục khởi sắc; đời sống nhân dân được cải thiện, các chính sách đền ơn đáp nghĩa, phúc lợi xã hội và an sinh xã hội được bảo đảm; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội căn bản được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng có chuyển biến tiến bộ, từng bước đi vào chiều sâu; hệ thống chính trị ngày càng nâng dần hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Vai trò giám sát của của Hội đồng nhân dân từng bước được cải tiến và nâng dần chất lượng, nhất là hoạt động chất vấn, trả lời chất vấn, tiếp xúc cử tri và tiếp công dân. UBND xã ngày càng làm tốt chức năng quản lý của nhà nước, năng động trong công tác, điều hành thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và

pháp luật của nhà nước trong tình hình mới; công tác phối hợp giữa chính quyền và đoàn thể ngày càng được thực hiện tốt hơn; Mặt trận, các đoàn thể luôn được củng cố và duy trì làm tốt chức năng là cầu nối giữa Đảng với quần chúng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được cũng còn tồn tại một số hạn chế: cây lúa vẫn giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế; tiểu thủ công nghiệp phát triển chậm, dịch vụ thương mại phát triển chưa tương xứng với tiềm năng của địa phương; đời sống của một số hộ dân vẫn còn khó khăn; các phong trào thi đua yêu nước được phát động và được nhân dân tích cực tham gia, tuy nhiên chưa đi vào chiều sâu; tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội còn diễn biến khá phức tạp, tai nạn giao thông còn xảy ra nhiều, công tác phối hợp trong phòng chống tội phạm còn có những hạn chế nhất định; công tác phát triển đảng viên ở chi bộ thôn còn khó khăn, chỉ tiêu xây dựng chi bộ trong sạch vững mạnh chưa đạt; công tác quản lý nhà nước có lúc chưa theo kịp yêu cầu; hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chậm đổi mới về nội dung và hình thức, thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội còn lúng túng.

Với tinh thần đoàn kết, tư duy sáng tạo, Đảng bộ và nhân dân xã Nam Chính sẽ vượt qua những khó khăn, thách thức, xây dựng quê hương Nam Chính ngày một giàu đẹp, văn minh và cùng với cả nước vững bước tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Bác Hồ kính yêu đã lựa chọn.

KẾT LUẬN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Trải qua chặng đường 55 năm (1960 – 2015), Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Nam Chính luôn luôn đoàn kết, chịu đựng hy sinh, gian khổ, khắc phục hậu quả chiến tranh, cùng với nhân dân cả nước tiến hành cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới và tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Từ năm 1954 - 1975, Chính Đức (tức Nam Chính trong kháng chiến chống Mỹ) là tuyến nối liền Chi khu Hoài Đức với Võ Xu. Địa bàn xã đã diễn ra nhiều trận đánh ác liệt như trận đánh Mỹ đầu tiên của Bình thuận năm 1965; Trận Xóm Mít năm 1969. Người dân nơi đây bám đất, bám làng, vượt qua khó khăn, tăng gia sản xuất, tự túc tự cấp, đóng góp sức người, sức của, cung cấp lương thực, thực phẩm cho chiến trường. Con em Chính Đức tham gia lực lượng vũ trang, góp phần đánh giặc giải phóng quê hương. Đi qua cuộc chiến tranh, xã Nam Chính có 84 liệt sỹ, 45 thương, bệnh binh, 57 người có công với cách mạng, 9 bà mẹ được phong tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam anh hùng và 307 người được tặng Huân, Huy chương các loại.

Sau tháng 4/1975, Nam Chính khắc phục hậu quả chiến tranh, cùng quê hương Đức Linh xây dựng cuộc sống mới. Trong suốt quá trình xây dựng quê hương, cán bộ, đảng viên

và nhân dân xã Nam Chính đã vượt qua khó khăn, đạt nhiều thành quả trong lao động sản xuất như: thực hiện hợp tác hoá, thành lập hợp tác xã nông nghiệp, mua bán, tín dụng; hình thành những cánh đồng lúa và hoa màu... Người dân Nam Chính từ xa xưa có truyền thống cần cù lao động, có tinh thần dũng cảm chống thiên tai và giàu kinh nghiệm trồng lúa nước, trồng màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Từ lâu người nông dân nơi đây đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp góp phần phát triển kinh tế của mỗi gia đình và địa phương, góp phần đưa vùng đất Nam Chính ngày một no ấm. Sau ngày giải phóng đến nay, Nam Chính là một trong những xã luôn đi đầu trong thâm canh tăng vụ của huyện Đức Linh. Người dân Nam Chính năng động, nhanh nhạy trong quá trình tiếp thu cái mới, nhất là trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

Bước vào thời kỳ đất nước đổi mới, nhất là sau khi Nam Chính được chia tách năm 1983, mặc dù vẫn là một xã còn khó khăn, nhưng được sự quan tâm đúng mức của Đảng, Nhà nước, cùng với ý chí tự lực tự cường, phát huy truyền thống đoàn kết, lao động sáng tạo, vượt lên mọi khó khăn gian khổ dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ xã, địa phương đã thay da đổi thịt. Khi đất nước bước vào công cuộc đổi mới, người dân nơi đây đã chuyển một bộ phận lao động nông nghiệp sang tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ; xác

định hướng đi của nông nghiệp, tạo thành vùng chuyên canh những cây có lợi thế so sánh. Kinh tế - xã hội Nam Chính qua thời gian từng bước được nâng cao, đời sống nhân dân được cải thiện rõ nét. Các phong trào địa phương được phát triển; Cơ sở hạ tầng, vật chất, kỹ thuật của các hợp tác xã, của xã, công trình trường học, nhà trẻ được xây dựng; Tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể hoạt động tích cực. Nhìn lại chặng đường đã đi qua thì người dân Nam Chính không thể không tự hào với chính mình, về những thành quả đạt được chứa đầy mồ hôi, công sức.

Trong bối cảnh cả nước và địa phương có nhiều khó khăn, thử thách, Đảng bộ đã lãnh đạo chính quyền và nhân dân phát huy truyền thống cách mạng, nêu cao tinh thần tự lực tự cường, dám nghĩ dám làm; phát huy mọi tiềm năng và thế mạnh của địa phương đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội; đổi mới bộ mặt nông thôn, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, giữ vững kỷ cương, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật để tập trung xây dựng xã Nam Chính từng bước trở nên giàu mạnh và văn minh. Chặng đường dài ấy đầy chông gai và gian khó nhưng cũng rất đổi tự hào.

Từ thực tiễn ấy, Đảng bộ đã đúc kết một số bài học về lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương trong thời gian qua như sau:

Một là, Phải nắm vững và quán triệt mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, vận dụng nó một cách phù hợp và sáng tạo trong tình hình thực tế của địa phương; luôn coi trọng và tranh thủ sự lãnh đạo của Đảng bộ cấp trên.

Hai là, Phải thường xuyên chăm lo công tác xây dựng Đảng, luôn coi đó là nhiệm vụ then chốt, là nhân tố đảm bảo thắng lợi trong mọi thời kỳ cách mạng.

Ba là, Trong mọi hoạt động của mình, Đảng bộ phải luôn xác định “**dân là gốc**”; phải luôn gắn bó máu thịt với nhân dân; đoàn kết, học hỏi nhân dân; phát huy sức mạnh của nhân dân; cùng với nhân dân vượt qua mọi khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Bốn là, Xây dựng, củng cố và kiện toàn hệ thống chính quyền; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

Đây là những bài học rút ra được từ 55 năm xây dựng và phát triển của xã Nam Chính. Những bài học này tiếp tục là hành trang cho Đảng bộ và nhân dân bước vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh./.

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH CẤP ỦY QUA CÁC KỲ
ĐẠI HỘI

(Sau giải phóng, từ nhiệm kỳ I đến nhiệm kỳ X)⁽¹⁾

1- BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ NAM CHÍNH
KHÓA I (NHIỆM KỲ 1984-1985)

- 1- Đồng chí Trương Vàng - Bí thư Đảng ủy
- 2- Đồng chí Phạm Hoàng Hộ - Thường trực Đảng
- 3- Đồng chí Đặng Đầy - Phó Bí thư, Chủ tịch Mặt trận
- 4- Đồng chí Châu Nỹ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân
- 5- Đồng chí Phạm Huy Mẫn - Ủy viên Ban chấp hành

2- BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ NAM CHÍNH
KHÓA II (NHIỆM KỲ 1986-1988)

- 1- Đồng chí Nguyễn Việt Hải - Bí thư Đảng ủy
- 2- Đồng chí Bùi Văn Chinh - Chủ tịch Ủy ban nhân dân
- 3- Đồng chí Trần Văn Dân - Thường trực Đảng ủy
- 4- Đồng chí Nguyễn Văn Khương - Ủy viên Ban chấp hành
- 5- Đồng chí Phạm Huy Mẫn -
- 6- Đồng chí Nguyễn Văn Anh -
- 7- Đồng chí Trịnh Thanh Nghị -

¹⁾ Do tư liệu từ năm 1954 đến 1975 còn thiếu sót, nên Ban biên soạn không thống kê được Bí thư Ban cán sự, đội trưởng đội công tác Chính Đức trong kháng chiến. Ban Biên soạn sẽ cố gắng bổ sung vào lần tái bản sau, nếu sưu tầm được tư liệu.

**3- BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ NAM CHÍNH
KHÓA III (NHIỆM KỲ 1989 – 1990)**

- 1- Đồng chí Nguyễn Việt Hải - Bí thư Đảng ủy
- 2- Đồng chí Phạm Huy Mẫn - Thường trực Đảng ủy
- 3- Đồng chí Bùi Văn Chinh - Chủ tịch Ủy ban nhân dân
- 4- Đồng chí Trần Minh Ngọc - Ủy viên Ban Chấp hành
- 5- Đồng chí Bùi Văn Hiệp -
- 6- Đồng chí Đặng Văn Lưu -
- 7- Đồng chí Mai Xuân Biều -

**4- BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ NAM CHÍNH
KHÓA IV (NHIỆM KỲ 1991 – 1993)**

- 1- Đồng chí Nguyễn Việt Hải - Bí thư Đảng ủy
- 2- Đồng chí Bùi Văn Chinh - Chủ tịch Ủy ban nhân dân
- 3- Đồng chí Phạm Huy Mẫn - Thường trực Đảng ủy
- 4- Đồng chí Trần Minh Ngọc - Ủy viên Ban chấp hành
- 5- Đồng chí Đặng Sơn Hà -
- 6- Đồng chí Mai Xuân Biều -
- 7- Đồng chí Võ Hùng -

**5- BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ NAM CHÍNH
KHÓA V (NHIỆM KỲ 1994 – 1995)**

- 1- Đồng chí Bùi Văn Chinh - Bí thư Đảng ủy
- 2- Đồng chí Trần Minh Ngọc - Phó Bí thư Đảng ủy
- 3- Đồng chí Nguyễn Việt Hải - Ủy viên Ban chấp hành
- 4- Đồng chí Mai Xuân Biều -
- 5- Đồng chí Phạm Huy Mẫn -

6- Đồng chí Đặng Văn Lưu -

7- Đồng chí Bùi Văn Hiệp -

6- BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ NAM CHÍNH KHÓA VI (NHIỆM KỲ 1996 – 2000)

1- Đồng chí Bùi Văn Chinh - Bí thư Đảng ủy

2- Đồng chí Nguyễn Văn Hường - Phó Bí thư Đảng ủy

3- Đồng chí Trần Minh Ngọc - Chủ tịch Ủy ban nhân dân

4- Đồng chí Bùi Văn Hiệp - Ủy viên Ban chấp hành

5- Đồng chí Bùi Thái Hoàng -

6- Đồng chí Mai Xuân Biều -

7- Đồng chí Võ Hùng -

8- Đồng chí Nguyễn Thị Sương -

7- BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ NAM CHÍNH KHÓA VII (NHIỆM KỲ 2000 – 2005)

1- Đồng chí Bùi Hiệp - Bí thư Đảng ủy

2- Đồng chí Nguyễn Thị Liễu - Phó Bí thư Đảng ủy

3- Đồng chí Trần Minh Ngọc - Chủ tịch Ủy ban nhân dân

4- Đồng chí Nguyễn Văn Hường - Ủy viên Ban chấp hành

5- Đồng chí Bùi Thái Hoàng -

6- Đồng chí Nguyễn Dũng Anh -

7- Đồng chí Mai Xuân Biều -

8- BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ NAM CHÍNH KHÓA VIII (NHIỆM KỲ 2005– 2010)

1- Đồng chí Trần Minh Ngọc - Bí thư Đảng ủy

2- Đồng chí Phạm Hồng Ảnh - Phó Bí thư Đảng ủy

- 3- Đồng chí Nguyễn Dũng Anh - Chủ tịch Ủy ban nhân dân
- 4- Đồng chí Bùi Văn Hiệp - Ủy viên Ban chấp hành
- 5- Đồng chí Nguyễn Văn Hường -
- 6- Đồng chí Châu Hiền Hòa -
- 7- Đồng chí Nguyễn Minh Tân -

9- BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ NAM CHÍNH KHÓA IX (NHIỆM KỲ 2010 – 2015)

- 1- Đồng chí Phạm Hồng Ảnh - Bí thư Đảng ủy
- 2- Đồng chí Châu Hiền Hòa - Phó Bí thư Đảng ủy
- 3- Đồng chí Nguyễn Dũng Anh - Chủ tịch Ủy ban nhân dân
- 4- Đồng chí Nguyễn Đức Tài - Ủy viên Ban chấp hành
- 5- Đồng chí Nguyễn Minh Tân -
- 6- Đồng chí Nguyễn Văn Thanh -
- 7- Đồng chí Nguyễn Đức Quang -
- 8- Đồng chí Lê Văn Lào -
- 9- Đồng chí Bùi Thị Xuân -

Cuối năm 2012 và 2013 bầu bổ sung đồng chí Thới Thành Chung - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Nam Chính (2012) và đồng chí Lê Hồng Phong - Bí thư Chi bộ thôn 5 (2013) vào Ban chấp hành Đảng bộ xã.

10- BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ NAM CHÍNH KHÓA X (NHIỆM KỲ 2015 – 2020)

- 1- Đồng chí Phạm Hồng Ảnh - Bí thư Đảng ủy
- 2- Đồng chí Nguyễn Dũng Anh - Phó Bí thư Đảng ủy

- 3- Đồng chí Châu Hiền Hòa - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân
- 4- Đồng chí Thới Thành Chung - Ủy viên Ban chấp hành
- 5- Đồng chí Nguyễn Đức Tài -
- 6- Đồng chí Nguyễn Minh Tân -
- 7- Đồng chí Nguyễn Văn Thanh -
- 8- Đồng chí Lê Quang Hiếu -
- 9- Đồng chí Nguyễn Đức Quang -
- 10- Đồng chí Nguyễn Thị Thu Sương -
- 11- Đồng chí Nguyễn Thị Thân -

PHỤC LỤC II
NHỮNG BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG TRÊN QUÊ
HƯƠNG NAM CHÍNH (THEO A, B, C...)



Mẹ Đinh Thị Chắt (sinh năm 1921), có 02 con là liệt sỹ. Được Nhà nước phong tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng năm 2015.



Mẹ Lê Thị Cường (sinh năm 1926), có chồng và con là liệt sỹ. Được Nhà nước phong tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng năm 2014.



Mẹ Cao Thị Hòa (sinh năm 1927), có chồng và con là liệt sỹ. Được Nhà nước truy tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng năm 2015.



Mẹ Nguyễn Thị Kiệt (sinh năm 1914), có chồng và 2 con là liệt sỹ. Được Nhà nước phong tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng 24/4/1996.



Mẹ Lê Thị Lại (sinh năm 1920). Được Nhà nước phong tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng 24/4/1996.



Mẹ Huỳnh Thị Mai (sinh năm 1912), có 02 con là liệt sỹ. Được Nhà nước truy tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng năm 2015.



Mẹ Võ Thị Sửu (sinh năm 1912), có chồng và con là liệt sỹ. Được Nhà nước phong tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng năm 2014.



Mẹ Nguyễn Thị Tuất (sinh năm 1921), có 02 con là liệt sỹ. Được Nhà nước truy tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng năm 2014.



Nguyễn Thị Về (sinh năm 1920), có 02 con là liệt sỹ. Được Nhà nước phong tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng năm 2014.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
CHƯƠNG I- MẢNH ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ NHỮNG TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP	4
I- Sơ nét về vùng đất Nam Chính	4
II- Truyền thống cách mạng	8
CHƯƠNG II- NHÂN DÂN CHÍNH ĐỨC TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1960 - 1975)	11
I- Xây dựng và phát triển phong trào cách mạng, vươn lên giành thắng lợi bước đầu (1960 - 1965)	11
II- Thành lập đội công tác K12, K13, diệt ác, phá kềm giành quyền làm chủ (1966 – 1968)	24
III- Quân dân Chính Đức tiếp tục đấu tranh góp phần đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ Ngụy (1969 - 1971)	31
IV- Quân dân Chính Đức góp phần phá sản kế hoạch Bình định đặc biệt, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn (1972 - 1975)	49
CHƯƠNG III- KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 1986)	66
I- Nam Chính sau ngày giải phóng (3/1975 - 01/1976)	66
II- Nhân dân Nam Chính khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng và bảo vệ quê hương (1976 - 1982)	74

III- Chia tách xã, nhân dân Nam Chính tiếp tục đi lên Chủ nghĩa xã hội (1983 – 1986)	88
CHƯƠNG IV- NAM CHÍNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRONG THỜI KỲ MỚI (1986 - 2000)	105
I- Vượt qua khó khăn, xây dựng quê hương (1986 - 1990)	105
II- Xây dựng quê hương phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1991 - 2000)	117
CHƯƠNG V- TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TRÊN QUÊ HƯƠNG NAM CHÍNH (2000 - 2015)	129
I- Đẩy mạnh công cuộc đổi mới trên quê hương Nam Chính (2000-2005)	129
II- Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã khóa VIII, tiếp tục xây dựng và phát triển quê hương (2005-2010)	136
III- Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã khóa IX, xây dựng nông thôn mới trên quê hương Nam Chính (2010-2015)	142
KẾT LUẬN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM	159
PHỤ LỤC	163
I- Danh sách Ban chấp hành cấp ủy qua các kỳ đại hội	163
II- Những bà mẹ Việt Nam anh hùng trên quê hương Nam Chính	168

**LỊCH SỬ TRUYỀN THÔNG CỦA ĐẢNG BỘ
VÀ NHÂN DÂN XÃ NAM CHÍNH (1960 - 2015)**

*** CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG:**

Ban Chấp hành Đảng bộ xã Nam Chính (Khóa XI)

*** CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN:**

PHẠM HỒNG ẢNH

Bí thư Đảng ủy xã Nam Chính (khóa XI)

*** BIÊN SOẠN:**

PHẠM NGỌC KHA

NGÔ NGỌC HỘI

*** BIÊN TẬP:**

Th.s NGUYỄN THÀNH TÀI

*** HÌNH ẢNH, TRÌNH BÀY VÀ SỬA BẢN IN:**

NGÔ NGỌC HỘI

*In 300 cuốn. Khổ 13 x 19 cm tại Công ty TNHH SX - TM Sức Trẻ
ĐT: 0252 3757579*

(B17 KDC Văn Thánh II, Phú Tài, Phan Thiết, Bình Thuận)

*Giấy phép xuất bản số: 01/GP-STTTT do Sở Thông tin và truyền thông Bình
Thuận cấp ngày 05/01/2018.*

In xong và nộp lưu chiểu tháng 01/2018.